

VĨNH LONG MẾN YÊU

Người Long Hồ

I

Nói đến Vĩnh Long mà không nói một chút xíu về lịch sử và công ơn Nam Tiên của các chúa Nguyễn thì quả là một thiếu sót lớn. Thời Lê Mạt, các vua cuối đời Hậu Lê thật là bạc nhược nên quyền hành nằm trong tay các lộng thần và việc này đã dẫn đến việc Trịnh-Nguyễn phân tranh về sau này. Đây là thời kỳ loạn ly nhất trong lịch sử dân tộc, dân chúng cùng khổ và phải chịu nhiều cảnh tang thương gây ra bởi chiến tranh của các chúa. Tuy nhiên, trong cái bất hạnh lại có một cái may mắn, nhờ vào đó mà các chúa Nguyễn trong Nam có cơ hội Nam Tiến và mở rộng bờ cõi về phương Nam. Nam Kỳ Lục Tỉnh là một dãy đất bao La trù phú đã bao lần thay ngôi đổi chủ. Từ thế kỷ thứ VI trở về trước thì vùng đất này thuộc quyền Vương Quốc Phù Nam, sau đó Phù Nam suy yếu nên người Chân Lạp lấn chiếm vùng này và gọi vùng đất này là Thủy Chân Lạp. Từ sau thế kỷ thứ XV, dân Nam chúng ta bắt đầu tiến dần về phía Nam để khai mở vùng đất mà bây giờ chúng ta gọi là Nam Trung Phần như các vùng Mô Xoài, Bà Rịa... Rồi sau đó vào đầu thế kỷ thứ XVII (1620), chúa Nguyễn Phúc Nguyên hạ Công Nữ Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp là Chey Chetta II, với chủ đích là giữ hoà khí với các nước phía Nam nhằm rảnh tay củng cố thế lực để đương đầu với quân chúa Trịnh ở xứ Đàng Ngoài. Kể từ khi Công Nữ Ngọc Vạn về làm Hoàng Hậu xứ Chân Lạp, nhiều người Việt Nam cũng theo chân bà vào khai khẩn vùng Đồng Nai và Tân Bình. Và cũng kể từ sau khi Công Nữ Ngọc Vạn về làm Hoàng Hậu xứ Chân Lạp, một trang sử Nam Tiến đã mở ra cho xứ Đàng Trong, không đầy một thế kỷ rưỡi sau đó, toàn bộ lãnh thổ Thủy Chân Lạp tuần tự nội thuộc xứ Đàng Trong một cách êm thấm chứ không phải tốn nhiều xương máu cho công cuộc mở cõi này. Người Chân Lạp thời bấy giờ thường gọi Công Nữ Ngọc Vạn là Cô Chín Xinh, có lẽ vì vậy mà sau này mà người Pháp gọi trại vùng Nam Á kỷ Lục Tỉnh là Cochinchine (?). Đến giữa thế kỷ thứ XVIII (1757), ranh giới vùng cực Nam của xứ Đàng Trong đã chạy dài đến tận Mũi Cà Mau.

Hiện tại thì Vĩnh Long chỉ còn là một tỉnh nhỏ nằm giữa hai nhánh sông Tiền và sông Hậu, cách Sài Gòn khoảng 136 cây số về phía Tây Nam, và tổng số diện tích khoảng 1.487 cây số vuông. Địa đầu của thị xã Vĩnh Long là vùng Mỹ Thuận, giao điểm của quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1) và quốc lộ 53 (đi về Sa Đéc), là đầu mối giao thông quan trọng giữa Sài Gòn và các tỉnh miền Tây. Đây là một vùng châu thổ đã được thành hình lâu đời, mặt đất ở đây bằng phẳng nhưng không cao hơn mặt nước biển trung bình là bao nhiêu, chỉ vào khoảng từ 1 đến 2 thước (khoảng từ 3 đến 6 bộ Anh), thậm chí có nơi chỉ cao bằng mực nước biển mà thôi. Địa thế Vĩnh Long như một cù lao, Bắc giáp sông Tiền, Tây Bắc giáp Cái Tàu, Nam giáp sông Hậu, Tây Nam giáp Cần Thơ, Đông Nam giáp Trà Vinh. Diện tích toàn tỉnh hiện nay khoảng chừng 159.584 mẫu, vào khoảng 1.487 cây số vuông (dựa theo bản đồ phân chia ranh giới tỉnh dưới thời đệ nhị Cộng Hòa vào năm 1967), gồm 7 quận: Châu Thành, Trà Ôn, Tam Bình, Vũng Liêm, Chợ Lách, Bình Minh và Cái Nhum (Minh Đức). Sau năm 1975, hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh được nhập làm một với tên Cửu Long, nhưng những năm về sau này thì lại tách ra làm hai tỉnh như cũ. Hiện một phần của quận Chợ Lách thuộc tỉnh Bến Tre.

Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, vào cuối năm 1732, vì thấy vùng Gia Định (dinh Phiên Trấn) quá rộng lớn nên chúa Nguyễn cho đặt Phủ Định Viễn, dựng dinh Long Hồ, nằm về phía Tây Nam của Gia Định để tiện việc khai khẩn hoang địa và cai trị lưu dân. Thời bấy giờ Dinh

Long Hồ rất rộng lớn, phần trên bao gồm các vùng Vĩnh Long và Bến Tre ngày nay, đi về phía Đông Nam là vùng đất Trà Vinh ngày nay, ngay cả vùng Trăn Giang (Cần Thơ ngày nay) cũng trực thuộc dinh Long Hồ, có quan Trăn Thủ, Cai Bạ và Ký Lục trông coi việc cai trị. Sau khi Mạc Cửu dâng đất Hà Tiên cho Xứ Đàng Trong, thì dinh Long Hồ cai quản về mặt hành chánh thêm 4 huyện nữa, đó là huyện Long Xuyên (Cà Mau ngày nay), huyện Kiên Giang (Rạch Giá ngày nay), huyện Trăn Giang (Cần Thơ ngày nay), và huyện Trăn Di (Bạc Liêu ngày nay). Đến đời chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, chúa chia lãnh thổ miền Nam ra làm 3 dinh và 1 trấn: dinh Trăn Biên (Biên Hoà ngày nay), dinh Phiên Trăn (Gia Định ngày nay), dinh Long Hồ, và trấn Hà Tiên. Đến năm 1779, chúa Nguyễn đổi dinh Long Hồ ra làm dinh Hoàng Trăn, nhưng năm sau (1780), chúa Nguyễn Ánh lại cho đổi thành Vĩnh Trăn. Đến năm 1806, vua Gia Long lại cho đổi Vĩnh Trăn ra làm trấn Vĩnh Thanh. Đến năm 1831, vua Minh Mạng cho đổi ra làm Trăn Vĩnh Long. Sau khi Lê Văn Duyệt qua đời vào năm 1832, vua Minh Mạng chia toàn bộ Nam Kỳ ra làm 6 tỉnh, từ đó mới có danh xưng Nam Kỳ Lục Tỉnh, và trấn Vĩnh Long được đổi ra làm tỉnh Vĩnh Long.

Tường cũng nên nhắc lại, dưới thời các Chúa Nguyễn, Vĩnh Long từng có tên Long Hồ Dinh, rất rộng lớn, bao gồm các vùng đất Vĩnh Long ngày nay, một phần phía Nam của Bến Tre và Gò Công, Trà Vinh, Trăn Giang (bây giờ là Cần Thơ), Trăn Di (bây giờ là Bạc Liêu), Châu Đốc, Long Xuyên, một phần của Rạch Giá và Cà Mau. Vào thuở đó, đất Nam Kỳ chỉ gồm có 3 dinh và 1 trấn là Trăn Biên dinh (Biên Hòa), Phiên Trăn dinh (Gia Định), Long Hồ dinh (Vĩnh Long), và Hà Tiên trấn. Ngày đó, thị xã Vĩnh Long hiện nay giống như Cần Thơ bây giờ, đã từng là trung tâm văn hóa, chánh trị và quân sự của dinh Long Hồ hay cả miền Tây (ngoại trừ Hà Tiên trấn). Ngay như Cần Thơ xưa cũng chỉ là một huyện của dinh Long Hồ mà thôi. Sau những cuộc thư hùng giữa quân Nguyễn Ánh và Tây Sơn, vào năm 1786, dinh Long Hồ thuộc quyền kiểm soát của Tây Sơn. Đến năm 1787, Nguyễn Ánh cầu viện quân Xiêm, kéo đại quân về tiền chiếm Tiên Giang và Hậu Giang cũng như toàn bộ dinh Long Hồ. Dù quân Xiêm bị quân của Nguyễn Huệ đánh tan tát ở Rạch Gầm Xoài Mút, nhưng nhà Tây Sơn phải kéo toàn quân về ngăn giặc xâm lăng phương Bắc (do Lê Chiêu Thống cầu viện và Nguyễn Ánh gửi giúp 500 xe lương thực), nên Nguyễn Ánh lại kéo quân về đánh chiếm Bãi Tiên (bên kia sông tỉnh lý Vĩnh Long bây giờ), rồi ổn định vùng dinh Long Hồ và biến nơi đây thành kho lương cho cuộc tranh giành giang sơn về sau này. Sau khi Nguyễn Ánh đã thu phục cả miền Nam thì đổi tên miền Nam thành đất Gia Định và chia ra làm 4 dinh: Phiên Trăn (Gia Định), Trăn Biên (Biên Hòa), Vĩnh Trăn (Long Hồ) và Trăn Định.

Tỉnh Vĩnh Long được khai phá từ năm 1732, khi các chúa Nguyễn bắt đầu dựng dinh Long Hồ. Thủ phủ lâu đời nhất của dinh Long Hồ được đặt tại thôn Long Hồ (khoảng tỉnh lý Vĩnh Long bây giờ). Đến năm 1804, vua Gia Long đổi Long Hồ thành Vĩnh Thanh Trăn, chỉ bao gồm Vĩnh Long và An Giang, gồm phủ Định Viễn và 4 huyện Định Viễn, Vĩnh An, Tân An và Vĩnh Định, các vùng Rạch Giá và Cà Mau thì sáp nhập vào Hà Tiên Trăn. Vị Tổng Trăn đầu tiên của Vĩnh Thanh Trăn là cụ Nguyễn văn Nhân (1801-1805). Năm Minh Mạng thứ 13 (1832) thì nhà vua đổi Vĩnh Thanh trấn làm Vĩnh Long trấn, gồm 4 phủ có 8 huyện: phủ Định Viễn gồm 2 huyện Vĩnh Bình và Vĩnh Trị, phủ Hoàng An gồm 2 huyện Tân Minh và Duy Minh, phủ Hoàng Trị gồm 2 huyện Bảo Hựu và Bảo An, phủ Lạc Hóa gồm 2 huyện Tuân Nghĩa và Trà Vinh. Tên Vĩnh Long được giữ đến ngày nay, dù diện tích có khi bị thu hẹp hay nói rộng thêm ra. Ngay sau khi Tổng Trăn Gia Định là Lê văn Duyệt qua đời thì vua Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng Trăn và đổi các trấn ra làm tỉnh, chia đất miền Nam ra làm 6 tỉnh là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Từ đó mới có tên Nam Kỳ Lục Tỉnh. Ranh giới giữa các tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường và Hà Tiên thì vẫn giữ như cũ, riêng tỉnh An Giang thì lấy đất Tân Châu, Châu Đốc và 2 huyện của phủ Định Viễn cũ. Như vậy dưới thời Minh Mạng, tỉnh Vĩnh Long đã bị thu hẹp lại rất nhiều. Năm Minh Mạng thứ 7, Vĩnh Long đã có Học Xá do quan Đốc Học điều khiển. Vào các triều Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, Vĩnh Long không có thay

đổi gì đáng kể về mặt địa lý. Dưới thời Tự Đức, về hành chánh thì có Tổng Đốc Long Tường trông coi hai tỉnh Vĩnh Long và Định Tường, thủ phủ đặt tại tỉnh lỵ Vĩnh Long bây giờ. Sau khi Pháp tiến chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Biên Hòa, Gia Định và Định Tường) thì Vĩnh Long trở thành tuyến đầu của ba tỉnh miền Tây. Vua Tự Đức phái cụ Phan Thanh Giản vào làm Kinh lược Sứ 3 tỉnh miền Tây (Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên), bản doanh đặt tại tỉnh lỵ Vĩnh Long bây giờ. Những người không chịu sống chung với Pháp thì tản cư qua 3 tỉnh miền Tây, hãy còn do triều đình kiểm soát. Bây giờ Vĩnh Long nghiêm nhiên trở thành tỉnh địa đầu của Nam Kỳ. Nhưng rồi sau đó vào năm 1867, quân ta thế cô sức yếu và vũ khí thô sơ, nên 3 tỉnh miền Tây cũng lại thất thủ và rơi vào tay giặc Pháp. Từ đó về sau này, về mặt địa đồ hành chánh, Vĩnh Long có lúc thay đổi, có lúc Sa Đéc thuộc Vĩnh Long, có lúc lại tách ra làm tỉnh riêng. Đến thời đệ nhị Cộng Hòa, Sa Đéc lại được tách ra làm tỉnh.

Sông Cửu Long chảy đến Châu Đốc thì phân ra làm hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang. Đến Vĩnh Long, sông Tiền chia làm nhiều nhánh và chảy ra biển bằng 6 cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu. Còn sông Hậu nằm về phía Nam Vĩnh Long cũng chảy ra biển bằng 3 cửa: Định An, Ba Thắc và Tranh Đề (chính vì thế mà gọi là Cửu Long hay chín con rồng). Vĩnh Long có cái may mắn là được nằm ngay giữa hai con sông Tiền Giang và Hậu Giang nên khí hậu rất ôn hòa, đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Trên thì bạt ngàn đồng lúa và vườn cây ăn trái xanh tươi quanh năm, dưới nước thì cá tôm đầy đầy trong các kinh rạch, nên đời sống vật chất của dân chúng rất phong phú, có lẽ cũng chính vì vậy mà tánh tình dân Vĩnh Long cũng rất phóng khoáng, thuần hậu và hiền hòa.

Có thể nói Vĩnh Long là tỉnh vùng châu thổ sông Cửu Long với kinh rạch chằng chịt nhau. Đặc biệt là khi người Pháp vừa lần chiếm xong Nam Kỳ, họ đã cho đào những con kinh mới mà trước kia chỉ là những lạch nước nhỏ như kinh Bocquet, kinh Lộc Hòa, kinh Đội Hổ, kinh Phó Tế, kinh Ruột Ngựa (còn gọi là Kinh Cụt). Mục đích chính của họ khi cho đào những con kinh này không phải với hảo ý là để dẫn thủy nhập điền nhằm tăng thu hoạch cho dân ta đâu, mà mục đích chính của họ là đào thêm kinh với đường nước rộng rãi để tàu bè của họ có thể đến tận những nơi xa xôi mà thu chở lúa cho dễ dàng. Nhưng rồi theo luật đào thải, họ chỉ đề đầu đề cổ dân ta được một thời gian thôi, còn thì nước vẫn tiếp tục từ những dòng kinh đó tuôn chảy vào những cánh đồng ủng phèn, biến những nơi này thành những cánh đồng trù phú bạt ngàn.

Như trên đã nói, Vĩnh Long là vùng đất hiền hòa, từ nhân văn đến khí hậu. Trong lịch sử, Vĩnh Long ít khi bị bão tố hay lụt lội hạn hán vì nhờ có nhiều sông rạch. Ngày trước khi dân cư hãy còn thưa thớt và đất đai phì nhiêu thì người ta chỉ cần làm mỗi năm một mùa lúa cũng dư ăn dư để, thường thì gieo mạ vào tháng 6, cấy tháng 8 và gặt vào tháng giêng. Ngày nay với đà dân số tăng nhanh, người dân các nơi chứ không riêng gì Vĩnh Long, ai nấy đều phải làm lúa thần nông, có khi đến hai hay ba vụ một năm. Nói rằng Nam Kỳ là vựa lúa cho cả nước cũng không phải là quá đáng, tuy nhiên, không phải vùng nào của Nam Kỳ cũng đều trù phú như nhau. Có những vùng như Đồng Tháp, U Minh Thượng và U Minh Hạ, đa phần đất đai ở những vùng này hãy còn quá trũng và ủng quá nhiều phèn, nên chỉ có những loại cây như tràm, mắm, giá là có thể mọc được mà thôi. Dù Vĩnh Long nằm trong trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long, mặt đất lại không cao so với mực nước biển, nhưng ít khi Vĩnh Long bị nạn lũ lụt như những tỉnh An Giang, Châu Đốc và Đồng Tháp, vì Vĩnh Long có cái may mắn là sông rạch và kinh nước chằng chịt như mạng nhện, nên nước từ sông Cửu Long đổ xuống bao nhiêu cũng được thấm thấu bởi hệ thống sông, kinh, rạch này. Chẳng những vậy, nhờ những kinh rạch này mà vùng Vĩnh Long được sông Cửu Long bồi đắp rất nhiều phù sa hơn nhiều vùng khác trong vùng châu thổ. Và cũng chính vì thế mà Vĩnh Long là quê hương của rất nhiều loại trái cây đặc sản của Việt Nam như nhãn, xoài, mít, ổi, mận, cam, quýt, sầu riêng, măng cụt, sa bô chê, chôm chôm, vãn vãn. Bên kia sông Tiền Giang là cù lao An Bình (An Thành) chạy dài về Đồng Phú, gồm bốn xã là An Bình, Bình Hòa Phước, Hòa Ninh và Đồng Phú. Đất đai thật màu mỡ và trù phú, nước ngọt quanh năm, với những vườn cây ăn trái say ản quanh năm. Dân cư trên cù lao đã trải qua bao đời nên ai

cũng an cư lạc nghiệp. Trên khắp cù lao, ngoài những vườn cây ăn trái xanh tươi và những ao nuôi cá (nhiều nhất là cá tai tượng), thấp thoáng chúng ta cũng nhìn thấy những vườn hoa được chăm bón kỹ lưỡng, từ mai chiếu thủy, mai vàng, lai, lan, đến các loại cúc, hồng... Ngoài ra, quận tại Bình Minh, bên cù lao Mỹ Hòa, cách thị xã Vĩnh Long chừng 30 cây số, dân tại đây chuyên trồng bưởi năm roi, một loại bưởi nổi tiếng ngon nhất của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Trong thời Tây Sơn hưng khởi thì Vĩnh Long cũng như toàn thể đất Nam Kỳ đều chịu chung số phận làm con dân hai chủ. Hễ anh em Tây Sơn kéo quân vào thì Nguyễn Ánh bỏ chạy về vùng Cà Mau hay Phú Quốc, hoặc qua Xiêm. Đến lúc anh em Tây Sơn phải kéo quân về Bắc để diệt Trịnh hay để chống giặc Thanh thì Nguyễn Ánh lại kéo quân về cát cứ vùng Gia Định. Cứ thế mà trò chơi cút bắt này lặp đi lặp lại làm cho dân tình ngày càng điêu đứng hơn. Có thể nói khắp các miền Nam Kỳ Lục Tỉnh, không có nơi nào là không có vết chân bôn tẩu của Nguyễn Ánh, từ Cần Giờ, Giồng Tãi (Bến Tre), Ba Vát, Vĩnh Long, Sa Đéc, Long Xuyên, Cà Mau, vân vân. Nói gì thì nói, không ai trong chúng ta phủ nhận công ơn khai mở đất đai của các chúa Nguyễn, nhưng đất nước này nào phải của riêng ai. Nếu không có sức chịu đựng và lòng nhẫn nại của tiền nhân chúng ta thì thử hỏi các chúa Nguyễn đã tiến được đến đâu về phương Nam? Thế mà một người trong dòng họ của các chúa Nguyễn, chỉ vì muốn giành giật lại giang sơn trong tay nhà Tây Sơn, nên hết rước Xiêm, rước Tàu, rồi rước Tây về dày xéo mả tổ, chỉ với một mục đích duy nhất là giành lại giang sơn, để rồi đưa đất nước chúng ta đến chỗ điêu linh đồ thán, mà mãi cho đến ngày hôm nay hậu quả vẫn còn tàn phá đất nước và dân tộc. Chính Nguyễn Ánh đã nợ quá nhiều người dân Nam Kỳ trong suốt thời kỳ bôn tẩu để lần trốn nhà Tây Sơn, thế mà khi lên ngôi, Nguyễn Ánh đã quay mặt, nếu không nói là không ban cho đất Nam Kỳ một đặc ân nào, ngay cả chuyện xây thành đắp lũy để phòng thủ bảo vệ vùng đất đã từng cưu mang Nguyễn Ánh. Rồi các vua chúa Nguyễn triều về sau này chẳng những cứ y như vậy mà đối xử với đất và người Nam Kỳ, mà còn có phần khắc khe hơn những nơi khác nữa, khiến sau này đã xảy ra không biết bao nhiêu là cuộc tao loạn khác như chuyện xiêm mã Tả Quân Lê văn Duyệt và sau đó Lê Văn Khôi uất ức nổi lên làm loạn chẳng hạn. Thôi thì chuyện lịch sử hãy để cho lịch sử sau này phê phán, bây giờ chúng ta trở lại chuyện Nam Kỳ mến yêu của chúng ta.

Về di tích lịch sử tại Vĩnh Long, nếu kể từ thời còn mang tên Long Hồ dinh thì thôi quá nhiều. Tuy nhiên, cũng có nhiều di tích quan trọng ngày nay đã hoàn toàn mất dấu như Thành Long Hồ, nằm trọn trên khoảng đất mà ngày nay là phường một của thị xã Vĩnh Long, cửa hậu day ra sông Cổ Chiên, cửa tiền quay về phía Cầu Lầu, cửa tả quay ra sông Long Hồ, còn cửa hữu thì hiện nay người ta gọi là “Cây Da Cửa Hữu.” Ngoài ra, xưa kia còn có hai đồn khác trấn giữ sông Cổ Chiên, một nằm về phía Đông của Bãi Tiên là đồn Vĩnh Thông, và một là đồn Vàm Tuần ở xóm Vĩnh Mỹ Thành, ngày nay đã bị phù sa bồi đắp mất. Tuy nhiên, thành cũ đồn xưa đã hoàn toàn bị giặc Pháp phá hủy sau trận lần chiếm 3 tỉnh miền Tây năm 1867. Hiện tại thì di tích Cây Da Cửa Hữu vẫn còn một nền đất cao và một ngôi miếu nhỏ mà dân địa phương gọi là “Miếu Bảy Bà.” Ngày trước cửa hữu rộng khoảng 4 công đất, bốn phía là ao vũng sinh lầy. Bên kia sông Tiền Giang, đối mặt với Cầu Tàu Vĩnh Long là chùa Tiên Châu (thuộc địa phận cù lao An Thành). Chùa do Hòa Thượng Đức Hội xây dựng vào khoảng đầu thế kỷ thứ 19 trên một khu đất rộng rãi. người dân địa phương còn gọi là chùa Di Đà hay chùa Tô Châu.

Cách tỉnh lỵ Vĩnh Long chừng một cây số có một cây cầu hãy còn tên gọi Cầu Lầu, dù cầu Lầu ngày xưa đã không còn mà thay vào bằng một cây cầu đúc, nhưng danh từ Cầu Lầu vẫn là danh từ thân thương đặc biệt của người dân đất Vĩnh vì nơi đây đã từng có cây Cầu Lầu bằng ván ghi lại dấu vết của thành Vĩnh Long thuở xa xưa. Đây cũng là chòi canh chính dòm ra dòng sông Long Hồ. Ngày xưa cầu được lót bằng ván bên dưới cho khách bộ hành, khoảng giữa cầu có 4 cây cột cao, bên trên là chòi canh, lợp bằng ngói âm dương, bốn vách đều có lỗ châu mai. Cầu Lầu và Cầu Lộ bây giờ ngày xưa là hai cửa của thành Vĩnh Long, là những nơi quan yếu nhứt trong thành. Bên kia rạch Cầu Lầu là rạch Cá Trê chảy vào làng Phước Hậu. Ngay đầu Cầu Lầu và con đường dọc theo bờ sông đi về xóm lò Rèn là ngôi chợ Chiều. Chợ chỉ nhóm vào buổi

chiều nên gọi là chợ chiều. Ông bà già xưa kể lại, chính tại xóm lò rèn này là nơi mà cự trào dùng để đúc binh khí cho binh lính. Nhưng khi người Pháp chiếm Vĩnh Long, họ đã phá hủy Cầu Lầu và làm lại bằng cầu bê tông cốt sắt. Ngày xưa con đường từ Cầu Lầu đi về ngã ba Long Hồ, là huyết mạch chính nối liền Vĩnh Long Trà Vinh nên xe cộ đông đúc và sinh hoạt tấp nập, nhưng ngày nay đã thưa thớt xe chạy vì đã có lộ cầu Vồng lớn hơn nối liền Liên Tỉnh Lộ Vĩnh Long Trà Vinh. Năm 1864, cụ Phan Thanh Giản sai quan Đốc Học Nguyễn Thông xây dựng Văn Thánh Miếu, đến năm 1865 thì xây xong. Hiện nay khu di tích Văn Thánh Miếu vẫn còn ở phường 4 thị xã Vĩnh Long, phía Bắc ngó ra sông Long Hồ. Đây là một trong số rất ít văn miếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Từ ngoài đi thẳng vào trong nội điện (ba gian hai chái trông rất cổ kính) là nơi thờ Đức Khổng Phu Tử, chứng tỏ ảnh hưởng Nho giáo rất sâu đậm vào thời nhà Nguyễn. Ngay khi bước vào cổng phía bên phải là Văn Xương Các, nơi thờ các cụ Võ Trường Toản và Phan Thanh Giản là những người có công đối với nền giáo dục Khổng Mạnh của nước nhà thời bấy giờ. Trên giữa đường đi vào Văn Miếu có bia ký ghi lại tiến trình xây dựng Văn Miếu. Thường thì giữa tháng 2 và tháng 8 âm lịch thì Văn Miếu có tổ chức hai ngày lễ hội truyền thống. Văn Thánh Miếu chẳng những là một di tích văn hóa, mà còn là một điểm son, nơi một thời là điểm hội tụ của các nhà cách mạng yêu nước, nói là hội họp tao đàn, chứ thật ra là họp bàn phương án chống trả giặc Tây. Đối diện với Văn Thánh Miếu, bên kia sông Long Hồ là đình Long Thanh, nay thuộc phường 5 thị xã Vĩnh Long, cách trung tâm thị xã chừng 3 cây số. Ngôi đình được xây dựng trước thời các chúa Nguyễn chính thức làm chủ vùng đất này. vào khoảng năm 1720 tại vùng này có nhiều người Việt sinh sống lẫn lộn với người Khmer, nên các quan Nam triều thời bấy giờ đã cho xây dựng ngôi đình để dân chúng có nơi tụ họp sinh hoạt lễ hội. Đình Long Thanh là một trong những ngôi đình cổ nhất tại miền Nam còn tồn tại đến ngày nay. Ngoài ra, ở ấp Đông Phú, xã Ngải Tứ, quận Trà Ôn, hiện còn ngôi chùa Phước Hậu, được xây dựng từ hậu bán thế kỷ thứ 18. Vào các năm 1895 và 1910, thiền sư Hoàn Chính từ Quảng Ngải vào trùng tu và trụ trì tại đây. Sau đó năm 1939 Hòa Thượng Khánh Anh trùng tu lại. Từ năm 1961 đến năm 1972, Hòa Thượng Thiện Hoa trụ trì tại đây. Thiền Sư Thích Thanh Từ, một thiền sư nổi tiếng thời cận đại là một trong những đại đệ tử của Thầy Thiện Hoa. Hiện nay tại quận Tam Bình còn một ngôi chùa cổ rất lớn, đó là chùa Kỳ Sơn, được xây vào khoảng năm 1812. Đây là ngôi chùa chính làm nơi sinh hoạt và lễ hội của người Việt gốc Miên tại quận Tam Bình. Ngoài ra, ở Vũng Liêm còn có chùa Vũng Liêm hay chùa Sanghamangala, nhiều tài liệu cho thấy đây là ngôi chùa Miên cổ nhất còn tồn tại. Chùa được xây vào năm 1339. Tuy nhiên, do chiến tranh tàn phá nên năm 1964 và 1974 chùa được hai lần trùng tu. Ngay tại thị xã Vĩnh Long còn có những chùa được xây vào đầu hay giữa thế kỷ 20 như chùa Long Viễn, chùa Viên Giác, chùa Giác Thiên, chùa Pháp Hải, và tịnh xá Ngọc Viên. Bên cạnh những ngôi chùa cổ, Vĩnh Long còn có một nhà thờ chánh tòa rất lớn, được Đức Cha Ngô Đình Thục xây dựng vào năm 1957, và Thánh Thất Cao Đài nằm đối diện với trường Trung Học Nguyễn Thông (nay là trường Lê Quý Đôn).



Hình 1



Hình 2



Hình 1-2-3: Văn Thánh Miếu-Quan Đốc Học tỉnh Vĩnh Long xây dựng năm 1864 theo lệnh của Quan Kinh Lược Sứ 3 tỉnh Miền Tây là cụ Phan Thanh Giản.



Hình 4: Vĩnh Trản năm 1790, tiền thân của tỉnh Vĩnh Long: bao gồm gần hết miền Tây, chỉ trừ trấn Hà Tiên (vùng Hà Tiên ngày nay).

II

Vĩnh Long Hồ ngày xưa là một dinh lớn, là kinh đô của cả miền Tây nên thành Vĩnh Long lúc bấy giờ được dân địa phương gọi là hoàng cung mà mặt tiền nằm khoảng giữa hai con đường Đồng Khánh và Trương Vĩnh Ký (tên đường trước năm 1975), còn cửa hậu thuộc địa phận Bình Minh xưa (bây giờ là quanh vùng rạch Cái Cá) với những thôn xóm trù phú như xóm Chài, xóm Lưới, xóm Bún, xóm Đập, vân vân. Bây giờ đã qua bao cuộc bể dâu nhưng chúng ta vẫn có thể hồi tưởng lại bóng dáng huy hoàng ngày nào của một ngôi thành uy nghi, nay đã theo bóng thời gian mà chìm vào dĩ vãng. Ngày ấy thành Vĩnh Long chiếm trọn bốn thôn Long Châu, Long Hồ, Bình Minh và Bình Lữ, thuộc tổng Bình Long, phủ Định Viễn. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập ụ ghe tàu dọc theo bờ sông Long Hồ từ Vàm đến khoảng gần Văn Thánh Miếu. Đến khi Pháp chiếm Vĩnh Long, họ đã san bằng tất cả thành quách, để xây cất những dinh thự mới cho chính phủ thuộc địa.

Đi về phía bắc Cổ Chiên, hiện còn nền một ngôi đình nằm sát bên bờ sông Cổ Chiên, gọi là Đình Khao. Theo lời các bô lão trong vùng kể lại thì đình được khởi xây từ năm Gia Long 16 (1817). Đây là chỗ khao quân của các quan đang cưu. Nơi đây cũng chính là nơi mà các quan triều đình đã hành quyết linh mục Phan Văn Minh, người mà về sau này được Tòa Thánh La Mã phong Thánh Tử Đạo. Sau khi chiếm trọn Nam Kỳ, Pháp đã san bằng Đình Khao, cột kèo thì đem về cất tòa bố Vĩnh Long (nằm ngay trong khuôn trường Trung Học Tổng Phước Hiệp bây giờ). Từ khi ngôi đình bị triệt hạ, nền đất trở trụi bao quanh bởi mấy gốc dương cổ thụ trơ gan cùng tuế nguyệt, vừa chứng kiến những thăng trầm của lịch sử, mà cũng vừa thách thức thiên nhiên. Nhưng rồi một thời gian sau thì nước dòng Cổ Chiên cũng cuống phăng mất bờ dương và những mô sủng thần công. Dân chúng trong vùng thấy vậy dựng lên nơi nền đình cũ một ngôi chùa gọi là Bảo Tâm Tự. Hiện tại trong chùa người ta còn thờ “Cây Dầm Thiêng Liêng” của ông Đạo Ngà, vị tổ khai sơn ngôi Bảo Tâm Tự. Ngôi Bảo Tâm Tự cũng nhiều phen thăng trầm với dòng sinh mệnh của nhân dân Vĩnh Long. Có một thời khi Pháp vừa tái chiếm lại miền Nam, trong khi đi tuần trên lộ Cổ Chiên, một viên thiếu úy Pháp đã vương phải lựu đạn của thanh niên Tiền Phong mà chết, chúng đã điên cuồng đốt hết cả xóm nhà, khoảng 30 căn, kể cả chùa Bảo Tâm. Năm 1961, cư sĩ Mai văn Nghiệp đã quyết tâm xây dựng lại ngôi chùa trên nền cũ. Ngày nay dù Đình Khao đã không còn, dân chúng trong vùng vẫn lưu luyến với hai chữ “Đình Khao” nên đã đặt bến đò Cổ Chiên là đò Đình Khao. Từ chợ Vĩnh Long đi về hướng Cổ Chiên, khoảng

3 cây số, trước khi tới đò Đình Khao bây giờ, bên tả ngạn sông Cổ Chiên, cách bờ khoảng 100 thước, có một cái miếu, mặt tiền hướng về phía rạch Cái Sơn, đây là Miếu Công Thần, trước miếu có đặt một khẩu thần công, xung quanh là những gốc dương cổ thụ. Bên trong miếu có thờ 85 là sắc phong của vua nhà Nguyễn truy phong cho 85 vị khai quốc công thần đã giúp vua Gia Long chiếm được giang sơn từ tay nhà Tây Sơn. Ngày trước sắc phong của chư vị được thờ trong Đình Khao. Sau khi lần chiếm xong Nam Kỳ, Pháp quân cho triệt hạ Miếu Công Thần, dân chúng trong vùng cho dời 85 sắc phong thần về Thành Hoàng Thiêng Đức. Đến năm 1915, Đốc Phủ Phạm văn Tươi, quận trưởng Châu Thành Vĩnh Long, đứng ra quyên tiền dựng một ngôi miếu riêng để thờ 85 vị khai quốc công thần của triều Nguyễn. Nhờ bà Phủ Y hợp sức với bà Phủ Tươi vận động nên Soái Phủ Nam Kỳ đã chấp thuận cho xây lại miếu Công Thần trên cuộc đất của điền chủ Nguyễn văn Kỹ vào năm 1918. Ngày nay ngôi miếu này vẫn còn khói hương nghi ngút.

Dưới thời Gia Long, tại vàm sông Cái Cá, bên bờ sông Cổ Chiên, có ngôi đình làng Tân Giai, là ngôi đình lớn nhất Vĩnh Long thời bấy giờ. Mặt tiền đình hướng ra bờ sông lớn. Trong suốt thời gian Pháp chiếm Nam Kỳ, ngôi đình vẫn sừng sững trơ gan thách đố. Tuy nhiên, ngôi đình lại bị nước sông Cổ Chiên xoáy lở nên ban Hội Tề trong làng, trong đó có ông Ngô văn Công, quyết định dời ngôi đình vào sâu trong đất liền, gần mé rạch Cái Cá và Cầu Kinh Cụt. Năm 1962, chánh điện của đình bị phát cháy làm hư hao một phần lớn ngôi đình. Dân tộc Việt Nam có truyền thống sống rất gần gũi với mái chùa hay ngôi đình làng, nên sau vụ hỏa hoạn ngôi đình đã được tái thiết và hiện nay lúc nào ngôi đình cũng khói hương nghi ngút.

Dân cư ở Vĩnh Long thì đại đa số là người Việt (Kinh) chiếm trên 95%, họ sinh sống bằng đủ thứ ngành nghề từ những nghề chuyên môn, đến nghề văn phòng, thầy giáo và ngay cả buôn bán, nhưng đa số vẫn làm nghề nông, và sống một cuộc sống thật đơn sơ mộc mạc. Tôn giáo chính là Phật giáo chiếm đa số, kế đó là Hòa Hảo, Thiên Chúa, Tin Lành và Cao Đài. Một thiểu số nhỏ là người Việt gốc Miên, chiếm khoảng gần 3% dân số toàn tỉnh, hiện đang sống nhiều ở vùng Tam Bình, Vũng Liêm và Trà Ôn, đa phần làm ruộng rẫy, và tôn giáo chính của họ là Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada). Họ sống thành từng “sóc,” mỗi sóc đều có một ngôi chùa và vị lực cả rất có uy tín với dân trong sóc. Tuy nói là theo đạo Phật, nhưng đa số người Việt gốc Miên còn chịu ảnh hưởng của những tập tục cổ truyền mê tín dị đoan như bùa, ngải, thư tôm, trừ ếm, vắn vắn. Vì theo Phật giáo Nguyên Thủy nên tất cả những người xuất gia đều ăn mặn; tuy nhiên, họ cử ăn những con thú như chó, rắn, rùa, voi, ngựa, cọp, beo, vắn vắn. Ngày nay họ cũng ăn tết dương lịch nhưng vẫn giữ ngày tết chính của họ vào khoảng 15 tháng tư dương lịch là ngày Chaul Chnam Thmay. Ngoài ra người Miên còn có nhiều lễ hội khác như lễ cúng Ông Bà (lễ Đôlta) từ 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch, lễ cúng Trăng (Ók-Om-Bok và đua ghe ngo) vào ngày 15 tháng 10 âm lịch. Tuy chiếm tỷ lệ nhỏ dân số, nhưng người Việt gốc Miên là dân tộc có nhiều lễ hội nhất trong số những dân tộc sống trong tỉnh Vĩnh Long. Vào những ngày lễ hội, người Việt gốc Miên thường tổ chức hoặc đua ghe, hoặc nhảy múa theo điệu “lam thôn.” Thường thì lời ca theo nhịp của họ gần giống như điệu hò ca dao và thơ của người Việt. Người Miên có ngôn ngữ và chữ viết riêng, theo lối chữ Sanscrit (chữ Phạn), nhưng ngày nay đa số cũng theo học chữ quốc ngữ và hòa đồng vào lối sống của người Việt. Chúng ta ít thấy ở Vĩnh Long những ngôi chùa Miên cổ kính, nhưng càng đi về hướng Trà Vinh thì càng có nhiều ngôi chùa Miên với lối kiến trúc và nghệ thuật trang trí thật độc đáo. Người Miên ở Vĩnh Long có một sắc thái đặc biệt hơn người Miên ở những nơi khác, vì Vĩnh Long là vùng sông nước mênh mông, là xứ của những dòng sông, là một thể giới nước, vì chính hai con sông lớn đã ôm trọn tỉnh này vào lòng, nên lễ hội của người Khmer tại đây hẳn còn phảng phất nhiều dấu ấn của những câu chuyện thần kỳ về thần Nagar (thần rắn) của Vương Quốc Phù Nam vào những năm đầu công nguyên hơn là sinh hoạt của anh em họ tại vùng Lục Chân Lạp (Cao Miên ngày nay). Sau cùng là người Việt gốc Hoa, chiếm khoảng trên 2% dân số toàn tỉnh, đa số họ làm nghề buôn bán ở các phố chợ, và tôn giáo chính của họ là Phật giáo Bắc tông. Người Việt gốc Hoa có một đặc điểm là dù

họ ở đâu, họ cũng mở trường dạy tiếng Hoa cho con cháu của họ và dù làm gì đi nữa bên ngoài xã hội, đến khi về nhà họ chỉ nói tiếng Hoa chứ không nói tiếng Việt. Người Việt gốc Hoa ở Vĩnh Long cũng như hầu hết người Việt gốc Hoa ở các nơi khác, họ sống co cụm thành nhóm và lập thành những bang hội, mỗi bang có một bang trưởng lãnh đạo. Họ sống rất đoàn kết, nếu cần thì bang của họ có thể đứng ra giúp đỡ về tài chánh để họ cùng làm ăn vươn lên với nhau. Chính vì vậy mà đa phần họ làm kinh tế rất mạnh.

Dinh Long hồ khi xưa là một dinh lớn của miền Nam, sau này cũng là một tỉnh lớn trong Nam Kỳ Lục Tỉnh. Dĩ nhiên, Vĩnh Long tổ chức rất quy mô về mọi mặt từ hành chánh, đến văn hóa và quân sự. Thành lũy thì kiên cố. Ngày nay chúng ta cũng còn thấy rải rác khắp nơi trong tỉnh những khẩu thần công của cự trào. Ngay tại Văn Thánh Miếu bây giờ vẫn còn hai ba khẩu thần công, trên đường đi Bắc Cỏ Chiên cũng có vài khẩu. Vĩnh Long là đất văn vật từ xưa trong đất Nam Kỳ. Chẳng những Vĩnh Long có nhiều di tích lịch sử quý báu, mà cho tới bây giờ Vĩnh Long vẫn còn là đất của trai thanh gái lịch. Ngay trong thời Pháp thuộc, dù phải ôm hận vong quốc, dù không trực diện với quân thù bằng súng đạn, người Vĩnh Long luôn có sức đối kháng bằng lòng kiên nhẫn, qua cuộc sống cần cù và khắc phục mọi hoàn cảnh, dù hoàn cảnh có khó inued) khăn cơ cực đến đâu.

Trong suốt thời Pháp thuộc, Vĩnh Long nổi tiếng với những bến phà, từ bến phà Mỹ Thuận đến phà Hậu Giang. Năm 1997, chính phủ Úc Đại Lợi xây dựng cầu Mỹ Thuận để tặng cho nhân dân Việt Nam, cầu được hoàn thành vào ngày 21 tháng 5 năm 2000. Cầu dài 1535 mét, cao 123,5 mét. Độ cao cho ghe tàu có thể qua lại được là 37,5 mét. Đây là chiếc cầu hữu nghị giữa hai dân tộc Việt Úc, một công trình kiến trúc tuyệt mỹ của thế kỷ.



Hình 1: Một chiếc cầu tre lắt lẻo còn sót lại ở Vĩnh Long.



Hình 2: Cầu Cái Cá, nằm ngay cuối bờ Công Viên Sông Tiền.



Hình 3: Cầu Thiêng Đức năm 1925.



Hình 4: Trường Nam Tiểu Học, nằm kế bên Viện Phước Thiện, 1925.



Hình 5: Một số quán ăn uống nằm bên vàm sông Long Hồ, phía đông nam Bungalow, năm 1967.



Hình 6: Di tích cổng Cửa Hữu thành Vĩnh Long, Thành được quan Lưu Thủ Vĩnh Long Lưu Phước Tường xây dựng vào năm 1813. Theo thiển ý phải gọi là thành Vĩnh Long, vì không có tài liệu lịch sử nào xác nhận về phước tích của một ngôi

thành mang tên Long Hồ cả. Tuy nhiên, cũng rất có thể ngay trên ngôi thành cũ Vĩnh Long đã từng có một ngôi thành mang tên Long Hồ, vì vào năm 1757, khi vua Miên là Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long gồm các vùng Châu Đốc, An Giang, một phần Cần Thơ và Sóc Trăng cho xứ Đàng Trong, chúa Nguyễn cho sáp nhập vùng đất mới này vào dinh Long Hồ và cho dời lỵ sở dinh Long Hồ từ Cái Bè qua đất Tầm Bào, tức địa phận khu vực phường 1 của thành phố Vĩnh Long ngày nay. Đây là vấn đề cần phải được các nhà sử học trong tương lai thẩm định lại.

III

Cũng như các miền khác trong vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, Vĩnh Long nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu nóng và ẩm quanh năm, nhiệt độ trung bình từ 25 đến 28 độ C. Tuy nhiên, vào mùa nắng có lúc nhiệt độ Vĩnh Long lên đến gần 40 độ C. Sự khác biệt giữa nhiệt độ ban ngày và ban đêm chỉ vào khoảng từ 3 đến 7 độ C mà thôi. Vào mùa mưa, từ tháng 5 đến tháng 11 dương lịch, lượng nước mưa thấp nhất khoảng 1.238 mm, và lượng cao nhất khoảng 1.893 mm. Vĩnh Long không có núi đồi, ngược lại, nó có địa hình của một lòng chảo khá trũng, với độ cao của khoảng trên 60 phần trăm đất chỉ cao hơn mực nước biển khoảng 1 mét, nhưng nhờ nằm giữa hai nhánh sông lớn và hệ thống kinh rạch chằng chịt nên Vĩnh Long ít khi bị lũ lụt tàn phá nặng nề như các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang và Hậu Giang. Và cũng chính vì vậy mà Vĩnh Long được xem như là một trong những vùng nhiệt đới tốt nhất trong vùng. Bên cạnh đó, Vĩnh Long còn được xem là trung tâm điểm của toàn vùng châu thổ sông Cửu Long, là cầu nối quan trọng giữa Sài Gòn-Chợ Lớn và các tỉnh phía Nam của miền Tây như Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.

Sông Cửu Long chảy đến Châu Đốc thì phân ra làm hai nhánh Tiền Giang và Hậu Giang. Khi đến Vĩnh Long, trước khi chảy ra biển, Tiền Giang lại chia làm nhiều nhánh nữa rồi đổ ra biển bằng 6 cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu. Còn Hậu Giang nằm về phía Nam của Vĩnh Long cũng chảy ra biển bằng 3 cửa: Định An, Ba Thắc và Trần Đề (Trần Đề). Chính vì thế mà dòng sông này khi tới Việt Nam nó được gọi là Cửu Long hay chín con rồng. Cũng chính các nhánh sông này đã tạo ra một vùng châu thổ bao la bạt ngàn, đã được thành hình từ rất lâu đời, mặt đất ở đây bằng phẳng nhưng không cao hơn mực nước biển trung bình là bao nhiêu, chỉ vào khoảng từ 1 đến 2 mét, thậm chí có nơi chỉ cao bằng mực nước biển mà thôi. Trước khi 2 cây cầu Mỹ Thuận và Cần Thơ được Úc Đại Lợi và Nhật Bản xây dựng hồi đầu thế kỷ XXI thì trước đó Vĩnh Long nằm giữa hai bến Bắc quan trọng của miền Tây, đó là Bắc Mỹ Thuận và Bắc Cần Thơ. Như trên đã nói, Vĩnh Long có cái may mắn là được nằm ngay giữa hai con sông Tiền Giang và Hậu Giang nên khí hậu rất ôn hoà, đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Trên thì bạt ngàn đồng lúa và vườn cây ăn trái xanh tươi quanh năm, dưới nước thì cá tôm đầy đầy trong các kinh rạch, nên đời sống vật chất của dân chúng ở đây rất phong phú, có lẽ chính vì vậy mà tánh tình của dân Vĩnh Long cũng rất phóng khoáng, thuần hậu và hiền hoà. Có thể nói Vĩnh Long là tỉnh trung tâm của châu thổ sông Cửu Long được thiên nhiên ban cho rất nhiều những kinh rạch chằng chịt một cách tự nhiên, hơn là kinh đào. Đến khi người Pháp vừa lần chiếm xong Nam Kỳ, họ lại cho đào thêm những con kinh mới mà trước kia chỉ là những con rạch hay những lạch nước nhỏ như kinh Bocquet, kinh Lộc Hoà, kinh Đội Hổ, kinh Phó Tế, kinh Ruột Ngựa (còn gọi là Kinh Cụt). Mục đích chính của họ khi cho đào những con kinh này vừa cho thoát nước trong tình lỵ để vùng trung tâm tỉnh không bị ngập lụt, mà cũng để dẫn thủy nhập điền nhằm tăng thu hoạch mùa màng, và quan trọng nhất là mở rộng giao thông đường thủy để tàu bè có thể đi đến tận những nơi xa xôi nhất trong tỉnh. Và mãi cho tới ngày nay, những con kinh đó vẫn tiếp tục dẫn

thủy nhập điền, xả phèn và đồng thời là những đường giao thông thủy lộ tiện lợi cho dân chúng trong tỉnh.

Như trên đã nói, Vĩnh Long là vùng đất hiền hoà, từ nhân văn đến khí hậu. Trong lịch sử mở cõi về phương Nam, Vĩnh Long ít khi bị bão tố hay lụt lội hạn hán vì nhờ có nhiều sông, kinh, rạch. Ngày trước, khi dân cư hãy còn thưa thớt và đất đai phì nhiêu thì người ta chỉ cần làm mỗi năm một mùa lúa cũng là dư ăn dư để, thường thì người ta gieo mạ vào tháng 6, cấy vào tháng 8 và gặt vào tháng giêng âm lịch. Ngày nay với đà dân số tăng nhanh, người dân các nơi chứ không riêng gì Vĩnh Long, ai nấy đều cũng phải làm lúa thần nông, có khi đến hai ba vụ một năm. Nói rằng Nam Kỳ là vựa lúa cho cả nước cũng không phải là quá đáng. Tuy nhiên, không phải vùng nào của Nam kỳ cũng đều trù phú như nhau. Có những vùng như Đồng Tháp, U Minh Thượng và U Minh Hạ, đa phần đất đai ở những vùng này hãy còn quá trũng và úng quá nhiều phèn, nên chỉ có những loại cây như tràm, mắm, giá, đước, vẹt... có thể sống được mà thôi. Dầu Vĩnh Long nằm trong trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long, mặt đất lại không cao so với mực nước biển, nhưng ít khi Vĩnh Long bị lũ lụt như các vùng An Giang, Châu Đốc, và Đồng Tháp, vì Vĩnh Long có cái may mắn là sông rạch tự nhiên như mạng nhện, lại thêm những kinh đào thời Pháp thuộc, nên nước từ sông Cửu Long đổ xuống bao nhiêu cũng được thấm thâu bởi hệ thống sông, kinh, rạch này. Mặc dầu Cá tôm ở Vĩnh Long không nhiều như các vùng Đồng Tháp hay Cà Mau, tôm cá nước ngọt cũng dư dùng cho nhân dân trong tỉnh, nhất là các loại cá lóc, trê, rô, sặc, thác lác, chạch, chày, lười trâu, mè đĩnh, cá chày, lươn, rắn, rùa, ếch, vằn vằn. Trong đó phải nói cá chày là loại đặc sản của Vĩnh Long và Trà Vinh. Cá Chày là loại cá nước lợ (loại nước nửa mặn nửa ngọt), nhưng chỉ có trên khúc sông Hậu, từ xã Tích Thiện của Trà Ôn đến huyện Cầu Kè của Trà Vinh mà thôi. Ngư dân xã Tích Thiện thường đánh bắt cá chày vào mùa gió chướng, khoảng trước và sau Tết Nguyên Đán chừng một tháng. Cá chày có màu trắng như cá chẽm hay cá mè đĩnh, nhưng xương rất mềm, thân hình đẹp hơn và dài hơn, và có vẩy màu trắng bạc. Đến gần Tết, có khi người ta bắt được những con cá chày nặng trên 2 kí lô. Người ta thường kho rim cá chày với mía tươi, hoặc nấu mỡ, một loại canh chua nhưng không chua lắm. Phải thực tình mà nói, thiên nhiên quả là ưu đãi người dân Đất Phương Nam với đủ mọi thứ món ngon vật lạ. Mong rằng ai trong chúng ta cũng đều nên trân quý và gìn giữ thiên nhiên như gìn giữ chính mạng sống của mình, để con cháu đời sau của mình vẫn còn được tiếp tục thừa hưởng cái đi sản quý báu này.



Hình 1: Cầu Mỹ Thuận (hình chụp năm 2019 từ phía bờ Vĩnh Long).



*Hình 2: Cầu Cần Thơ, hình Wikipedia
(người viết cũng có chụp hình cầu Cần Thơ,
nhưng hình của Wikipedia đẹp và rõ hơn).*

IV

Như đã nói ở các phần trước, dinh Long Hồ ngày xưa là một dinh lớn, là kinh đô của cả miền Tây nên thành Vĩnh Long lúc bấy giờ được dân địa phương gọi là hoàng cung mà mặt tiền nằm khoảng giữa hai con đường Đồng Khánh và Trương Vĩnh Ký (tên đường trước năm 1975), còn cửa hậu thuộc địa phận Bình Minh xưa (bây giờ là quanh vùng rạch Cái Cá) với những thôn xóm trù phú như xóm Chài, xóm Lưới, xóm Bún, xóm Đập, vân vân. Bây giờ đã qua bao cuộc bể dâu nhưng chúng ta vẫn có thể hồi tưởng lại bóng dáng huy hoàng ngày nào của một ngôi thành uy nghi, nay đã theo bóng thời gian mà chìm vào dĩ vãng. Ngày ấy thành Vĩnh Long chiếm trọn bốn thôn Long Châu, Long Hồ, Bình Minh và Bình Lữ, thuộc tổng Bình Long, phủ Định Viễn. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập ụ ghe tàu dọc theo bờ sông Long Hồ từ Vàm đến khoảng gần Văn Thánh Miếu. Đến khi Pháp chiếm Vĩnh Long, họ đã san bằng tất cả thành quách, để xây cất những dinh thự mới cho chính phủ thuộc địa.

Đi về phía bắc Cổ Chiên, hiện còn nền một ngôi đình nằm sát bên bờ sông Cổ Chiên, gọi là Đình Khao. Theo lời các bô lão trong vùng kể lại thì đình được khởi xây từ năm Gia Long 16 (1817). Đây là chỗ khao quân của các quan đang cưu. Nơi đây cũng chính là nơi mà các quan triều đình đã hành quyết linh mục Phan Văn Minh, người mà về sau này được Tòa Thánh La Mã phong Thánh Tử Đạo. Sau khi chiếm trọn Nam Kỳ, Pháp đã san bằng Đình Khao, cột kèo thì đem về cất tòa bố Vĩnh Long (nằm ngay trong khuôn trường Trung Học Tổng Phước Hiệp bây giờ). Từ khi ngôi đình bị triệt hạ, nền đất trơ trụi bao quanh bởi mấy gốc dương cổ thụ trơ gan cùng tuế nguyệt, vừa chứng kiến những thăng trầm của lịch sử, mà cũng vừa thách thức thiên nhiên. Nhưng rồi một thời gian sau thì nước dòng Cổ Chiên cũng cuống phăng mất bờ dương và những mô sùng thần công. Dân chúng trong vùng thấy vậy dựng lên nơi nền đình cũ một ngôi chùa gọi là Bảo Tâm Tự. Hiện tại trong chùa người ta còn thờ “Cây Dầm Thiêng Liêng” của ông Đạo Ngà, vị tổ khai sơn ngôi Bảo Tâm Tự. Ngôi Bảo Tâm Tự cũng nhiều phen thăng trầm với dòng sinh mệnh của nhân dân Vĩnh Long. Có một thời khi Pháp vừa tái chiếm lại miền Nam, trong khi đi tuần trên lộ Cổ Chiên, một viên thiếu úy Pháp đã vương phải lựu đạn của thanh niên Tiền Phong mà chết, chúng đã điên cuồng đốt hết cả xóm nhà, khoảng 30 căn, kể cả chùa Bảo Tâm. Năm 1961, cư sĩ Mai văn Nghiệp đã quyên tiền xây dựng lại ngôi chùa trên nền cũ. Ngày nay dù Đình Khao đã không còn, dân chúng trong vùng vẫn lưu luyến với hai chữ “Đình Khao”

nên đã đặt bến đò Cổ Chiên là đò Đình Khao. Từ chợ Vĩnh Long đi về hướng Cổ Chiên, khoảng 3 cây số, trước khi tới đò Đình Khao bây giờ, bên tả ngạn sông Cổ Chiên, cách bờ khoảng 100 thước, có một cái miếu, mặt tiền hướng về phía rạch Cái Sơn, đây là Miếu Công Thần, trước miếu có đặt một khẩu thần công, xung quanh là những gốc dương cổ thụ. Bên trong miếu có thờ 85 là sắc phong của vua nhà Nguyễn truy phong cho 85 vị khai quốc công thần đã giúp vua Gia Long chiếm được giang sơn từ tay nhà Tây Sơn. Ngày trước sắc phong của chư vị được thờ trong Đình Khao. Sau khi lần chiếm xong Nam Kỳ, Pháp quân cho triệt hạ Miếu Công Thần, dân chúng trong vùng cho dời 85 sắc phong thần về Thành Hoàng Thiêng Đức. Đến năm 1915, Đốc Phủ Phạm văn Tươi, quận trưởng Châu Thành Vĩnh Long, đứng ra quyên tiền dựng một ngôi miếu riêng để thờ 85 vị khai quốc công thần của triều Nguyễn. Nhờ bà Phủ Y hợp sức với bà Phủ Tươi vận động nên Soái Phủ Nam Kỳ đã chấp thuận cho xây lại miếu Công Thần trên cuộc đất của điền chủ Nguyễn văn Kỹ vào năm 1918. Ngày nay ngôi miếu này vẫn còn khói hương nghi ngút.

Dưới thời Gia Long, tại vàm sông Cái Cá, bên bờ sông Cổ Chiên, có ngôi đình làng Tân Giai, là ngôi đình lớn nhất Vĩnh Long thời bấy giờ. Mặt tiền đình hướng ra bờ sông lớn. Trong suốt thời gian Pháp chiếm Nam Kỳ, ngôi đình vẫn sừng sững trơ gan thách đố. Tuy nhiên, ngôi đình lại bị nước sông Cổ Chiên xoáy lở nên ban Hội Tề trong làng, trong đó có ông Ngô văn Công, quyết định dời ngôi đình vào sâu trong đất liền, gần mé rạch Cái Cá và Cầu Kinh Cụt. Năm 1962, chánh điện của đình bị phát cháy làm hư hao một phần lớn ngôi đình. Dân tộc Việt Nam có truyền thống sống rất gần gũi với mái chùa hay ngôi đình làng, nên sau vụ hỏa hoạn ngôi đình đã được tái thiết và hiện nay lúc nào ngôi đình cũng khói hương nghi ngút.

Dân cư ở Vĩnh Long thì đại đa số là người Việt (Kinh) chiếm trên 95%, họ sinh sống bằng đủ thứ ngành nghề từ những nghề chuyên môn, đến nghề văn phòng, thầy giáo và ngay cả buôn bán, nhưng đa số vẫn làm nghề nông, và sống một cuộc sống thật đơn sơ mộc mạc. Tôn giáo chính là Phật giáo chiếm đa số, kể đó là Hòa Hảo, Thiên Chúa, Tin Lành và Cao Đài. Một thiểu số nhỏ là người Việt gốc Miên, chiếm khoảng gần 3% dân số toàn tỉnh, hiện đang sống nhiều ở vùng Tam Bình, Vũng Liêm và Trà Ôn, đa phần làm ruộng rẫy, và tôn giáo chính của họ là Phật giáo Nguyên Thủy (Theravada). Họ sống thành từng “sóc,” mỗi sóc đều có một ngôi chùa và vị lực cả rất có uy tín với dân trong sóc. Tuy nói là theo đạo Phật, nhưng đa số người Việt gốc Miên còn chịu ảnh hưởng của những tập tục cổ truyền mê tín dị đoan như bùa, ngải, thư tôm, trừ ếm, vắn vắn. Vì theo Phật giáo Nguyên Thủy nên tất cả những người xuất gia đều ăn mặn; tuy nhiên, họ cử ăn những con thú như chó, rắn, rùa, voi, ngựa, cọp, beo, vắn vắn. Ngày nay họ cũng ăn tết dương lịch nhưng vẫn giữ ngày tết chính của họ vào khoảng 15 tháng tư dương lịch là ngày Chaul Chnam Thmay. Ngoài ra người Miên còn có nhiều lễ hội khác như lễ cúng Ông Bà (lễ Đôlta) từ 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 âm lịch, lễ cúng Trăng (Ók-Om-Bok và đua ghe ngo) vào ngày 15 tháng 10 âm lịch. Tuy chiếm tỷ lệ nhỏ dân số, nhưng người Việt gốc Miên là dân tộc có nhiều lễ hội nhất trong số những dân tộc sống trong tỉnh Vĩnh Long. Vào những ngày lễ hội, người Việt gốc Miên thường tổ chức hoặc đua ghe, hoặc nhảy múa theo điệu “lam thôn.” Thường thì lời ca theo nhịp của họ gần giống như điệu hò ca dao và thơ của người Việt. Người Miên có ngôn ngữ và chữ viết riêng, theo lối chữ Sanscrit (chữ Phạn), nhưng ngày nay đa số cũng theo học chữ quốc ngữ và hòa đồng vào lối sống của người Việt. Chúng ta ít thấy ở Vĩnh Long những ngôi chùa Miên cổ kính, nhưng càng đi về hướng Trà Vinh thì càng có nhiều ngôi chùa Miên với lối kiến trúc và nghệ thuật trang trí thật độc đáo. Người Miên ở Vĩnh Long có một sắc thái đặc biệt hơn người Miên ở những nơi khác, vì Vĩnh Long là vùng sông nước mênh mông, là xứ của những dòng sông, là một thế giới nước, vì chính hai con sông lớn đã ôm trọn tỉnh này vào lòng, nên lễ hội của người Khmer tại đây hãy còn phảng phất nhiều dấu ấn của những câu chuyện thần kỳ về thần Nagar (thần rắn) của Vương Quốc Phù Nam vào những năm đầu công nguyên hơn là sinh hoạt của anh em họ tại vùng Lục Chân Lạp (Cao Miên ngày nay). Sau cùng là người Việt gốc Hoa, chiếm khoảng trên 2% dân số toàn tỉnh, đa số họ làm nghề buôn bán ở các phố

chợ, và tôn giáo chính của họ là Phật giáo Bắc tông. Người Việt gốc Hoa có một đặc điểm là dù họ ở đâu, họ cũng mở trường dạy tiếng Hoa cho con cháu của họ và dù làm gì đi nữa bên ngoài xã hội, đến khi về nhà họ chỉ nói tiếng Hoa chứ không nói tiếng Việt. Người Việt gốc Hoa ở Vĩnh Long cũng như hầu hết người Việt gốc Hoa ở các nơi khác, họ sống co cụm thành nhóm và lập thành những bang hội, mỗi bang có một bang trưởng lãnh đạo. Họ sống rất đoàn kết, nếu cần thì bang của họ có thể đứng ra giúp đỡ về tài chánh để họ cùng làm ăn vươn lên với nhau. Chính vì vậy mà đa phần họ làm kinh tế rất mạnh.

Vì Dinh Long hồ khi xưa là một dinh lớn của miền Nam, sau này cũng là một tỉnh lớn trong Nam Kỳ Lục Tỉnh. Dĩ nhiên, Vĩnh Long tổ chức rất quy mô về mọi mặt từ hành chánh, đến văn hóa và quân sự. Thành lũy thì kiên cố. Ngày nay chúng ta cũng còn thấy rải rác khắp nơi trong tỉnh những khẩu thần công của cự trào. Ngay tại Văn Thánh Miếu bây giờ vẫn còn hai ba khẩu thần công, trên đường đi Bắc Cỏ Chiên cũng có vài khẩu. Vĩnh Long là đất văn vật từ xưa trong đất Nam Kỳ. Chẳng những Vĩnh Long có nhiều di tích lịch sử quý báu, mà cho tới bây giờ Vĩnh Long vẫn còn là đất của trai thanh gái lịch. Ngay trong thời Pháp thuộc, dù phải ôm hận vong quốc, dù không trực diện với quân thù bằng súng đạn, người Vĩnh Long luôn có sức đối kháng bằng lòng kiên nhẫn, qua cuộc sống cần cù và khắc phục mọi hoàn cảnh, dù hoàn cảnh có khó khăn cơ cực đến đâu.

Về phía Tây Bắc của Vĩnh Long là Sa Đéc. Sa Đéc cách Sài Gòn 132 cây số về phía Tây Nam. Vào năm 1757, khi vua Chân Lạp là Nặc Tôn dâng đất Tầm Phong Long cho Xứ Đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Khoát chia đất này ra làm 3 đạo: Châu Đốc, Tân Châu, Đông Khẩu và cho sáp nhập vùng đất mới này vào dinh Long Hồ. Trong đó đạo Đông Khẩu là tiền thân của vùng Sa Đéc ngày nay. Đông Khẩu đạo trực thuộc dinh Long Hồ, tiền thân của tỉnh Vĩnh Long, cho mãi đến năm 1832, vua Minh Mạng chia Đất Phương Nam ra làm 6 tỉnh: Biên Hoà, Gia Định, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, và Hà Tiên. Nhà vua chia đất của trấn Vĩnh Long ra làm 2 tỉnh là Vĩnh Long và An Giang, nên chỉ còn một phần của Đông Khẩu đạo là còn trực thuộc tỉnh Vĩnh Long, phần còn lại trực thuộc tỉnh An Giang.

Trước khi Pháp chiếm Nam Kỳ thì một phần của Sa Đéc vẫn còn trực thuộc Vĩnh Long, một phần thuộc tỉnh Định Tường. Ngay khi xâm chiếm Nam Kỳ, Pháp nâng Sa Đéc lên hàng tỉnh, đặt tỉnh lỵ tại xã Tân Vĩnh Hòa, nằm bên hữu ngạn sông Cửu Long, đối diện với rạch Cao Lãnh. Về vị trí, phía Bắc giáp Hồng Ngự và Cao Lãnh (Kiến Phong), Nam giáp Cần Thơ, Tây giáp An Giang, và Đông giáp Mỹ Tho. Tổng diện tích Sa Đéc là 1.320 cây số vuông, tuy nhiên, phần đất nằm về phía Đông Tháp Mười hầy còn hoang vu vì ừng phèn lâu năm. Tổng dân số Sa Đéc theo thống kê của La Cochinchine vào năm 1924 là 205.515 người, gồm đa số là người Việt, kế đó là người Hoa. Sa Đéc hầu như không có người Miên. Khí hậu tỉnh Sa Đéc cũng thuộc miền bán nhiệt đới, nóng và ẩm như các tỉnh khác trong vùng. Ngành trồng lúa nước vẫn là chính yếu của tỉnh Sa Đéc. Sau khi chiếm Nam Kỳ, người Pháp đã cho đào kinh Đồng Tiến, đi An Long và Hồng Ngự, xẻ dọc Tháp Mười theo hướng Nam Bắc, và một con kinh khác từ tỉnh lỵ Tân An vô Mộc Hóa. Họ cũng cho đào rất nhiều kinh chạy theo hướng Đông Tây, nhằm để dàng chuyên chở lúa gạo ra sông lớn, nhưng vô hình trung những con kinh này lại cũng giúp xả phèn và dẫn thủy nhập điền, nên khoảng đầu thế kỷ 20, đất đai vùng Sa Đéc trở nên tốt hơn và thu hoạch mỗi vụ mùa cũng cao hơn. Sa Đéc nổi tiếng với những vườn cau, vườn dừa, vườn cây ăn trái xanh mát, chạy dọc theo bờ sông Cửu Long từ Cái Tàu Thượng, xuống vùng Tân Vĩnh Hòa, Nha Môn, Cái Tàu Hạ...

Từ khi được nâng lên thành tỉnh, Sa Đéc phát triển về mọi mặt, lúa sản xuất mỗi năm mỗi tăng, cây trái rau quả dư dùng cho toàn tỉnh, còn xuất cảng sang Cần Thơ hay đưa lên Sài Gòn. Cũng như Vĩnh Long, Sa Đéc được bao bọc hai phía Đông Bắc và Tây Nam bởi hai con sông Tiền Giang và Hậu Giang, nên ngành thủy sản của Sa Đéc phát triển rất mạnh, cá khô, tôm khô dư dùng trong tỉnh, đặc biệt là ngành bắt tôm nước ngọt phát triển rất mạnh ở Sa Đéc. Vào thời đệ nhất Cộng Hòa, chính quyền đã nâng đỡ thành lập nhà máy chế biến bánh phồng tôm Sa

Giang, chẳng những nổi tiếng ở vùng Nam Kỳ, mà còn nổi tiếng trên toàn quốc, và ngày nay đã được biết tiếng trên khắp thế giới. Trong mỗi bữa tiệc, món ăn giáo đầu ít khi nào thiếu món bánh phồng tôm Sa Giang chiên. Ngay từ thời Pháp mới chiếm Nam Kỳ, Sa Đéc đã có rất nhiều chợ rất nhộn nhịp như chợ Phú Hữu, Phú Nhuận, Mỹ Long, Mỹ Xương, Mỹ Trà, Hội An, Lai Vung, Long Hưng, Mỹ An Hưng và Hòa An....Sau khi người Pháp chiếm Sa Đéc, họ cho xây cất khu hành chánh và khu vực cư trú cho nhân viên chánh phủ rất đẹp ở tiểu đảo, có con rạch nhỏ ngăn cách với đất liền mà họ gọi là Passe-Nord. Tuy nhiên, chỉ hơn trăm năm sau, toàn khu ấy đã bị nước cuốn đi gần hết, nó lở dần và lở dần, đến năm 1974 hầu như đã sụp lở gần hết. Dưới thời VNCH, 1955-1975, có lúc Sa Đéc được nâng lên làm tỉnh, có lúc các quận Đức Tôn, Đức Thành và Sa Đéc trực thuộc tỉnh Vĩnh Long. Sau năm 1975, chính quyền Cộng Sản sáp nhập tỉnh Sa Đéc vào tỉnh Đồng Tháp, gồm hai tỉnh Sa Đéc, Kiến Phong, và một phần của Mộc Hóa để thành lập tỉnh Đồng Tháp. Về thắng cảnh, cách thị xã Sa Đéc chừng 3 cây số có vườn hoa Tân Quý Đông, nơi đây người ta trồng đủ các loại hoa và cây cảnh, đặc biệt là hoa hồng. Trong quận Lai Vung, đoạn sông Hậu Giang chảy qua xã Định Hòa, có một cồn cát trắng mịn, trông giống như một nàng tiên nằm phơi mình trong nắng, nên dân địa phương gọi đây là “Cồn Tiên”. Với không khí trong lành và cảnh thiên nhiên thơ mộng, không riêng người dân trong tỉnh Sa Đéc thường đến đây thưởng ngoạn mà từ từ dân chúng các vùng phụ cận cũng đổ xô đến đây nghỉ ngơi trong những ngày hè oi bức. Bên bờ Tiền Giang, khúc sông chảy ngang qua khu Cái Tàu Hạ và Nha Môn có một bãi sông thiên nhiên rất đẹp, cát ở đây mịn và trắng không thua gì cát biển Nha Trang, lại thêm phong cảnh làng quê bình dị và hoa trái sum suê, nên An Hòa là nơi tắm sông lý tưởng cho cư dân trong vùng. Trong quận Lấp Vò có chợ chiều Định Yên, theo các bộ lão kể lại thì chợ chiều Định Yên đã có cách nay trên 150 năm, ngay trước thời kỳ Pháp chiếm Việt Nam. Điểm đặc biệt là chợ chỉ họp về ban đêm, có lẽ vì suốt ngày bà con trong vùng Định Yên lúc nào cũng bận rộn với việc đồng áng hay ruộng rẫy nên họ chỉ đi chợ về đêm mà thôi. Hàng hóa duy nhất trong chợ chỉ là chiếu hoặc nguyên liệu để dệt chiếu hay đệm mà thôi. Hàng năm người ta ước lượng có trên cả triệu đôi chiếu được bán ra tại chợ này.

Về di tích đình chùa, tại thị xã Sa Đéc có chùa Kiến An do những người Hoa gốc Phước Kiến xây dựng vào năm 1924. Ban đầu chùa là nơi giảng dạy chữ Phước Kiến cũng như phong tục tập quán của người Phước Kiến, về sau này không riêng gì người Hoa trong tỉnh Sa Đéc mà người Hoa trong khắp miền Nam cũng thường xuyên tới lui lễ bái. Điểm đặc biệt là toàn bộ chùa không có kèo mà chỉ có đòn tay ráp mộng lại với nhau, và cảnh quang của chùa tuy thanh u nhưng không kém phần trang nghiêm và lộng lẫy của lối kiến trúc cổ. Tại thị xã Sa Đéc còn có chùa Hương hay Phước Hưng Cổ Tự, chùa được xây cách đây hơn 100 năm, đặc biệt tại chùa hãy còn một pho tượng Phật bằng đất sét thép vàng đã được đắp cách nay trên 100 năm. Cũng tại thị xã Sa Đéc còn có ngôi chùa Bà, đã được xây dựng cách nay trên 100 năm. Đây là nơi người Hoa thờ Bà Thiên Hậu (Thiên Hậu Thánh Mẫu), hằng năm người ta tổ chức lễ vía Bà rất trọng thể vào hai ngày 23 tháng 3 và mùng 9 tháng 9 âm lịch. Ngoài ra, tại Cái Tàu Hạ thuộc quận Châu Thành, có đình Tân Phú Trung, được xây vào đầu thế kỷ thứ 19, đến năm 1858 được vua Tự Đức sắc phong Thành Hoàng Bổn Cảnh. Đình có lối kiến trúc cổ, cột kèo được làm bằng toàn những gỗ quý, nên đã trên 200 năm nay mà vẫn còn nguyên vẹn. Trong đình có nhiều bức liễn cũng được làm bằng gỗ quý và khắc chạm rất công phu. Hằng năm đến ngày 17 tháng 4 và 12, 13 tháng 5 âm lịch người ta tổ chức lễ cúng đình rất long trọng. Tại quận Lấp Vò có đình Định Yên, được xây từ năm 1909 để ghi nhớ công ơn ông Phạm Văn An, người đã có công khai phá vùng đất này. Hằng năm người ta tổ chức lễ cúng đình rất lớn vào những ngày 16 và 17 tháng 4 cũng như ngày 15 và 16 tháng 11 âm lịch.

Từ hình 1 đến hình 5: Đây là một số hình ảnh xưa tại tỉnh Sa Đéc của một số nhiếp ảnh gia người Pháp từ năm 1920 đến năm 1955 sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955 (Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955). Dẫu hình ảnh

không được rõ ràng, nhưng người viết bài này vẫn mong rằng đây là những hình ảnh kỷ niệm những sinh hoạt của một thời còn dưới sự cai trị của người Pháp.



Hình 1: Đình Thần xã Tân Vinh Hoà 1920.



*Hình 2: Hình con lộ chính (Rue Principale 1925),
sau này là đại lộ Nguyễn Huệ.*



Hình 3



Hình 3 & 4: Hình rạch Cai Sơn 1968 và năm mươi năm trước đó 1918.



Hình 5: Bên trong khuôn viên đình thần Tân Vĩnh Hoà 1955.



Hình 6



*Hình 6 & 7: Hình ảnh Sa Đéc dưới thời VNCH
(cảm ơn bạn Nguyễn Trần Vương Thơ đã cung cấp những ảnh này).*



*Hình 8: Hình Đình thần Vĩnh Phước,
nơi thờ ngài Tổng Phước Hoà (ảnh chụp năm 2018).*

V

Chính nhờ những kinh rạch chằng chịt này mà Vĩnh Long được sông Cửu Long bồi đắp rất nhiều phù sa hơn nhiều nơi khác trong vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Và cũng chính vì thế mà Vĩnh Long đã trở thành quê hương của rất nhiều loại trái cây đặc sản của Việt Nam như nhãn, xoài, bưởi, mít, ổi, mận, cam, quýt, sầu riêng, măng cụt, sa bô chê, chôm chôm, vãn vãn. Vĩnh Long còn một thứ thức uống rất đặc biệt, có lẽ chỉ có Vĩnh Long hay vùng đồng bằng sông Cửu Long mới có mà thôi, đó là mủ trôm. Hồi nhỏ, thỉnh thoảng anh em chúng tôi được mẹ cho uống loại nước này, nghe mẹ nói uống cho mát thì ráng mà uống. Nói thì nghe kỳ, chứ nhìn vào ly nước mủ trôm nó nhờn nhờn trơn trơn có khác gì nước mũi đâu? Lúc đó, hễ mẹ đưa là tôi ực một hơi cho hết chứ không dám ngó vô ly. Sau này, đọc quyển Cây Trái Quê Minh của hai anh Huỳnh Hữu Cửu và Nguyễn Văn Ba, tôi nghĩ anh Huỳnh Hữu Cửu chắc cũng có tâm trạng giống

như tôi khi anh bùng ly mũ trôm uống ừng ực một hơi dài, chỉ thấy chất mũ trôm trơn trơn vậy thôi, nhưng anh Cửu vì bị hơi nóng từ nồi súp để tàu nên đòi uống cho đỡ nóng, còn tôi thì bị mẹ bắt tưới óng cho mát khi trong mình không thấy nóng gì cả. Mãi cho tới ngày nay khi đến tuổi xế chiều, tôi vẫn chưa có dịp tìm hiểu về loại mũ trôm này, nhưng càng lớn tuổi mình mới càng cảm thấy thấm thía biết bao tình mẹ đong đầy cho con. Quê tôi trước năm 1975 hẳn còn rất nhiều cây trôm đến nổi thành địa danh cho cả một vùng như qua khỏi Cầu Ông Me một đôi là vùng Ngã Ba Cây Trôm, và miệt Tân Hạnh cũng có rất nhiều cây trôm. Bên kia sông Tiền là cù lao An Bình với đất đai thật màu mỡ và trù phú, khí hậu ôn hoà, nước ngọt quanh năm với những vườn cây ăn trái lúc nào cũng oằn say trái ối là trái. Dân cư trên cù lao đã trải qua nhiều đời lập nghiệp ở đây nên ai ai cũng đều an cư lạc nghiệp. Trên khắp cù lao, ngoài những vườn cây ăn trái xanh tươi và những ao nuôi cá, thấp thoáng chúng ta cũng thấy những vườn hoa được chăm sóc rất kỹ lưỡng, từ những vườn mai chiếu thủy, mai vàng, lài, lòn, đến đủ các loại hồng, cúc... Riêng tại Bình Minh, bên cù lao Mỹ Hoà, cách thành phố Vĩnh Long chừng 30 cây số, dân tại đây chuyên trồng bưởi năm roi, một loại bưởi nổi tiếng ngon nhất của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Điều đáng chú ý ở đây là diện tích trồng bưởi trong huyện Bình Minh chiếm đến 80 phần trăm diện tích trồng bưởi trên toàn Nam Kỳ. Theo cư dân ở đây kể lại là vào khoảng năm 1930, nhà của ông Hội Đồng Huy được bà con biếu cho mấy trái bưởi, khi ăn thấy ngon, ông hội đồng bèn đem hột gieo trước sân nhà. Đến khi bưởi có trái rất sai và cũng rất ngon như trái bưởi chánh gốc mà người ta đã biếu cho ông. Ông hội đồng bèn rào cây bưởi lại và răn đe người làm là ai mà lén bẻ trộm sẽ bị đánh năm roi. Từ đó cái tên “Năm Roi” trở thành tên của loại bưởi này. Về sau này người ta chiết nhánh để nhân giống ra khắp làng Mỹ Hoà và các nơi khác trong vùng Bình Minh. Còn nói về chôm chôm Vĩnh Long, ngoài các miệt vườn, phải kể đến cù lao An Thành, vì hầu hết số lượng chôm chôm bán ra thị trường tại Vĩnh Long đều xuất phát từ cù lao này. Trái chôm chôm Vĩnh Long có nguồn gốc từ Mã Lai, do ông Trương Vĩnh Ký mang về từ Pénang. Mùa chôm chôm kéo dài từ tháng 3 đến tháng 5 âm lịch. Ngày nay bên cù lao An Thành người ta xây dựng nên những khu nghỉ mát và du lịch, với những khu vườn trái cây tươi tốt, mùa nào thức ấy. Năm 2011, tôi có dịp ghé thăm cù lao An Thành vào mùa chôm chôm, dù tôi không mấy hảo với trái chôm chôm, nhưng tôi cũng có dịp tận hưởng những chùm chôm chôm thật là ưng ý. Ngoài ra, tại huyện Tam Bình còn nổi tiếng với loại cam sành, loại cam mà lúc chín vẫn có vỏ màu xanh. Từ Vĩnh Long đi về hướng Trà Vinh, rẽ phải vào ngã ba Long Hiệp, qua khỏi cầu Ba Kè chừng 2 cây số, chúng ta thấy những vườn cam sành xanh tốt, lúc nào trái cũng sai oằn. Đã từ lâu nay, cam sành tam Bình nổi tiếng không chỉ ở miền Nam mà cả miền Trung và miền Bắc nữa. Hiện nay số nhà vườn cam sành ở Tam Bình đã tăng lên rất nhanh, nên người ta đã thành lập cái chợ cam Tam bình, nằm trên kinh Ông Sĩ, trong thị trấn Tam Bình. Chợ này chỉ chuyên bán một loại hàng, đó là cam sành, nhưng số người đo lại trên bờ và ghe thuyền dưới sông luôn bận rộn, thật đúng là cảnh tấp nập trên bến dưới thuyền, không thua bất cứ một ngôi chợ nào ở Vĩnh Long.

Vào năm 1954, sau khi người Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam thì lúc này Vĩnh Long có tổng cộng khoảng trên dưới 50 ngôi chợ, trong đó có 9 ngôi chợ quan trọng như chợ Long Châu nằm trong quận Châu Thành; chợ Vũng Liêm nằm trong xã Trung Tín, tổng Bình Trung; chợ Ngã Tư nằm trong xã Phú Đức, tổng Bình Long; Chợ Lách, nằm trong xã Bình Sơn, tổng Bình Xương; chợ Ba Kè nằm trong xã Phú Lộc Đông, tổng Bình Phú; chợ Cái Nhum nằm trong xã Chánh Hội, tổng Bình Chánh; chợ Thiềng Đức nằm trong xã Thiềng Đức, tổng Bình Thiềng; chợ Cầu Lâu nằm trong xã Long Châu, quận Châu Thành; chợ Măng Thít nằm trong xã Tân An Tây, tổng Bình Thới. Chợ Thiềng Đức trước đây có tên là chợ Long Hồ, nằm sát bờ sông Cổ Chiên và vàm sông Long Hồ, phía trước chùa Ông. Đây là một trong những ngôi chợ lớn có tầm cỡ đã được cả Đại Nam Nhất Thống Chí và Gia Định Thành Thông Chí nhắc đến. Về sau này khi người Pháp cho phép nhóm chợ bên phía tỉnh lỵ Vĩnh Long thì chợ Long Hồ chỉ còn là một ngôi chợ xã mà thôi. Sau khi người Pháp dẹp chợ Long Hồ thì lúc ban đầu chợ lớn Vĩnh Long họp chợ

ở Trường Xuân, đến năm 1890 thì chính quyền thực dân Pháp cho phép nhóm chợ trong khu tỉnh lỵ, nên cùng năm đó, nhà lồng chợ lớn Vĩnh Long được xây cất lên. Ban đầu chỉ xây dựng bằng cây, mái lợp lá; đến năm 1919 thì được trùng tu bằng khung sườn bằng sắt. Đến năm 1936, chính quyền thực dân cho xây cất lại ngôi chợ kiên cố tồn tại cho tới thời VNCH. Năm 1955, chính phủ VNCH trùng tu lại ngôi chợ mới mẽ hoàn toàn. Từ đầu năm 1957 đến tháng 8 năm 1957, tỉnh trưởng Khuu Văn Ba cho chỉnh trang lại toàn bộ phố sá trong tỉnh và cất thêm ngôi chợ cá nằm sát mé sông Long Hồ. Ngay dưới mé sông chợ cá là bến cá, nơi ghe thuyền vãng lai tấp nập. Nhờ tọa lạc tại một vị trí rất thuận tiện nên chợ cá Vĩnh Long là nơi trên bến dưới thuyền. Cá đồng, tôm nước ngọt, cá biển và tôm cua nước mặn cũng như các loại thủy Hải sản khác từ các nơi trong tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh đưa lên, số nào để lại trong tỉnh bán thì được giao ngay cho các bạn hàng trong chợ cá; còn số nào được đưa lên các chợ trên Sài Gòn thì được chuyển ngay trên xe có những thùng ướp đá, hoặc những thùng chứa nước để rộng cá còn sống. Phải nói, ngay sau khi được xây dựng vào năm 1957, chợ cá Vĩnh Long đã nhanh chóng trở thành ngôi chợ đầu mối cung cấp thủy và Hải sản từ các tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long lên các vùng Sài Gòn-Gia Định. Trong những năm chiến tranh khốc liệt từ năm 1965 đến năm 1975, chính quyền VNCH tại Vĩnh Long không thể phát triển đô thị được, nên mọi chuyện xây dựng đều được tạm đình chỉ. Sau khi quân đội Cộng Sản chiếm miền Nam vào năm 1975 thì khu chợ cá Vĩnh Long không còn được tấp nập như xưa nữa. Mãi cho đến năm 1988, sau khi Hoa Kỳ gỡ bỏ lệnh cấm vận và Việt Nam bắt đầu được mở cửa kinh tế thì khu chợ Vĩnh Long mới bắt đầu khởi sắc trở lại. Nhưng phải đến năm 2010 thì khu chợ cá Vĩnh Long mới trở lại tấp nập như thời trước năm 1975. Nhiều tàu ghe từ các nơi trong tỉnh đem thủy sản đánh bắt hay nuôi được của mình về đây buôn bán. Nhiều chủ vừa cá đã nghỉ từ trước, nay cũng cho con cháu của mình ra làm lại vừa cá trong khu chợ này. Kể từ đó, khu chợ cá Vĩnh Long sinh hoạt gần như suốt ngày đêm; ban ngày thì buôn bán, còn ban đêm thì các ghe đem cá đến giao cho các vừa với quang cảnh cũng nhộn nhịp không kém gì ban ngày. Trời càng về sáng thì không khí làm việc tại khu chợ cá Vĩnh Long càng hối hả và nhộn nhịp hơn, nhất là các anh em bốc vác, cứ hai người gánh một giỏ nặng trên dưới 100 kí lô, họ ráng giao cho kịp cá để các bạn hàng mua bán lẻ có thể bán cho khách đi chợ vào buổi sáng. Nghe nói ngoài nhiệm vụ của một ngôi chợ đầu mối giao hàng đi các vùng Long An, Gia Định, và Sài Gòn... mỗi ngày chợ cá Vĩnh Long bán ra cho khách hàng trong tỉnh khoảng vài tấn cá đồng. Nếu ai có dịp đi ngang qua khu chợ cá Vĩnh Long vào buổi sáng sớm có thể nhìn thấy hết sự náo nhiệt của nó từ tiếng còi xe, tiếng mời khách mua cá tôm, tiếng bạn hàng nói chuyện với nhau, tiếng khách mua trả giá... đo chính là nhịp sống diễn ra đều đặn mỗi ngày của khu chợ cá này.



Hình 1: Chợ Vĩnh Long năm 2017.



Hình 2: Khu chợ Long Hồ trước năm 1867,

Bây giờ là khu Bến Đò phường 5, bên kia cửa sông Long Hồ, đối diện với chợ Vĩnh Long ngày nay. Đây là một trong những ngôi chợ lớn có tầm cỡ đã được cả Đại Nam Nhất Thống Chí và Gia Định Thành Thông Chí nhắc đến. Về sau này khi người Pháp cho phép nhóm chợ bên phía tỉnh lỵ Vĩnh Long thì chợ Long Hồ chỉ còn là một ngôi chợ xã mà thôi, nhưng người dân ở đây vẫn gọi nó là chợ Long Hồ cho mãi đến năm 1890 người ta mới bắt đầu gọi nó là chợ Bình Thiếng hay chợ Thiếng Đức (ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955—Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).

VI

Châu thành Vĩnh Long nếu đem so với Cần Thơ, Mỹ Tho hay Sài Gòn thì nó không lớn bao nhiêu, nhưng trong lòng người cổ cự Nam Kỳ thì Châu Thành Vĩnh Long lúc nào cũng có một vị trí quan trọng trong công cuộc mở cõi về phương Nam. Và trong lòng những ai đã một lần lưu trú tại Vĩnh Long đều xem Vĩnh Long như là một nơi có nhiều phong cảnh đẹp, một nơi trai thanh gái lịch, đất đai ruộng vườn lúc nào cũng thành mậu, sông rạch lúc nào cũng đầy tôm đầy cá:

Vĩnh Long cảnh lịch, người xinh,
 Ruộng vườn tươi tốt, dân tình hiền lương.
 Vĩnh Long giàu bưởi Bình Minh,
 Cam quít Tâm Bình, đồng lúa Vũng Liêm.
 Bà Phong, Bà Phận, Ông Cờ, Ông Nam,
 Dưới sông cá bạc, tôm vàng
 Ruộng đồng lúa trúng, nhiều bạn hàng tới lui.
 Rạch Cái Cam, vườn cam sai quả,
 Rạch Cái Cá, cá lội thành đàn.
 Lòng tôi tha thiết yêu nàng,
 Như vườn cam ngọt, như đàn cá bơi.

Tưởng cũng nên nhắc lại, trước khi trở thành tỉnh Vĩnh Long, vùng đất này đã từng là lỵ sở của dinh Long Hồ, nên thị xã Vĩnh Long trước thời Pháp thuộc luôn được xem là trung tâm văn hoá của cả miền Tây Nam Phần. Khi người Pháp chiếm xong ba tỉnh miền Đông thì cụ Phan được triều đình Huế cử làm quan Kinh Lược Sứ ba tỉnh miền Tây. Ngay sau khi nhậm chức, cụ đã dời các cơ sở văn hoá ở Gia Định về 2 tỉnh Vĩnh Long và An Giang. Năm 1865, cụ cho xây

Văn Thánh Miếu. Lúc người Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông vào năm 1862 thì họ đã chiếm luôn Vĩnh Long, nhưng theo hoà ước anh âm Tuất 1862, thực dân Pháp đồng ý trả lại Vĩnh Long cho triều đình Huế. Chính vì vậy mà đa số các sĩ phu không hợp tác với Pháp tại 3 tỉnh miền Đông đã tản cư về Vĩnh Long. Hồi này quan Đốc Học Vĩnh Long là Nguyễn Thông quyết định chọn một mảnh đất rộng rãi trong địa phận ấp Long An, xã Long Hồ, huyện Vĩnh Bình để xây dựng trường ôn tập cho tử sĩ chờ ngày thi cử. Sau đó, dưới sự chấp thuận của quan Kinh Lược Sứ Phân Thanh Giản, Nguyễn Thông và tử sĩ Vĩnh Long đã xây dựng Văn Thánh Miếu ngay bên cạnh trường ôn tập với danh nghĩa là đền cao Nho Giáo, nhưng trên thực tế đây là địa điểm hoạt động văn hoá đề cao các bậc tiền hiền và những người có lòng yêu nước. Văn Thánh Miếu được xây dựng từ cuối năm 1864 và hoàn tất vào giữa năm 1866. Tuy nhiên, chỉ vài tháng sau khi việc xây dựng hoàn tất thì thực dân Pháp cũng đã tiến chiếm Vĩnh Long lần thứ hai và cuối cùng họ đã đánh chiếm toàn bộ ba tỉnh miền Tây. Sau khi chiếm xong Vĩnh Long lần thứ hai, Pháp định phá bỏ Văn Thánh Miếu để lấy gỗ xây dựng dinh tham biện, nhưng bá hộ Trương Ngọc Lan cùng các bô lão trong vùng đã cùng đứng lên tranh đấu để thực dân Pháp không phá Văn Thánh Miếu. Trước sức ép rất lớn của các bô lão trong vùng, thực dân Pháp đã không triệt hạ Văn Thánh Miếu. Kể từ đó, Văn Thánh Miếu đã được trùng tu nhiều lần vào những năm 1872, 1903, 1914, 1933, 1963, và gần đây nhất là lần trùng tu vào tháng 6 năm 2006. Đây chẳng những là nơi hội ngộ của các văn nhân thi sĩ, mà còn là nơi các nhà chí sĩ đương thời lui tới hội họp. Người Pháp vẫn biết như vậy, nhưng họ chỉ âm thầm theo dõi chứ không dám triệt tiêu Văn Thánh Miếu vì về mặt pháp lý thì đây là chỗ thờ Đức Khổng Tử, và họ sợ bức dây động rừng. Từ ngoài cổng đi vào, phía bên trái là toà Văn Xương Các mà tiền thân của nó là Tuy Văn Lầu. Hiện nay tại đây vẫn còn một tấm biển to với hàng chữ “Tuy Văn Lầu”. Toà nhà Văn Xương Các đã được xây dựng lên từ năm 1867, ban đầu chỉ được sử dụng như một Thư Lâu để chứa kinh sách. Bên trên lầu thì thờ ba vị Văn Xương Đế Quân, bên dưới có bàn thờ cụ Phan Thanh Giản ở giữa, bên tả thờ quan văn cấp tỉnh, bên hữu thờ các quan cấp thấp hơn. Ngày trước, tất cả tử sĩ khắp nơi quý tỵ về Vĩnh Long ôn tập chờ thi cử đều ở đây ôn tập kinh thi. Văn Thánh Miếu được trùng tu lần đầu vào năm 1902, và Tuy Văn Lầu được bà Phú Y, tức bà Trương thị Loan trùng tu lại vào năm 1914. Đến năm 1931, người ta dựng lên một tấm bia đá, nói rõ công Đức trùng tu của bà Phú Y. Trong thời Pháp thuộc, ngoài những vị đứng lên mộ quân kháng Pháp như Phan Tôn, Phan Liêm, Lê Cần, Nguyễn Giao, Vĩnh Long luôn có những nhà Nho tiết tháo nghĩa dũng, chẳng những bất hợp tác với Tân triều, mà còn âm thầm hay công khai yểm trợ các phong trào kháng chiến. Vĩnh Long còn là quê hương yểm trợ phong trào Đông Du do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để phát động. Theo các bô lão kể lại, chính nhờ lòng hào sảng của các phú nông tại các nơi như Ba Kè và Cái Cá thuộc huyện Tam Bình, mà các sĩ phu cấp tiến trong phong trào Đông Du đã có cụm về đây để hoạt động. Gia đình họ Huỳnh tại đây đã có lần bí mật tiếp đón Kỳ Ngoại Hầu Cường Để tại nhà riêng ở Hậu Lộc (Ba Kè).



Hình 1



*Hình 1 & 2: Rạch Cái Cam & Cầu Cái Cam
(trên đường từ Vĩnh Long đi đến cầu Mỹ Thuận).*



Hình 3: Cầu Cái Côn (trên đường từ Vĩnh Long đi đến cầu Mỹ Thuận).



Hình 4



*Hình 4 & 5: Rạch Cái Cá 1968 và rạch Cái Cá 1900
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh
Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).*



*Hình 6: Một chiếc cầu khỉ ở ngoại ô Vĩnh Long năm 1900
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).*

VII

Khí hậu vùng Vĩnh Long rất ôn hoà, đất đai phì nhiêu, màu mỡ. Trên thì bạt ngàn đồng lúa và vườn cây ăn trái xanh tươi quanh năm, dưới nước thì cá tôm đầy dẫy trong các kinh rạch nên đời sống của cư dân ở đây rất phong phú, có lẽ cũng chính vì vậy mà tánh tình dân Vĩnh Long cũng rất phóng khoáng, thuần hậu và hiền hoà. Vĩnh Long là vùng trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long với rất nhiều vườn cây ăn trái đủ loại. Từ Tâm Bình, Trà Ôn, Vũng Liêm, Cái Nhum, Long Hồ... mỗi vùng thường nổi tiếng với ít nhất là một vài đặc sản riêng của địa phương mình, nên đi đâu đến đâu người ta cũng nghe những câu hò, điệu hát hay những câu ca dao nói về vẻ đẹp và đặc sản của địa phương mình. Chẳng hạn như ở Bình Minh thì có bưởi Năm Roi; ở Tân Lược, Tân Quới thì có khoai lang; ở Đông Hưng, Đông Thành thì có trái thanh trà... nên dân Vĩnh Long đã tự giới thiệu về quê mình qua đôi câu ca dao:

“Vĩnh Long có bưởi Bình Minh,
Khoai lang Tân Lược, thanh trà Đông Hưng.”

Hay: “Tân Quới khoai lang, Thuận An xà lách,

Cam sành Tường Lộc, Quối Thiện bòn bon.”

Hay: "Ăn bưởi thì hãy đến đây,
Đến mùa bưởi chín vàng cây trĩu cành.
Ngọt ngon quít mặn, cam sành,
Tâm Bình nổi tiếng, Bình Minh đã từng.”

Người dân Vĩnh Long cũng sử dụng ca dao để giới thiệu quê hương thân yêu của mình như ở vùng Tam Bình thì có cam quít, còn Vũng Liêm thì đồng ruộng bao la bạt ngàn:

“Vĩnh Long có bưởi Bình Minh,
Cam quít Tâm Bình, đồng ruộng Vũng Liêm.”

Nói về sông ngòi, có thể nói Vĩnh Long là một trong những tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long với kinh rạch chằng chịt. Đặc biệt là khi người Pháp vừa lần chiếm xong Nam Kỳ, họ đã cho đào những con kinh mà trước đó chỉ là những lạch nước nhỏ. Chính những dòng kinh đã đưa nước từ các sông Tiền và Hậu Giang vào tưới tẩm ruộng đồng và đồng thời cũng xả phèn trong những cánh đồng chưa bao giờ canh tác được từ thời mở cõi đến nay. Tại quận Châu Thành có sông Cổ Chiên, sông Long Hồ, sông Cái Cau, sông Cái Cá. Sông Long Hồ còn có tên là sông Tầm Vô hay Lâm Vô, ăn thông với rạch Cầu Lầu, Cầu Kho, Cầu Đào, Cầu Mít, Ông Me Lớn, Cầu Kè, Bùng Bình, Cái Chuối, Cái Nứa, Long Mỹ, Rạch Chanh, Cái Kè, sông Bình Hoà, rạch Cái Cau tại vùng Ngã Tư An Đức, và chảy ra sông Cổ Chiên tại vàm Long Hồ. Sông Cổ Chiên là một nhánh của Tiền Giang, nói cho rõ nó là một phân lưu của Tiền Giang, dài khoảng 82 cây số, làm thành ranh giới tự nhiên giữa các tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, và Trà Vinh. Sông Cổ Chiên bắt đầu từ thành phố Vĩnh Long, ngay tại đầu cù lao An Thành, chảy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam, dọc theo ranh giới giữa các huyện Long Hồ, Mang Thít và Vũng Liêm của tỉnh Vĩnh Long và Chợ Lách, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam và Thạnh Phú của tỉnh Bến Tre. Sau đó, khi vào địa phận tỉnh Trà Vinh, sông chảy qua các huyện Càng Long, Châu Thành Trà Vinh và Cầu Ngang. Khi đến ngã ba giữa Châu Thành và Cầu Ngang, sông Cổ Chiên lại chia làm 2 nhánh trước khi chảy ra biển bằng 2 cửa Cổ Chiên và Cung Hầu. Cửa Cổ Chiên nằm giữa Thạnh Phú của Bến Tre và huyện Châu Thành của Trà Vinh. Cửa Cung Hầu nằm giữa huyện Châu Thành và huyện Cầu Ngang của tỉnh Trà Vinh. Đối với dân Vĩnh Long, sông Cổ Chiên chẳng những là nguồn nước vô tận cho không biết bao nhiêu thế hệ đã từng sinh sống trên vùng đất này, mà chính những phù sa, những hàng bắp, những cá, những tôm trên dòng sông này đã đem đến cho dân chúng tại đây có một cuộc sống sự gì túc đầy đủ, nên dân gian ngày trước đã để lại cho đàn hậu bối bằng đôi câu ca dao chẳng những nhắc nhở về dòng sông mẹ, mà còn nói lên sự gắn kết giữa đất nước và con người của xứ sở này như thân cây bắp và chùm rễ của nó một khi đã bám vào đất thì cho dầu giông bão có lớn thế mấy đi nữa cũng không vương nổi:

“Uống nguồn nước trong nhớ dòng sông Cổ,
Ăn chén cơm đầy nhớ thửa cù lao.
Quanh năm sóng gió ba đào,
Như bắp xanh chắc rễ, chẳng khi nào cách xa.”

Sông Long Hồ (1) có chiều dài trên 10 cây số, rộng khoảng 100 mét, và sâu khoảng 10 mét. Sông Long Hồ có 2 nhánh lớn, một nhánh chảy vào xã Hoà Tịnh và Binn Phước, còn nhánh kia rẽ phải theo sông Cái Cau đến ngã ba Xã Xi, rẽ trái qua Cái Ngang. Sông Long Hồ là một trong năm con sông lớn được ghi trong Đại Nam Nhất Thống Chí: “Về phía Đông Nam huyện Vĩnh Bình một dặm, gốc nước ở sông Đại Tuần, chảy đến thì khuất khúc, chảy đi thì là đả, chảy ngang thì quanh co, tích tụ lại thì đứng trong trẻo, bốn mùa nước ngọt, quanh lộn trong các châu chũr thôn lạc, có chỗ thì như lâm động, có chỗ thành vực dầm, nên gọi là Long Hồ. Chảy quanh trước tỉnh thành hiệp với Tiền Giang, hình thể như một hùng quan thiên tạo vậy, lòng sông rộng 35 trượng, phía Đông Nam có con lạch cạn, thắt nhỏ dần lại qua 30 dặm rười xuống đến ngã ba sông Ba kè, thủ Kiên Thắng. Ngã sông phía hữu chảy về hướng Nam 26 dặm đến Trà Ôn, rồi hiệp lưu với Hậu Giang. Ngã sông phía tả chảy về hướng Đông 85 dặm rười, đến thủ Mân Thít, Tân

Thắng, lại cùng hạ lưu Tiền Giang nhóm lại chảy ra cửa biển Cổ Chiên.” Lúc còn trực thuộc Chân Lạp, dòng sông có tên Lâm Vô, nhưng đến khi được sáp nhập vào Xứ Đàng Trong thì nó mang tên Long Hồ. Từ trước đến nay, sông Long Hồ luôn giữ một vị trí quan trọng về thủy lợi, về giao thông đường thủy, mà nó còn là một dấu ấn khó quên đối với những con dân đất Vĩnh, như chính người viết bài này đã được sinh ra và lớn lên ngay trên đất Long Hồ nên cũng lấy bút hiệu là Người Long Hồ. Phải nói nét đặc trưng của tỉnh Vĩnh Long là sông gắn liền với chợ, chẳng hạn như ngay tại vàm sông Long Hồ đổ ra sông Cổ Chiên là ngôi chợ Long Hồ nổi tiếng từ thời mới dựng dinh Long Hồ từ năm 1732. Ở Vĩnh Long, sông lớn nối liền sông nhỏ, vàm sông nhỏ liền tới ngọn sông thông qua nhiều kinh rạch như hình ảnh những dòng sữa ngọt của mẹ hiền, nên trong dân gian đã có những câu ca dao như sau đây:

“Sông Long Hồ chảy ngang chợ Văng,
Vàm Long Hồ nổi ngọn Cổ Chiên.
Như con bên cạnh mẹ hiền,
Uống dòng sữa ngọt tuổi tên gắn liền.”

Ghi chú:

(1) Sông Long Hồ chảy ra sông Cổ Chiên, đây là một nhánh của sông Tiền Giang, chảy dài từ phường 1, Vĩnh Long đến ngã tư An Đức (nay là huyện Long Hồ) và Cái Nhum. Khi chảy đến chợ Ngã tư Long Hồ thì chia thành hai nhánh, một nhánh rẽ phải theo sông Cái Cau chảy đến ngã ba Xã Sĩ, một nhánh chảy vào xã Hòa Tịnh và Bình Phước của huyện Mang Thít. Sông Long Hồ có chiều dài khoảng 10 cây số, là tuyến giao thông đường thủy quan trọng cũng như dẫn nước ngọt và phù sa về các cánh đồng màu mỡ. Tưởng cũng nên nhắc lại, sông Long Hồ đã đồng hành với dòng chảy lịch sử của Đất Phương Nam nói chung, của Dinh Long Hồ và tỉnh Vĩnh Long nói riêng, vì tên của một trong 12 dinh lớn của xứ Đàng Trong được đặt từ tên của dòng sông này: Dinh Long Hồ. Về phía Tây Bắc của vàm Long Hồ chúa Nguyễn đã cho xây thành trì kiên cố, về phía Đông Nam vàm Long Hồ thì lập chợ Long Hồ, một trong 13 ngôi chợ cổ nhất của vùng Đất Phương Nam. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, sông Long Hồ có nước ngọt quanh năm, “chảy đến thì khuất khúc, chảy đi thì là đà, chảy ngang ra thì đi quanh co, tích tụ lại thì đứng trong trẻo, bốn mùa nước ngọt, quanh lộn trong các châu chử thôn lạc, có chỗ như lâm động, có chỗ thành vực đầm, nên gọi là Long Hồ. Chảy quanh trước tỉnh thành hiệp với Tiền Giang, hình thể như một hùng quan thiên tạm vậy”. Như trên đã nói, ở Vĩnh Long, ngoài hai sông lớn Tiền Giang và Hậu Giang còn có sông Mang Thít. Bên cạnh đó, dọc bờ sông Cổ Chiên và Hậu Giang có trên 100 kinh rạch lớn nhỏ. Sông Long Hồ là một trong 14 con sông đổ ra sông Cổ Chiên. Cũng theo Đại Nam Nhất Thống Chí, sông Long Hồ ở phía tả cùng với 3 con sông khác gồm: Ngư Câu ở phía hữu (tức rạch Cái Cá hiện nay), phía sau là sông Cổ Chiên (vị trí từ sông Cổ Chiên hiện nay nhìn vào thành phố Vĩnh Long), phía trước có sông Cầu Lầu.



Hình 1



Hình 2



Hình 1-2-3: Cảnh thu hoạch khoai lang ở vùng Tân Quới và Tân Lược (ảnh chụp 2019).



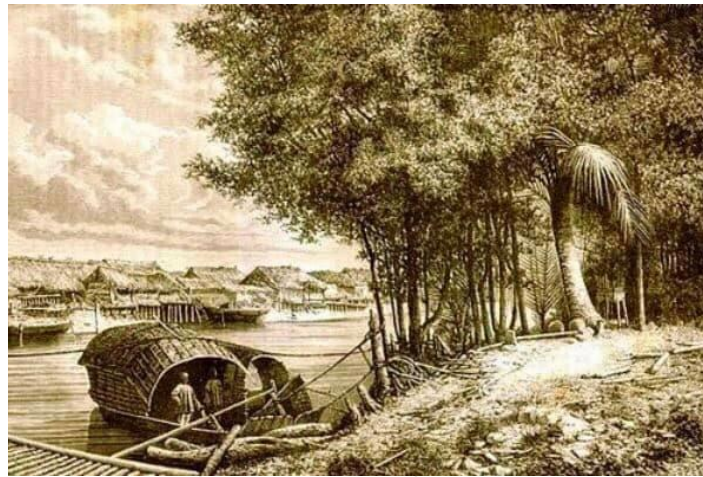
Hình 4



Hình 5



Hình 4-5-6: Vườn bưởi Năm Roi và nhà vườn đang thu hoạch bưởi tại xã Mỹ Hoà, Bình Minh (hình chụp năm 2019).



Hình 7: Sông Long Hồ sau khi người Pháp chiếm thành Vĩnh Long vào năm 1867 (sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



Hình 8: Sông Long Hồ 1968.



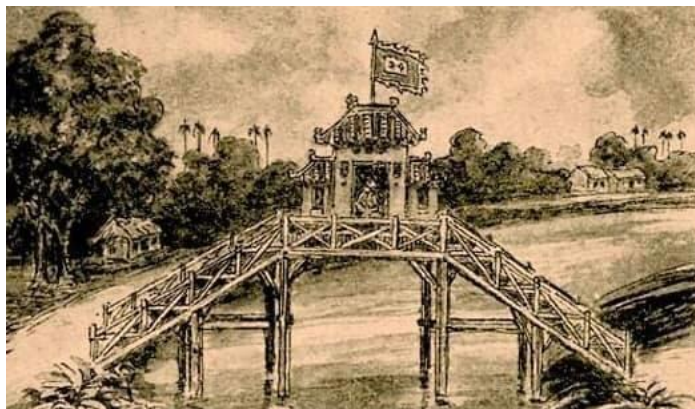
*Hình 9: Chợ Long Hồ khi Pháp vừa chiếm thành Vĩnh Long lần thứ hai vào năm 1867
(sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).*

VIII

Từ cầu tàu Vĩnh Long đi về hướng Đông Nam khoảng một cây số, có cây cầu mang tên Cầu Lầu. Con rạch chảy bên dưới nó mang tên là rạch Cầu Lầu. Đây là con rạch thiên nhiên, ban đầu rất nhỏ, nhưng đến năm 1813, vua Gia Long cho xây thành Vĩnh Long, người ta nạo vét lòng rạch để vừa làm một chiến hào thiên nhiên, mà cũng vừa lấy đất lên đắp bờ thành. Trước đây trong thời Gia Long tẩu quốc, con rạch này có tên là rạch Lò Rèn, vì đạo quân của Nguyễn Ánh đã sử dụng những lò rèn dọc theo con rạch để rèn gươm giáo đánh lại nhà Tây Sơn. Con rạch chỉ mang tên Cầu Lầu kể từ khi thành Vĩnh Long được xây dựng, vì lúc ấy các quan trấn giữ trong thành cho xây dựng một cây cầu bên cửa thành phía Đông và làm một lầu cạnh bên trên cây cầu này, từ xa ngó lại, lầu cảnh giống như một cái nhà lầu. Từ đó dân chúng địa phương gọi tên cầu là Cầu Lầu và cũng gọi luôn con rạch bên dưới nó là rạch Cầu Lầu. Đầu vàm Rạch Cầu Lầu là sông Long Hồ, rạch Cầu Lầu có chiều dài khoảng 3 cây số, nhưng ngày trước nó là một chiến hào vô cùng quan trọng trong việc phòng thủ mặt Đông Và mặt Tây của thành Vĩnh Long, vì rạch Cầu Lầu chảy theo hướng Đông-Tây, nghĩa là chảy từ cửa thành Đông qua cửa thành Tây. Sau đó nó chảy vào rạch Cá Trê, rồi đổ ra sông Cầu Vồng. Rạch Cầu Lầu có bề rộng khoảng 40 mét và sâu khoảng 5 mét.

Tại Ngã Ba Cần Thơ có cây cầu mang tên cầu Bình Lữ, vì nó chảy ngang qua rạch bình Lữ. Đây là một trong những con rạch tự nhiên và lớn nhất của thành phố Vĩnh Long, nó là ranh giới thiên. Hiện giữa hai phường 2 và phường 9. Nó chảy từ sông Cổ Chiên, cắt ngang quốc lộ 4 (nay là 1A) tại cầu Bình Lữ, chảy lên phường 9, đến sông Cái Cam, đến rạch Bà Ty, rạch Ngã Cạy, rồi chảy qua xã Phước Hậu và xã Tân Hạnh theo rạch Tân Hữu. Theo Địa Bạ Triều Nguyễn của Nguyễn a đình Đầu, rạch Bình Lữ được lấy tên theo thôn Bình Lữ (thôn Bình Lữ ngày trước phía Đông giáp địa phận thôn Vĩnh Tòng, phía Tây giáp 2 thôn Tân Sơn và Tân Hạnh, phía Nam giáp thôn Tân Giai, phía Bắc giáp thôn Tân Sơn và sông Cổ Chiên. Từ năm 1890 đến năm 1955, hai thôn Bình Lữ và Tân Giai sáp nhập vào nhau làm thôn Tân Bình và rạch Bình Lữ cũng được đổi tên làm rạch Tân Bình. Sau năm 1975, nó lại được đổi lại là Bình Lữ). Trước đây, rạch Bình Lữ chỉ dài khoảng 2 cây số, rộng khoảng 6 mét, và sâu khoảng 1 mét. Thời chính phủ VNCH, người ta nạo vét lại từ sông Cổ Chiên đến cầu Bình Lữ rộng 20 mét và sâu 3 mét cho tiện việc giao thông đường thủy.

Tướng cũng nên nhắc lại, sau khi lần chiếm Nam Kỳ, người Pháp đã cho tiến hành đào rất nhiều kinh xáng với hai mục đích: dẫn thủy nhập điền và cũng dễ dàng cho tàu bè đi lại thu gom lúa gạo ở các vùng sâu vùng xa. Riêng tại Vĩnh Long, rất nhiều con kinh đã được đào kể từ hậu bán thế kỷ thứ XIX. Sau khi chiếm xong thành Vĩnh Long lần thứ nhì vào năm 1867, con đường lộ đất hầm từ Vĩnh Long đi Cần Thơ hãy còn ảm thấp và lầy lội, nên người Pháp đã cho đào con kinh Bảo Khê (kinh đô viên tỉnh trưởng Vĩnh Long tên Bocquet chủ trương đào nên người ta lấy tên của ông mà đặt cho tên kinh) để lấy đất nâng cao mặt lộ. Kinh Bảo Khê bắt đầu từ sông Ông Me Nhỏ (Cầu Đồi), nối kinh Tràm Lộ (nay là kinh Bà Lang) chạy dọc theo quốc lộ 4 (nay là 1A), rồi qua Lộc Hoà, Phú Quới, đến Ba Càng (Song Phú), sau đó kinh Bảo Khê hợp với kinh Chà Và chảy qua sông Cái Vồn để đổ nước ra sông Hậu. Kinh có chiều dài khoảng 13 cây số. Hiện nay kinh có bề rộng trên 20 mét và sâu trên 5 mét, nhưng lúc mới đào nó chỉ rộng khoảng 10 mét và sâu khoảng 2 mét. Phải thật tình mà nói, thời đó trong khi con lộ từ Vĩnh Long đi Cần Thơ chưa hoàn chỉnh cho giao thông đường bộ thì con kinh Bảo Khê là thủy lộ huyết mạch cho giao thông từ Vĩnh Long qua Cần Thơ và ngược lại. Tuy nhiên, sau khi hoàn thành con lộ Route Coloniale numéro 16 thì dòng kinh này không còn quan trọng cho giao thông nữa, nhưng nó vẫn giữ một vai trò trọng yếu trong việc dẫn thủy nhập điền, mang nước từ Tiền Giang và Hậu Giang vào tưới tẩm cho cả một vùng rộng lớn từ Phước Bình, Lộc Hoà, Hoà Phú, Phú Quới, Phú Thịnh, Song Phú, và Tân Phú... vào đầu thế kỷ thứ XX, sau khi hoàn thành con kinh Bảo Khê, cư dân các nơi trong tỉnh bắt đầu dời cư về đây và định cư hai bên bờ kinh, dọc theo con lộ. Sau đó người Pháp cũng cho đào thêm nhiều kinh nhỏ cắt ngang con kinh Bảo Khê. Trong số đó có kinh Bà Lang, chảy từ rạch Còng Cọc thẳng đến kinh Bảo Khê. Kinh Bà Lang chảy qua các xã Phú Quới và Hoà Phú, cắt ngang quốc lộ 4 (1A) tại cầu Bà Lang. Đây là một trong những con kinh rất quan trọng cho cả vùng Bà Lang-Ba Càng, vì nó vừa dẫn thủy nhập điền, mà cũng vừa là huyết mạch giao thông đường thủy cho cư dân trong các xã Song Phú và Phú Quới. Kinh Bà Lang dài khoảng 3,5 cây số, rộng khoảng 15 mét, sâu trên 2 mét. Sau khi kinh Bà Lang hoàn tất, cư dân tiếp tục đổ xô đến đây định cư rất đông đảo. Vài năm sau đó, khu Bà Lang thành hình và sau này được đổi tên làm xã Phú Quới. Ngày nay, tuy cả cây cầu và khu chợ không còn mang tên Bà Lang nữa, nhưng con kinh vẫn mang tên Bà Lang và dân cư vẫn gọi cả vùng này với tên Bà Lang.



Hình 1: Hoạ hình Cầu Lầu trước năm 1867.



Hình 2: Rạch Cầu Lầu 1968.



Hình 3: Cầu Lầu 2003.



Hình 4: Cầu Vòng 2015.



Hình 5: Cầu Bình Lữ 2015.



Hình 6: Cầu Phú Quới 2015.



Hình 7: Cầu Ba Càng 2015.



Hình 8: Chợ Song Phú (Ba Càng).



*Hình 9: Kinh Cụt năm 1990,
còn có vẻ còn gần giống như Kinh Cụt trước 1972.*



Hình 10: Kinh Cựt 2012, cạn và hẹp hơn xưa nhiều vì nhà lấn ra và có lẽ người ta đã vứt xuống kinh quá nhiều bao ni lon (?)



Hình 11: Cầu Kinh Cựt năm 2002.



Hình 12: Cầu Kinh Cụt năm 2018.

***Cám ơn bạn hiền Biện Công Danh rất nhiều đã cung cấp thêm hình ảnh từ hình 9 đến 12.*

IX

Vào giữa thế kỷ thứ XIX, lưu dân vùng ngoài vào vùng Vĩnh Long lập nghiệp, họ lập nên những khu vườn trồng toàn cau, lúc đó giao thông đường thủy là phương tiện gần như duy nhất của miền Nam, để vận chuyển sản phẩm ‘cau’ của họ ra Ngã Tư Long Hồ, dân chúng đã hiệp sức với chính quyền địa phương đào kinh xẻ rạch từ Ngã Tư Long Hồ đi đến nhiều nơi khác trong vùng như rạch Ông Cả, rạch Bếp Đặng, rạch Thông Quan, rạch Xẻo Đậu, rạch Kỷ Hà, rạch Cúi, rạch Kinh Mới, và Kinh Ông Vệ, vân vân. Đến năm 1875, người Pháp cho tiến hành đào kinh Cái Cau. Như trên đã nói, khi dân miền ngoài đến đây trồng cau thì vùng đất này bắt đầu có những địa danh liên hệ tới ‘Cau’ như Bàu Cau tại ấp An Thạnh, xã Phú Đức, và cũng chính vì vậy mà sau khi hoàn tất con kinh lớn trong vùng, dân địa phương cũng đặt tên cho nó là Cái Cau. Kinh Cái Cau được đào cắt ngang những con rạch nhỏ vừa kể ở phần trên. Theo dòng thời gian, kinh Cái Cau bị nước xoáy lở bờ nên bề rộng dòng kinh ngày càng lớn. Ngày nay, khúc kinh Cái Cau từ Ngã Tư đến Xã Xi với chiều dài khoảng trên 7 cây số không còn giống như một con kinh nữa, mà nó giống như một con sông thiên nhiên hơn, nên dân chúng trong vùng gọi nó là sông Cái

Cau. Hiện tại, tuy đã có giao thông đường bộ, nhưng Cái Cau vẫn còn là một trong những huyết mạch giao thông đường thủy của dân chúng tại đây. Bên cạnh đó, sông Cái Cau còn là nguồn thủy lợi lớn của cư dân, đồng thời nó còn cung cấp nước cho cả một cánh đồng rộng lớn từ chợ Ngã Tư An Đức đến Xã Xi, và qua tận bên Tam Bình.

Cách thành phố Vĩnh Long chưa đầy 3 cây số, trên đường đi Trà Vinh (quốc lộ 53) có một cái cầu mang tên ‘Ông Me’, bắc ngang rạch Ông Me, một trong những con rạch lớn của xã Phước Hậu. Rạch Ông Me chảy từ ngã ba sông Long Hồ, khoảng gần cửa Long Hồ, vô đến Phước Hậu, rồi chảy qua Lộc Hoà, đến Hoà Phú để đổ vào dòng kinh Bà Lang. Trong địa phận ấp Phước Lợi A, thuộc xã Phước Hậu, có rạch Địa Chuối, dài khoảng 1 cây số, rộng khoảng 20 mét, sâu khoảng 5 mét. Rạch Địa Chuối bắt nguồn từ đầu nối hai con rạch Ông Me và Cống Ranh, chảy theo hướng đông nam-tây bắc, rồi nối với rạch Giồng Xoài, gần cuối con rạch, dòng nước chảy ngang qua một cái địa thật lớn, khoảng trên 1.000 mét vuông, mọc rất nhiều chuối nước nên dân địa phương gọi tên cái địa là Địa Chuối và tên con rạch cũng là rạch Địa Chuối. Hiện nay rạch địa Chuối đã được nạo vét sâu hơn nên khoảng 100 mẫu đất của ấp Phước Lợi A có năng suất rất cao.

Nhắc lại, vùng đất Long Hồ đã được khai hoang lập ấp ngay từ thế kỷ thứ XVII, tuy nhiên, rừng rậm miền Nam bao la đến nỗi cả thế kỷ sau đó vẫn còn rất nhiều rừng rậm hoang vu. Riêng tại vùng Phước Hậu ngày nay, vào cuối thế kỷ thứ XVIII, có khoảng 20 hộ gia đình ở miền Trung vào khai phá một phần đất hoang ven Rừng Dơi (có tên rừng dơi vì ban ngày có hàng trăm ngàn con dơi tụ tập về đây nghỉ ngơi, nên dân địa phương đặt tên cho nó là khu Rừng Dơi) và lập nên một xóm nhỏ. Mãi đến năm 1800, cái xóm nhỏ ấy vẫn chưa được đặt tên. Vào khoảng năm 1850, lại có thêm một nhóm người nữa cũng từ miền Trung tìm đến Ngã tư Long Hồ và hỏi thăm về những người quê ở Kỳ Hà đã vào đây lập nghiệp từ nhiều năm trước, dân chúng ở đây mới chỉ đường cho họ đi vào xóm nhỏ ấy. Từ đó, cả hai nhóm người lưu dân từ vùng Kỳ Hà thuộc tỉnh Quảng Nam cùng nhau hợp sức khai phá vùng đất hoang Rừng Dơi. Và cũng từ đó người dân giữa các vùng Phước Hậu và Ngã Tư gọi xóm nhỏ Rừng Dơi là xóm Kỳ Hà. Dầu có nhiều nhóm người đến khai phá như vậy, nhưng mãi cho đến giữa thế kỷ thứ XX, tại ấp Phước Nguơn B, xã Long Phước, chỉ cách thành phố Vĩnh Long chừng 4 cây số, vẫn còn một khu trũng ngập nước rộng, mọc toàn là những cây tràm, vừa, đa, đùng đỉnh, và bên dưới là những thứ ô rô, cóc kèn dày đặc, cảnh quang hết sức thanh u, và ban ngày vẫn còn có hàng trăm ngàn con dơi tụ tập về đây nghỉ ngơi. Theo lời các bô lão địa phương kể lại, khi người Pháp tiến chiếm Vĩnh Long lần thứ hai vào năm 1867, các nghĩa sĩ và thanh niên yêu nước không chịu khuất phục nên rút vào khu Rừng Dơi, lúc này rừng dơi là một khu rừng hoang với khoảng hơn 100 mẫu đất, nằm giữa 2 thôn Phú Đức và Phước Hậu của quận Châu Thành, thành lập chiến khu chống Pháp. Nhưng vì không có đường tiếp tế lương thực và vũ khí, nên lực lượng kháng chiến phải cùng Phan Tôn và Phan Liêm rút qua Bến Tre, hợp sức cùng lãnh binh Phan Công Tòng tiếp tục chống Pháp... Đến sau năm 1950, khi tái chiếm Việt Nam, người Pháp đã cho khai phá khu đất này để bảo vệ các đồn bót chung quanh đó, nên dầu hiện nay vẫn mang tên Rừng Dơi nhưng nơi này chỉ còn lại một khoảnh ruộng với nhiều cây tràm và cỏ dại mà thôi. Cũng tại xã Long Phước, sát bên quốc lộ 53, đường đi Trà Vinh, trong địa phận ấp Long Thới, cách Ngã Tư Long Hồ khoảng 2 cây số, có một dãy đất mang tên ‘Đất Méo’. Tuy mang tên Đất Méo, nhưng nhìn kỹ từ dưới đất cũng như trên phi cơ nhìn xuống, người ta không nhìn thấy một cửa đất nào méo, hay một dòng kinh con rạch nào méo cả. Theo truyền thuyết của dân địa phương, vào khoảng thế kỷ thứ XVIII và XIX, lưu dân Thuận Quảng đến đây lập nghiệp rất nhiều. ngày đó sông rạch và đất đai đều chưa có tên. Lúc đó, ven bờ một con rạch chảy ra sông Long Hồ có một ngôi nhà của một ông nông dân gốc Quảng Ngãi, tên là Đức, nhưng ông ta có tật bẩm sinh là miệng méo, nên người ta gọi con rạch ấy là rạch Đức Méo, lâu ngày đọc trại thành Đất Méo. Ngày nay mặc dầu ấp có tên là Long Thới, nhưng người ta vẫn gọi vùng này là Đất Méo.



Hình 1: Cầu Ông Me Lớn năm 2019.



Hình 2: Khoảng đường giữa Đất Méo và Cầu Ngã Tư (2019).



Hình 3: Cầu Ngã Tư (ảnh Internet 2019).



Hình 4



Hình 5



Hình 4-5-6: Cảnh đồng ruộng & sông rạch Vĩnh Long khoảng những năm 1920-1930
(sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).

X

Vĩnh Long bắt đầu có những thay đổi lớn từ sau khi người Pháp lần chiếm vùng đất này. Theo lời kể của ông ngoại người viết bài này là ông Trần Văn Tiếng, một con dân kỳ cựu của vùng đất Nam Kỳ, đặc biệt là vùng đất Vĩnh Long, sau khi người Pháp chiếm Vĩnh Long, họ cho phóng

những con đường mới và bắt dân chúng địa phương mỗi người phải nộp một mét khối đất hầm để đắp lên những con đường mới này. Ngoại trừ những con đường trong nội thành Vĩnh Long đều được người Pháp tiến hành cho tráng nhựa, có nghĩa là tất cả những con đường đá ong hay đường đất hầm trong thành Vĩnh Long ngày trước sẽ được người Pháp cho tráng nhựa hay đổ đá xanh, còn tất cả những con đường bên ngoài thành đều được đắp bằng đất hầm. Chu vi bốn cạnh của nội thành Vĩnh Long chạy từ Cầu Lầu song song với sông Long Hồ ra tới bờ sông Cổ Chiên, con đường từ vàm sông Long Hồ song song với bờ sông Cổ Chiên tới vàm rạch Cái Cá, con đường từ vàm rạch Cái Cá chạy song song với con lạch cạn (sau này đào thành Kinh Ruột Ngựa hay Kinh Cụt), và con đường từ Kinh Cụt chạy song song với rạch Cầu Lầu tới vàm rạch Cầu Lầu (tức là tới bờ sông Long Hồ). Mãi đến năm 1900 mà hầu hết các khu nhà trong khu tỉnh lỵ Vĩnh Long bây giờ vẫn còn lụp sụp, ngoại trừ những dãy phố hai bên đường Salicetti, từ Cầu Lầu ra tới cầu tàu, mà sau này trở thành đại lộ Tổng Phước Hiệp nối dài đại lộ Gia Long. Đến năm 1910, người Pháp cho thành lập các bến tàu và bến xe trên khắp miền Nam nhằm phục vụ giao thông thủy bộ. Đồng thời, tại Vĩnh Long người Pháp cũng cho nối dài con lộ từ bến đò (chợ Long Hồ cũ) chạy dài tới cầu Thiêng Đức bây giờ, tới Cầu Kè, Long Thanh, Long Mỹ, chạy dọc theo bờ phía Đông Bắc sông Long Hồ. Ban đầu đây chỉ là con đường đắp bằng đất hầm, nhưng đến năm 1920 thì họ cho rải đá xanh và đặt tên là lộ Thanh Thiêng. Trong khi đó, tỉnh lộ 31 từ Vĩnh Long đi Vũng Liêm chạy dọc theo bờ phía Nam sông Cổ Chiên; lộ từ ngã ba Cái Nhum đi Cái Nhum; lộ từ ngã ba Long Hiệp đi Tam Bình và Trà Ôn; lộ từ ngã ba Hiếu Phụng đi Cầu Kè... vốn đã được đắp bằng đất hầm từ trước năm 1900, đến năm 1920 cũng đều được rải đá.

Nói về các vị tỉnh trưởng ở Vĩnh Long thì phải kể ngay từ năm 1867, sau khi người Pháp chiếm Vĩnh Long, mặc dầu triều đình Huế đã đầu hàng và giao thành Vĩnh Long cho giặc, dân chúng trong tỉnh cương quyết đánh chống lại quân Pháp đến hơi thở cuối cùng, điển hình là hai vị đốc binh Lê Cẩn và Nguyễn Giao đã trả hàng và giết chết tên tham biện đầu tiên của Vĩnh Long là Salicetti. Sau biến cố chấn động này, để mua chuộc lòng người, thực dân Pháp đã cử Đỗ Hữu Phương, một nhân vật gốc người Chợ Lớn, rất thân Pháp, về làm tỉnh trưởng dân sự đầu tiên của Vĩnh Long. Vài năm sau, thực dân Pháp lại thay thế Đỗ Hữu Phương bằng Tôn Thọ Tường, một tên Việt gian nổi tiếng khát máu để trấn áp các cuộc nổi dậy của nhân dân Vĩnh Long. Sau khi dẹp yên các cuộc nổi dậy trong tỉnh, người Pháp bắt đầu xây dựng dinh Tham Biện, rộng rãi nằm sát bên bờ sông Cổ Chiên, ngó sang cù lao An Thành. Dinh Tham Biện được xây dựng theo lối kiến trúc thời thuộc địa bên Âu Châu, chiếm một khu đất rộng, chung quanh có tường rào kiên cố. Phía sau lưng dinh Tham Biện là Khâm Lớn Vĩnh Long, ban đầu chỉ lợp bằng lá, nhưng đến năm 1900 được xây dựng bằng gạch và lợp ngói rất kiên cố.

Đến năm 1954, khi ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ Tướng VNCH, ông đưa các tỉnh trưởng dân sự về làm tỉnh trưởng. Riêng tại Vĩnh Long, ông đã bổ nhiệm các ông Nguyễn Văn Định làm tỉnh trưởng ngày 12 tháng 4 năm 1954 đến ngày 6 tháng 7 năm 1955; ông Hồ Bảo Thành làm tỉnh trưởng từ ngày 6 tháng 7 năm 1955 đến ngày 7 tháng 5 năm 1956; ông Dương Văn Ký làm tỉnh trưởng từ ngày 7 tháng 5 năm 1956 đến ngày 4 tháng 2 năm 1957; và ông Khru Văn Ba làm tỉnh trưởng từ ngày 5 tháng 8 năm 1957 đến khi ông bị ám sát chết tại Khu Trù Mật Cái Sơn vào ngày 16 tháng 6 năm 1960. Trong khoảng thời gian 4 đời tỉnh trưởng dân sự tại Vĩnh Long, tỉnh này đã có sự thay đổi rất lớn lao. Những ai có ở Vĩnh Long từ năm 1950 đến năm 1960 đều thấy rõ sự khác biệt trong khoảng thời gian 5 năm trước và sau khi người Pháp rút khỏi Việt Nam nói chung, và Vĩnh Long nói riêng. Ngay từ những năm 1955-1956, toàn bộ những con đường trong thị xã Vĩnh Long đều được tráng nhựa mới lại. Bên cạnh đó, chính phủ VNCH còn cho rải thêm đá và tráng nhựa những con đường trước đây được đắp bằng đất hầm hay chỉ rải đá như con đường từ Vĩnh Long đi Vũng Liêm, chạy dọc theo bờ phía Nam sông Cổ Chiên; lộ từ ngã ba Cái Nhum đi Cái Nhum; lộ từ ngã ba Long Hiệp đi Tam Bình và Trà Ôn; lộ từ ngã ba Hiếu Phụng đi Hựu Thành, Cầu Kè, vân vân.

Đến khoảng đầu năm 1960 thì bộ mặt của thị xã Vĩnh Long đã hoàn toàn đổi mới nhờ chương trình kiến thiết và chỉnh trang đô thị của chính phủ VNCH. Lúc này hai bên những con đường Tổng Phước Hiệp, Gia Long, Phan Thanh Giản, Lê Thái Tổ, Bạch Đằng... phố xá và nhà cửa đều được xây dựng thẳng nếp. Chính phủ VNCH dự tính nếu không có chiến tranh, chương trình chỉnh trang đô thị sẽ tương đối hoàn chỉnh vào năm 1970. Theo chương trình chỉnh trang đô thị, các dãy phố trên các tỉnh thành miền Nam sẽ được xây dựng theo kiểu các thành phố mới bên Mỹ, nghĩa là không có đường hẻm. Những dãy phố mới đều được xây dựng theo mô hình phía trước là đường cái, phía sau giáp với mặt phía sau của dãy phố khác và phía trước mặt của dãy phố khác cũng là đường lớn. Nhưng không may cho Việt Nam, chiến tranh ngày càng khốc liệt nên chương trình chỉnh trang đô thị phải bị đình chỉ từ sau tháng 11 năm 1963. Trở lại sự chỉnh trang đô thị ở Vĩnh Long, vào khoảng từ 1945 đến 1950, hai bên đường Lê a thái Tổ vẫn còn xen kẽ những khu nhà lá nhỏ hẹp, vậy mà với chương trình đi dòi và đền bù thỏa đáng, nghĩa là chính phủ tìm một nơi tương xứng và cũng đền bù thêm một số tiền cho những người di dời tới khu mới cất nhà mới và an cư lạc nghiệp. Đến năm 1960, con đường Lê Thái Tổ trở thành một trong những con đường đẹp của tỉnh Vĩnh Long với lòng đường được mở rộng ra 12 mét, còn hai bên là những dãy phố lầu liền nhau, buôn bán tấp nập.

Trước năm 1954, khoảng đường từ ngã ba Cần Thơ đi về hướng Cần Thơ, tức đại lộ Nguyễn Huệ, chỉ có lác đác vài xóm nhà vách vắn, nhưng đến năm 1960 thì người ta đã xây cất những dãy phố lầu chạy thẳng lên tới sân vận động mới. Đầu năm 1960, tỉnh trưởng Khuru Văn Ba đã đặt viên đá đầu tiên khởi công xây dựng trường Kỹ Thuật và Sư Phạm Vĩnh Long, nhưng công trình còn đang dang dở thì ông bị ám sát chết. Đến đầu năm 1961, trung tá tỉnh trưởng Vĩnh Long Lê Văn Phước đã cắt băng Khánh thành hai ngôi trường này. Phải nói, vào thời đó, đây là hai ngôi trường đẹp, thật đẹp với 3 tầng lầu và đầy đủ tiện nghi cũng như học cụ cho một ngôi trường quốc tế. Sau đó, cũng trên đại lộ Nguyễn Huệ, một trung tâm tu nghiệp công chức được xây dựng trên một khu đất rộng rãi. Đây là nơi huấn luyện và tu nghiệp cho công chức và cán bộ hành Chánh trong tỉnh. Đối diện với khu trường này, tức nằm về phía bên phải hướng về Cần Thơ, chính quyền tỉnh Vĩnh Long cho xây cất 24 dãy biệt thự công lập cho công chức và quân nhân trong tỉnh thuê mượn với giá rẻ. Đến năm 1962, chính quyền quận Châu Thành Vĩnh Long hoàn tất việc xây dựng Quận Mới. Khu Quận Mới bao gồm công sở của quận, những khu phố thương mại thẳng hàng rất đẹp, và trên 50 dãy phố song lập được cất hai bên những đại lộ rộng thênh thang. Khu vực mới này có đầy đủ trường học và chợ búa.



Hình 1: Tượng cụ Phan Thanh Giản ngay góc đường Phan Thanh Giản & Lê Lai (ảnh Bruce Hill 1970).



Hình 2: Không ảnh Vĩnh Long chụp từ máy bay trực thăng (11/1973).



Hình 3: Đại lộ Nguyễn Huệ 1973.



Hình 4: Công Viên cạnh bến xe cũ VL, phía sau là Toà Án Vĩnh Long, phía bên trái là Quán Com Xã Hội Vĩnh Long (ảnh Bruce Hill 1970).



Hình 5: Đại lộ Gia Long 1966.



Hình 6: Bến Tàu Vĩnh Long (ảnh Bruce Hill 1970).



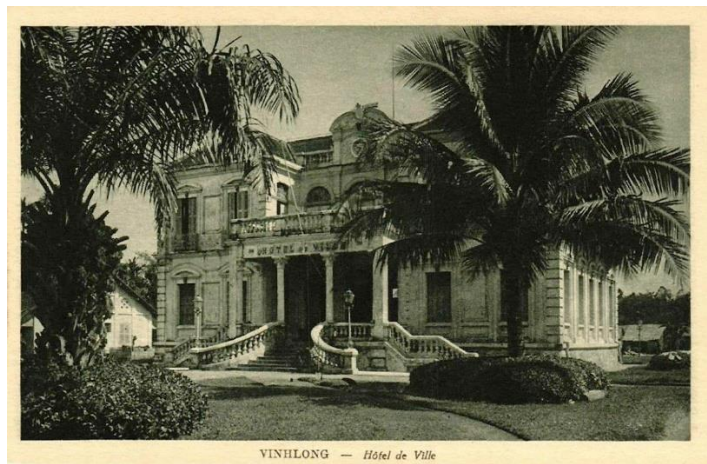
Hình 7: Một khu phố tại Vĩnh Long năm 1968.



*Hình 8: Một phiên chợ lộ thiên tại Vĩnh Long năm 1925
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).*



Hình 9: Xe đò Vĩnh Long-Thầy Phó (Hựu Thành) 1967.

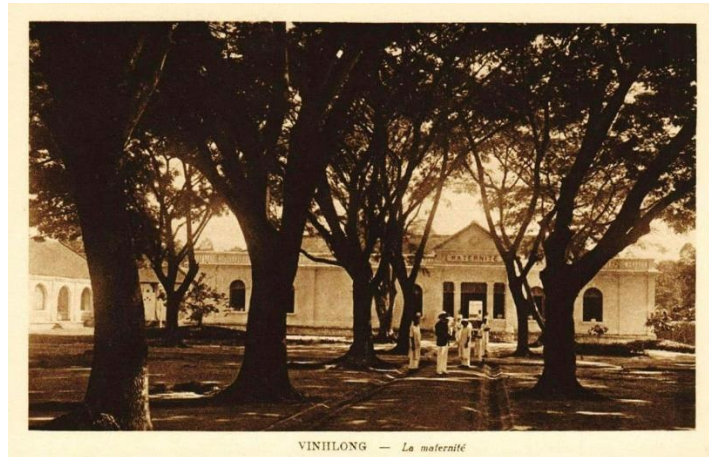


*Hình 10: Toà Tỉnh Trưởng Vĩnh Long 1920, bây giờ là Viện Bảo tàng của tỉnh
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).*



Hình 11: Trường Nữ Tiểu Học Vĩnh Long 1920

(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



Hình 12: Nhà Bảo Sanh Thị Vĩnh Long, tức nhà bảo sanh miễn phí, 1920

(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).

XI

Lúc còn nhỏ, người viết bài này, vào khoảng năm 1954, có lần được đi vô Cầu Ông Me với ông chú Ba là ông Trần Văn Hương để thăm một người bà con. Đoạn đường từ Cầu Lầu đến bót Thầy Thặng (khoảng chợ Cua bây giờ) thì thẳng băng, nhưng vừa qua khỏi bót Thầy Thặng một khoảng chừng 200 mét thì tự nhiên con đường rẽ phải một góc gần như 90 độ, người viết lúc đó chừng 7 tuổi nhưng cũng thấy hơi là lạ nên hỏi Ông Ba: “Ông Ba ơi sao mà người ta không chịu làm đường thẳng dễ đi hơn, mà có quẹo thì cũng hơi hơi thôi, chứ sao mà cái quẹo này gắt quá vậy Ông Ba?” Ông Ba cho biết: “Con biết hôn, theo lời ông Cố kể lại thì trước khi người Pháp chiếm Vĩnh Long thì từ ngoài Cầu Lầu có một con đường nhỏ chạy thẳng vô tới đình Long Hồ, rồi có cây cầu ván bắt qua vàm rạch Ông Me để đi về hướng Ngã Tư An Đức, nhưng khi chính quyền thực dân Pháp bắt đầu mở rộng con

đường này cho xe hơi có thể chạy được nên phải trưng dụng rất nhiều đất đai bên phải con đường, vì bên trái đã là bờ sông Long Hồ rồi, mà đa số đất đai ở đây là của gia đình ông bá hộ Nọn, một bá hộ giàu khét tiếng ở Vĩnh Long hồi đầu thế kỷ thứ XX. Theo đồ án ban đầu là phóng thẳng con đường từ Cầu Lầu vô tới Ngã Tư An Đức để làm trục lộ liên tỉnh Vĩnh Long-Trà Vinh, nhưng đã bị ông bá hộ Nọn khiếu nại với quan Toàn Quyền Đông Dương và chính phủ Pháp vì nó chiếm quá nhiều đất đai của ông. Đơn khiếu nại của ông được quan Toàn Quyền Đông Dương và chính phủ Pháp chuẩn thuận, nên khi con đường vừa qua khỏi khu bót Thầy Thặng, nơi bắt đầu ranh đất của bá hộ Nọn thì phải đột ngột quẹo phải một góc độ gần như 90 độ để tránh phần đất của bá hộ Nọn.” Sau khi thăm người bà con xong, trên đường trở về nhà, ông Ba ghé lại thăm bà Năm Châu, một người bạn học của ông Ba, nhà nằm sát bên bót Thầy Thặng. Lúc ghé lại nhà bà Năm Châu, người viết bài này dầu lúc đó còn nhỏ nhưng nghĩ cái bót phải có rào kín và phải có nhiều lính lính gác. Nhưng khi ông Ba nói tới bót Thầy Thặng rồi, tôi nhìn quanh quẩn mà hông thấy cái bót nào hết, chỉ thấy một căn nhà lầu cao cất theo kiểu Pháp. Tôi bèn hỏi ông Ba: “Cái này là cái nhà lầu chứ đâu phải là cái bót?” Ông Ba mỉm cười nói: “Con không biết đó thôi, cái này đúng là cái nhà, cái biệt thự, nhưng năm 1946 khi người Pháp tái chiếm Vĩnh Long, tại những trọng điểm phòng thủ, họ trưng dụng những căn nhà lầu của dân chúng để làm đồn bót phòng thủ. Đây chính là căn biệt thự của Thầy giáo Thặng, ông là con trai của một trong những đại điền chủ ở Vĩnh Long, nhà ông sở hữu hàng ngàn mẫu ruộng chạy dài từ ấp Long An của xã Long Hồ qua rạch Ông Me, vô tới Phước Ngươn, Phước Hậu... Thầy Thặng chỉ dạy học cho vui vậy thôi chứ tiền của của ông biết để đâu cho hết.”

Ngay tại vòng xoay Ngã Ba Cần Thơ, từ các nơi đến Vĩnh Long hay từ Vĩnh Long đi các nơi khác, đều phải đi ngang qua vòng xoay này. Mỗi khi đi ngang qua đây, nhìn thấy bức tượng bán thân của cụ Phan Thanh Giản, được tôn tượng trên một cái tháp không cao lắm, không ai là không bồi ngùi thương cảm cho một vị quan thời Đảng Cựu, vì thương dân thương nước trong hoàn cảnh thế cô sức yếu nên đành phải hạ vũ khí đầu hàng quân Pháp, nhằm tránh cho dân chúng cái cảnh núi xương sông máu. Ngày nay, nhân dân miền Nam nói riêng và nhân dân cả nước nói chung, đa số đều cảm thông được nỗi hận mà cụ Phan đã phải mang đi với mình xuống chôn tuyền đài, nên ai cũng đều thương cảm cho cụ. Từ vòng xoay này đi trên quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1A), về hướng Đông Bắc khoảng 9 cây số là tới bến phà Mỹ Thuận, nay là cầu Mỹ Thuận.

Thành phố Vĩnh Long là một trong những thành phố thơ mộng, nằm bên dòng sông Cổ Chiên. Nếu đi từ Mỹ Thuận, theo quốc lộ 4 (1A) về ngã ba Cần Thơ thì con đường Lê Thái Tổ sẽ dẫn chúng ta đến ngã ba Thầy Thoại, ngày trước có một đồn binh Pháp tại đây nên dân địa phương gọi là bót Thầy Thoại. Từ ngã ba Thầy a thoại, nếu đi thẳng sẽ tới Cầu Lộ, còn nếu rẽ trái sẽ đến cầu Cái Cá, cả hai con đường này đều đưa chúng ta đến trung tâm thành phố Vĩnh Long. Từ vàm Cái Cá (Ngư Câu) đến đầu cầu Kinh Cụt có 2 cây cầu lớn là Cái Cá và Cầu Lộ và một cây cầu nhỏ là cầu Kinh Cụt. Cầu Lộ được người Pháp xây dựng vào cuối thế kỷ thứ XIX, bằng bê tông cốt sắt với lối kiến trúc đơn giản, hai bên cầu vẫn còn hai hàng cột đèn được đúc bằng xi măng hình khối lăng trụ rất đẹp. Trước khi người Pháp chiếm Vĩnh Long thì Cầu Lầu có nhiệm vụ canh phòng mặt sông Long Hồ và rạch Cầu Lầu, trong khi Cầu Lộ thì canh phòng mặt sông Cổ Chiên. Về sau này để tiện cho việc lưu thông từ Cầu Tàu Vĩnh Long đi đến ngã ba Cần Thơ, người Pháp cho xây dựng thêm cầu Cái Cá. Sau đó họ cho làm thêm cầu Kinh Cụt nhằm nối liền khu bên kia bờ rạch Cái Cá với ly sở Vĩnh Long. Vừa qua khỏi Cầu Lộ là đường Phan Thanh Giản, đây là một trong những con đường buôn bán sầm uất của Vĩnh Long.



Hình 1



Hình 1-2: Chợ Cua và cảnh buôn bán trái cây, phường 4, Vĩnh Long, 2019.



Hình 3: Chợ Ngã Tư An Đức (nay là chợ thị trấn Long Hồ), 2019.



Hình 4: Đường Lê Thái Tổ, năm 1955 (ảnh Công Báo Chánh Phủ VNCH, 1955)



Hình 5: Nhà thờ Chánh Toà Vĩnh Long, trên đường Lê Thái Tổ, 1967.



Hình 6: Nhà Thờ Vĩnh Long năm 1929, sau này là trường trung học tư thực Nguyễn Trường Tộ (ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955 Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



Hình 7: Cảnh sông nước Vinh Long hồi thập niên 1920s
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



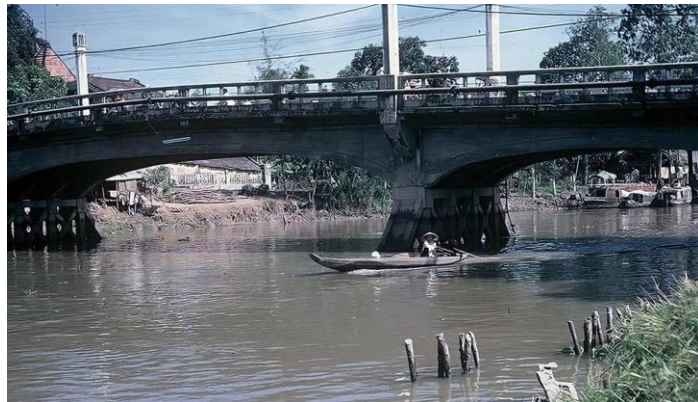
Hình 8: Ty Quan Thuế Vinh Long nằm trên đường Salicetti (Gia Long), 1925.



Hình 9: Bến Tàu Vinh Long-Nam Vang (khoảng bến phà An Bình ngày nay), 1925
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



Hình 10: Toà Hành Chánh Vĩnh Long (sân Vận Động cũ), ảnh Internet*.



Hình 11: Cầu Lộ, 1955, ảnh Internet*.



Hình 12: Cầu Cái Cá, ảnh Internet*.



Hình 13



Hình 13-14: Ngã Ba Cần Thơ 1965, ảnh Internet*

*Trước năm 1975, mình có chụp rất nhiều ảnh về Vĩnh Long, nhất là ảnh chụp từ trên máy bay, nhưng phần lớn đã bị thất lạc. Những lần về Vĩnh Long, mình cũng có chụp một số ảnh, nhưng vì không phải nhà nghề nên ảnh không được đẹp. Cảm ơn cháu Nguyễn Trần Vương Thơ thật nhiều đã chỉ cho chú cách vào Internet để tìm những hình ảnh liên quan đến Vĩnh Long.

XII

Vừa qua khỏi Cầu Lộ là đường Phan Thanh Giản, đây là một trong những con đường buôn bán sầm uất của tỉnh. Trước năm 1954, hai bên đường chỉ lác đác vài xóm nhà lá, xa xa mới có một căn nhà vách ván lợp ngói, vậy mà chỉ trong vòng 5 hay 6 năm sau đó thì hai bên đường, phố xá được xây cất, quanh cảnh xe cộ dập diu rất vui. Trong 9 năm, từ năm 1954 đến năm 1963, chính phủ đệ nhất Cộng Hoà đã vận dụng hết khả năng của mình để chinh trang hầu hết các đô thị ở miền Nam. Riêng tại Vĩnh Long, nhất là từ năm 1955 đến năm 1961, hầu hết các con đường trong thị xã Vĩnh Long thờ đó đều được tráng nhựa mới, một số con đường trước đây chỉ được trải đá, nay được trải thêm đá mới và tráng nhựa như con đường từ cầu Công Xi Heo đi ngã ba Chiều Tím. Đến năm 1961 thì vị tỉnh trưởng dân sự cuối cùng ở Vĩnh Long là ông Khuru Văn Ba

đã hoàn tất thêm một con đường mới nối dài đường Trưng Nữ Vương với ngã ba đi Trà Vinh, gần cầu Ông Me. Sau khi ông Khuru Văn Ba bị ám sát chết tại Khu Trù Mật Cái Sơn, Ba Càng, con đường được chính quyền đặt tên Khuru Văn Ba. Phải nói con đường Khuru Văn Ba là con đường mà học trò Vĩnh Long có rất nhiều kỷ niệm vì đây là con đường do công chức và học sinh trong tỉnh đào mương lộ để đắp lên, còn dân chúng thì mỗi hộ gia đình hỗ trợ 1 mét khối đất hầm trước khi đường được trải đá và tráng nhựa.

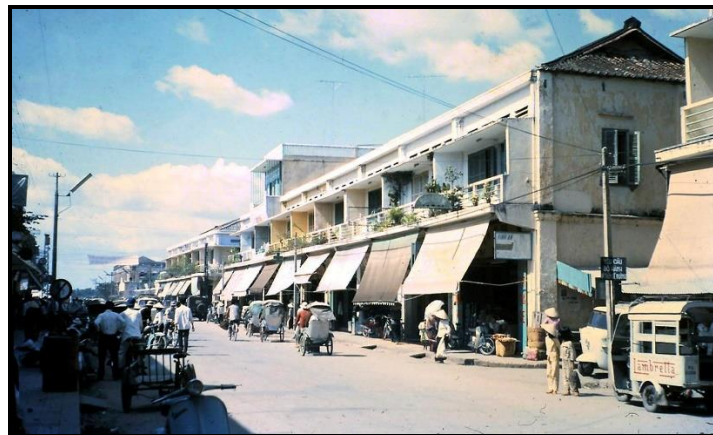
Đến thời đệ nhị Cộng Hoà (1963-1975), lúc đại tá Dương Hiếu Nghĩa làm tỉnh trưởng, ông đã mở thêm một con đường nối liền quốc lộ 4 (nay là 1A) với con đường Vĩnh Long đi Trà Vinh, con đường này gặp đường Khuru Văn Ba tại ngã ba đi Trà Vinh, dân chúng địa phương gọi đường này là đường Cầu Vòng. Lúc con đường này mới được mở ra, dưới những đám ruộng hai bên đường người ta trồng rất nhiều dưa gang, do nước được đưa từ rạch Cầu Lầu qua rạch cá Trê chảy vào các mương lộ vừa mới được đào, tưới tắm vào đồng ruộng nên những dây dưa gang ở đây cho trái nhiều vô số kể. Lúc đó đoạn đường từ ngã ba Cần Thơ lên cầu Tân Hữu trở nên náo nhiệt lạ thường, cứ chiều chiều là người dân trong thị xã Vĩnh Long rủ nhau lên Cầu Tân Hữu hay đi đường Cầu Vòng ăn dưa gang. Đường Cầu Vòng được chính phủ mở ra nhằm giúp giảm bớt xe cộ liên tỉnh từ Sài Gòn hay từ Cần Thơ đi Trà Vinh không phải đi vào thành phố Vĩnh Long, nên từ khi có con đường này dân trong thành phố Vĩnh Long hít thở được không khí trong lành hơn nhiều.

Tương cũng nên nhắc lại, ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, khoảng năm 1910, bên bờ sông Long Hồ, từ vàm sông trở vô Cầu Lầu đã có cầu tàu, bến đò Thiêng Đức, sở trường tiền (công chánh) và sở thuế (douanes), bên kia sở trường tiền thì có khu Toà Bô Vĩnh Long, về sau này đến năm 1949 người Pháp dời khu toà bô này đi và chuyển giao khu này để làm trường Internat Primaire, sau này là trường trung học Tổng Phước Hiệp. Về sau này người Pháp cho xây khu nhà quan (Bungalow) ở gần cầu tàu, rồi cho xây dãy phố chạy dài từ Bungalow đến nhà việc Long Châu. Ngày đó Vĩnh Long chỉ có ba ngã chính. NGÃ THỨ NHẤT: đường Salicetti (đường Gia Long) từ cầu tàu vô Cầu Lầu nối dài với đường Văn Thánh vô tận cầu Ông Me. Trên khoảng đường này có những di tích thời xa xưa như Cầu Lầu, chùa Giác Thiên, và Văn Thánh Miếu. Cầu Lầu là tên của một cây cầu được bắc qua con rạch cũng mang tên rạch Cầu Lầu, một chiến hào của thành Long Hồ và Vĩnh Long xưa, chiếc cầu này được xây dựng bằng gỗ cách này cũng vài trăm năm, có lẽ từ thời còn dinh Long Hồ cho dân chúng đi lại từ lý sở dinh Long Hồ đến các vùng phụ cận phía Đông Nam. Đến năm 1813, khi vua Gia Long ra lệnh cho quan Lưu Thủ Vĩnh thành Trấn là Lưu Phước Tường xây lại thành Vĩnh Thanh thì Cầu Lầu được xây dựng lại với qui mô lớn hơn trước rất nhiều. Lúc đó, cột cầu được làm bằng những loại gỗ quý như cẩm xe hay cà chát, ván lót trên cầu cũng được làm bằng những loại gỗ này với bề dày rất dày; khoảng giữa cầu có một vọng gác được dựng trên 4 cây cột cao khoảng 6 hay 7 mét, trên nóc vọng gác được lợp bằng ngói âm dương, vọng gác này luôn luôn có lính Nam triều thay phiên nhau canh giữ với nhiệm vụ quan sát và theo dõi dòng người qua lại trên cầu và những đoàn ghe thuyền ra vô vùng lý sở. Sau khi quân Pháp đánh chiếm Vĩnh Long lần thứ hai vào năm 1867, họ đã cho san bằng thành Vĩnh Long, kể cả Cầu Lầu, và họ cho xây lại một cây cầu sắt. Qua khỏi Cầu Lầu khoảng vài trăm mét người ta thấy có chùa Giác Thiên nằm bên phải nằm trên đường Văn Thánh (nay là đường Trần Phú). Đây là một trong những ngôi chùa quan trọng của tỉnh Vĩnh Long, được xây dựng vào năm 1907. Bên trong ngôi chùa có một tấm bia nói về 34 vị cao Tăng từ Ấn Độ, Trung Hoa và Việt Nam. Tính đến ngày nay, sau hơn 100 năm kể từ ngày xây dựng, chùa Giác Thiên đã được trùng tu nhiều lần. Hiện nay, đường vô chùa có cổng Tam quan, bên trong có đài Bát Nhã. Mỗi khi có lễ hội, dân chúng tề tựu về đây tham dự rất đông. NGÃ THỨ HAI: Đường từ cầu tàu chạy dọc theo bờ sông Cổ Chiên, lên cầu Cái Cá, qua xóm Bún, vòng qua đình Tân Giai (Vị trí ngôi đình cũ), qua đường Lý Thái Tổ, qua Cầu Lộ, xuống đường Thoại a Ngọc Hầu và Viện Phước Thiện, đến đường Nguyễn Thái Học, khu Đất Thánh An Nam cũ, rồi qua khu cầu Công Xi Heo, rồi vòng xuống Cầu Lầu bằng con đường Đồng Khánh (Thất Kiêu). NGÃ THỨ BA: Từ

đường Lê Thái Tổ đi về phía mà bây giờ người ta gọi là ngã ba Cần Thơ, rẽ trái lên cầu Tân Hữu, rồi đến khu Cầu Vòng.



Hình 1: Ty CSQG Vĩnh Long, trên đường Phan Thanh Giản, ảnh 1967.



Hình 2



Hình 3



Hình 2-3-4: Phố chợ trong thị xã Vĩnh Long, ảnh Bruce Hill 1967.



Hình 5: Trường Trung Học Tổng Phước Hiệp Vĩnh Long, 1966



Hình 6: Chùa Giác Thiên, 2012.



Hình 7: Chợ Công Xi Heo, 2018.



Hình 8: Miếu Công Thần, 2018.



Hình 9: Chợ Long Mỹ, 2018.



Hình 10: Phù hiệu trường trung học Tổng Phước Hiệp.



Hình 11: Bên hông trường Tổng Phước Hiệp 1966.



Hình 12: Ngôi mộ bên trong trường Tổng Phước Hiệp, bây giờ vẫn còn
(ảnh sưu tập được từ các Công Báo Hành Chánh Nam Kỳ từ năm 1862 đến năm 1955
Bulletin Administratif de la Cochinchine 1862-1955).



Hình 13: Cảnh nước ngập ở xóm Kho Dầu Cũ Vinh Long, ảnh tháng 9, 2021.

NHỮNG NỎ ĐƯỜNG VĨNH LONG (P-II)

Trích trong tập II, bộ ĐẤT PHƯƠNG NAM của tác giả **Người Long Hồ**

XIII

Tại vàm rạch Cái Cá thuở xưa nước chảy xuôi ra dòng Cổ Chiên tại trước nhà thờ Thiên Chúa Giáo cũ, phía ngoài vàm là xóm Chài và xóm Lưới nối liền với xóm Bún bằng một đường nước nhỏ có thể lội ngang qua được. Từ khi người Pháp cho khai đường nước này và đắp đập rạch Cái Cá nhằm ngăn nước tràn vào từ hướng sông Cổ Chiên. Thế rồi nước chảy ra từ các kinh mới đào, đụng ngang với dòng nước sông Cổ Chiên tạo thành một khoảng nước xoáy, cuốn đi mất xường xe hơi Tô Kiến Đức, bên kia lộ, trước mặt nhà thờ cũ, cả xóm Chài và gần hết con đường xóm Bún chạy ngang qua đình thần Tân Giai. Về sau này, nước xoáy còn cuốn luôn cả một phần đường Nguyễn Trường Tộ nằm trước nhà thờ và dinh tỉnh trưởng cũ. Bờ sông Cổ Chiên từ vàm Cái Cá chạy dài xuống vàm sông Long Hồ cũng bị sụp lở lần hồi. Bến Tàu Lục Tỉnh đi Nam Vang hay cầu tàu Vĩnh Long đã bao lần được dựng đi dựng lại vì bị nước xoáy. Ban đầu làm bằng cầu ván nên cứ bị nước cuốn phăng đi, sau phải làm cầu đúc nên mới còn đến bây giờ.

Nói về con sông Cổ Chiên, đây là con sông đã chứng kiến quá nhiều thăng trầm của những thời thanh bình cũng như thời ly loạn của đất Vĩnh Long. Nơi đây thường xảy ra những cuộc giao tranh giữa giặc Xiêm La và Chân Lạp, cũng như những cuộc thư hùng giữa nghĩa binh Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Tương truyền ngày xưa trên mặt nước sông ở đây thường hiển hiện những điều quái dị, những hồn ma chấp chờn khiến các ghe thương hồ đi ngang đều phải rợn người kinh khiếp. Rất nhiều lần người ta nghe được tiếng nước chảy mạnh phát ra tiếng như tiếng trống xuất quân hay tiếng chiêng trống dục quân trên khắp cả khúc sông này. Chính vì vậy mà người xưa đã đặt tên cho khúc sông này là Cổ Chiên (kỳ thật ban đầu chữ Chiêng có g, nhưng về sau này người ta bỏ chữ g đi). Ngoài ra, trong châu vi quận Châu Thành còn có các sông rạch khác như sông Cái Cam, rạch Cái Đôi, rạch Cái Da Lớn, rạch Cái Da Nhỏ và rạch Cái Sao. Trong số này, Cái Cam là một trong những con sông tự nhiên quan trọng từ thời xa xưa, dài khoảng 3 cây số, rộng gần 100 mét, sâu khoảng 9 mét. Sông nằm giữa phường 9 và xã Trường An của thành phố Vĩnh Long, vàm sông Cái Cam giáp với dòng nước Xếp chảy từ dòng sông Cổ Chiên vào, đối diện với cù lao An Thành. Sở dĩ đóng sông này có tên là Cái Cam vì từ xưa đến nay, hai bên bờ cư dân trồng rất nhiều cam. Khi chảy đến địa phận xã Nhơn Phước, sông Cái Cam chia ra làm 3 nhánh: Bà Giao, Ông Diễm và Cầu Kho (Tân Hạnh). Nhánh Tân Hạnh chảy trong địa phận xã Tân Hạnh, cầu Cái Đôi, rồi chảy vào kinh Bảo Khê (Bocquet), từ đây thuyền bè có thể đi đến Hậu Giang một cách dễ dàng. Cách dòng Cái Cam chừng khoảng 300 mét là đóng Cái Côn, cũng từ dòng nước Xếp chảy vào từ sông Cổ Chiên, đối diện với cù lao An Thành. Sông Cái Côn không sâu và không dài như sông Cái Cam, nhưng nó rất quan trọng cho cả vùng về mặt thủy lợi, vì nó có rất nhiều nhánh nhỏ chảy vào như rạch Cầu Xây, rạch Giáo Vững, rạch Ông Sung, rạch Bà Bông, rạch Chín Đóm, rạch Xã Sinh, rạch Bà Thảo, rạch Bà Giáo, rạch Ông Tâm, rạch Chín Quynh, rạch Hội Đồng Ngà, rạch Giáo Thới, rạch Cái Đôi... Trong số những con rạch này, có nhiều rạch cũng chảy vào sông Cái Cam như rạch Cái Đôi và rạch Bà Giáo. hai bên bờ sông. Cái Côn nhà cửa và dân cư rất đông đúc, ruộng vườn luôn xanh tốt.

Cách chợ Vĩnh Long chừng 1 cây số về hướng đông nam, có một cây cầu bắc ngang dòng sông Long Hồ, đó là cầu Thiêng Đức. Có lẽ không một người Vĩnh Long nào không biết đến cây

cầu này. Từ đường Gia Long nối dài là Tổng Phước Hiệp đến cầu Thiềng Đức, quẹo trái, qua cầu, rồi đi theo con lộ đi về hướng Bắc Cổ Chiên, là địa phận của xã Thanh Đức, Mỹ An và Long Mỹ. Trong địa phận của 3 xã này có 2 con rạch tương đối khá lớn, đó là rạch Cái Sơn Lớn và rạch Cái Sơn Bé. Rạch Cái Sơn Lớn còn có tên là rạch Sơn Đông, dài khoảng 5 cây số, rộng khoảng 30 mét, và sâu khoảng 8 mét, chảy từ sông Cổ Chiên qua 2 ấp Sơn Đông và Cái Sơn Lớn, cắt ngang hai con rạch nhỏ khác là rạch Bà Đài và rạch Bà Bồ, rồi gặp sông Mỹ An, tức sông Hoà Mỹ ở khoảng giữa 2 xã Mỹ An và Long Mỹ, rồi đổ ra sông Long Hồ. Có một con rạch khác có tên là Cái Sơn Bé chảy từ sông Cổ Chiên (xã Mỹ An) vào xã Thanh Đức, gặp rạch Cái Sơn Lớn tại gần Miếu Công Thần. Đây là một trong những khu vực mà lưu dân từ miền ngoài đến khai khẩn từ hồi đầu thế kỷ thứ XVIII, LÚC MÀ DINH Long Hồ vẫn còn mang tên Longhor và hầy còn trực thuộc Chân Lạp. Chính vì vậy mà đến đời các chúa Nguyễn, triều Nguyễn, thời Pháp thuộc, rồi đến thời VNCH, vùng này luôn là vùng đất phát triển về mọi mặt, nhất là kinh tế. Đầu năm 1954, trong toàn tỉnh Vĩnh Long chỉ có 12 xưởng cưa máy, thì bên phía Thiềng Đức đã có một xưởng cưa cỡ lớn; trong toàn tỉnh chỉ có trên 10 nhà máy xay lúa thì phía Thiềng Đức đã có một nhà máy lớn tại rạch Cầu Kho. Còn nói về lò gạch thì từ Thiềng Đức xuống vùng Mỹ An, dọc theo bờ Nam sông Cổ Chiên có rất nhiều lò gạch mà người viết không có đủ tài liệu nói về con số.

Trên đường liên tỉnh số 31 (nay là quốc lộ 53) từ Vĩnh Long đi Trà Vinh, qua khỏi Ngã Tư An Đức chừng vài ba cây số, chúng ta sẽ nhìn thấy một cái cổng bên trái với tám bảng đề tên Huyện Mang Thít. Từ đó đi thêm khoảng 10 cây số nữa là tới chợ Cái Nhum. Ngày trước, vùng đất này có rất nhiều kinh rạch hơn cả gồm rạch Cá Lóc, Ông Diệm, Vòi Voi, Cái Cạn, Cái Ranh, Cái Kè, Thủy Thuận, Phú Hoà, Rạch Mít, Măng Thít, Ruột Ngựa, Cái Nhum, Bà Phong, Rạch Lung, Cái Sao, Bà Giáo, Cái Ngay, Ông Nam, Ông Đệ, Ông Cờ, vân vân. Trong thời mở cõi, cá tôm ở đây nhiều đến độ người ta phải phơi khô hay làm mắm. Dân gian vùng Hoà Thuận và Lồng Hiệp có đôi câu ca dao nói lên sự phong Phú của thủy sản quê mình như sau:

“Bà Phong, Bà Phận, Ông Cờ, Ông Nam,
Dưới sông cá bạc, tôm vàng.
Xuống ghe tập nập bạn hàng đến mua.”



Hình 1: Cầu Thiềng Đức 2018.



*Hình 2 & 3: Những lò gạch dọc
theo đường đi từ Thanh Đức đến Cái Kè 2019.*



*Hình 4: Cổng chào huyện Măng Thít,
nằm trên giữa đường Ngã Tư & Long Hiệp 2015.*



Hình 5: Đình Phước Hậu 2019.



Hình 6: Đình Tân Hoa 2019.



Hình 7: Đình Tân Ngãi 2019.



Hình 8: Thất Phủ Miếu 2019.



Hình 9: Chùa Minh Hương 2019.



Hình 10: Cổng chào Xã Long Mỹ 2019.

XIV

Sau năm 1975, quận Cái Nhum trực thuộc tỉnh Vĩnh Long, đến ngày 29 tháng 9 năm 1981, chính quyền mới tách một số xã của huyện Long Hồ để thành lập huyện Măng Thít trực thuộc tỉnh Cửu Long. Tuy nhiên, đến ngày 17 tháng 4 năm 1986 thì giải thể huyện Măng Thít và cho các xã này nhập trở lại huyện Long Hồ. Sau đó, đến ngày 13 tháng 2 năm 1992, lại tách một số xã của huyện Long Hồ ra để tái lập huyện Măng Thít. Hiện nay huyện Măng Thít gồm có thị trấn Cái Nhum và 12 xã: Mỹ An, Long Mỹ, Hoà Tịnh, Bình Phước, An Phước, Chánh An, Chánh Hội, Mỹ Phước, Nhơn Phú, Tân An Hội, Tân Long, và Tân Long Hội. Trước năm 1975, đa số cư dân trong địa bàn mà ngày nay là huyện Măng Thít làm ruộng, làm vườn hay chăn nuôi; một số là cư dân đánh cá trong các sông rạch. Sau năm 1975 không lâu, cá thiên nhiên trong sông rạch không còn nhiều, nên người ta bắt đầu chuyển sang nghề nuôi thủy sản. Trong khi đó, việc làm nông thì đa số là những người lớn tuổi vì các thanh thiếu niên phần lớn lại đi về các vùng đô thị để làm công nhân. Riêng nghề gốm sứ trong huyện Măng Thít có phần phát triển từ năm 1990 đến khoảng năm 2010 thì bị khựng lại, có lẽ do nhu cầu của nước ngoài bị sụt giảm. Hiện tại dầu công việc có giảm đi nhưng các lò gạch và gốm sứ trong huyện Măng Thít vẫn còn khá nhiều tại các vùng Nhơn Phú, Mỹ An, Mỹ Phước... Con sông lớn nhất trong huyện Măng Thít là dòng sông Măng Thít. Trong Đại Nam Nhất Thống Chí và Gia Định Thành Thông Chí thì ghi là sông Mang Thít, nhưng trong dân gian thì gọi nó là Măng Thít hay Mân Thít. Có lẽ tên Măng Thít có nguồn gốc từ tiếng Khmer là Băng Brit, về sau người ta đọc trại thành Măng Thít hay Mân Thít. Dòng sông này nằm về phía Đông Nam tỉnh lỵ Vĩnh Long chừng 20 cây số, nối liền 2 con sông

Tiền Giang và Hậu Giang, với chiều dài khoảng gần 50 cây số, rộng khoảng 130 mét, và sâu từ 10 đến 20 mét. Đây là ranh giới tự nhiên của nhiều quận huyện trong tỉnh Vĩnh Long. Bờ phía Bắc sông Măng Thít là hai huyện Cái Nhum và Tam Bình. Bờ Nam là các quận Trà Ôn và Vũng Liêm. Địa hình sông Măng Thít uốn khúc từ vàm Măng Thít bên bờ Cổ Chiên đến xã Tường Lộc (huyện Tam Bình), nhưng khúc sông này lại rộng và sâu, rất tiện lợi cho việc giao thông đường thủy. Trong khi đó từ Tường Lộc đến Trà Ôn, dòng Măng Thít lại ngoằn ngoèo, nhỏ hẹp và lòng sông rất cạn nên không thể lưu thông được. Có những câu ca dao nói về dòng sông Măng Thít đã bao đời chứng kiến kẻ ở người đi. Con người ta có thể vì lý do gì đó mà bỏ xứ này ra đi trong nhớ những luyến tiếc, thì dòng sông này vẫn ở đây thủy chung chờ đợi người trở lại:

“Sông Măng Thít có dòng nước xoáy,
Rạch Bà Soi nước chảy vòng cung.
Người đi mang nỗi nhớ những,
Sông này vẫn giữ thủy chung với người.”

Vào cuối thế kỷ thứ XIX, người Pháp lấy vùng Trà Ôn lập tỉnh Tam Cần, nhưng sau đó bỏ tỉnh Tam Cần và cho vùng Trà Ôn trực thuộc tỉnh Cần Thơ. Lúc đó viên tỉnh trưởng Cần Thơ là Nicolas cho khởi công nạo vét ngòi Trà Ôn thẳng đến ngã ba Thầy Hạnh. Kỳ thật người Pháp cho tiến hành đào vét kinh rạch ở miền Nam trên qui mô rộng lớn chỉ với 2 mục đích là dẫn thủy nhập điền để gia tăng diện tích trồng lúa, và làm thuận tiện giao thông đường thủy để họ có thể dễ dàng đi tới chở lúa gạo từ những vùng sâu xa trong nông thôn. Nhưng cũng nhờ vậy mà kể từ đó về sau này, nước được lưu thông dễ dàng nên sức chảy bên cả hai dòng Tiền Giang và Hậu Giang ngày càng mạnh và sức xả phèn tại các vùng trũng xa xôi ngày càng mạnh, đất đai ngày càng phì nhiêu hơn. Bên cạnh đó, hai bên bờ tại các kinh rạch mới đào vét ngày càng lớn thêm nên sự giao thông đường thủy tại những nơi này ngày càng thuận tiện và dễ dàng hơn trước rất nhiều. Cũng kể từ đó, việc đi lại từ Tiền Giang qua Hậu Giang rất dễ dàng. Nhất là sự đi lại trên dòng Măng Thít từ Cái Nhum qua Tân An Luông, Tam Bình, Trà Ôn... Dòng Măng Thít sau khi chảy qua địa phận Tân An Luông nó chảy vào địa phận xã Xuân Hiệp (Cái Cá) thì bị chặn lại bởi một dãy đất liền giữa 2 ấp là ấp 4 bên xã Hoà Hiệp và ấp Hội Phước bên xã Xuân Hiệp nên khi nước lớn, nước sông Măng Thít đổ vào rạch Ông Nam và Ông Cờ bên ấp 4 của xã Hoà Hiệp, cùng lúc đổ vào Mương Khai bên xã Xuân Hiệp và xã Tân An Luông. Đến khi nước ròng thì nước từ 2 con rạch Ông Nam và Ông Cờ đổ ra dòng Măng Thít rất mạnh, cùng lúc với nước đổ ra từ vàm Mương Khai, tạo nên một vùng nước xoáy rất mạnh vào bờ đất, rất nguy hiểm cho ghe thuyền qua lại, nhất là những chuyến đò ngang đưa khách qua lại hai bên bờ sông. Đến thời Pháp thuộc, chính quyền thuộc địa đã đưa xuống vùng nước xoáy này 2 chiếc phà lớn bằng gỗ để đưa khách qua lại cho đỡ nguy hiểm, từ đó người ta gọi bến đò này là Bắc Nước Xoáy. Từ vàm Măng Thít chảy qua xã Chánh An khoảng 5 cây số, sông Măng Thít gặp rạch Cái Nhum, một trong những con rạch rất quan trọng đối với cư dân tại đây, vì rạch Cái Nhum là huyết mạch giao thông đường thủy nối liền các xã Chánh Hội, Nhơn Phú, Mỹ An, Hoà Tịnh, và Bình Phước. Điểm đặc biệt của rạch Cái Nhum là nó có tới 2 vàm rạch: Vàm thứ nhất ăn thông với sông Măng Thít tại cầu số 9 trong chợ Cái Nhum. Vàm thứ hai ăn thông ra sông Cổ Chiên tại xã Mỹ An. Chính vì vậy mà người ta có thể đi từ Cái Nhum lên Vĩnh Long bằng con rạch này rất dễ dàng. Hai bên bờ rạch Cái Nhum dân cư đông đúc, khoảng giữa rạch ở vùng an Nhơn Phú, có một ngã ba sông là nơi rất đông dân cư và trù phú, đó là Ngã Ba Bà Nữ. Ngã ba sông này hiện giờ là nơi giao tiếp của các ấp Phú Thạnh A, Phú Thạnh B, và Phú Thạnh C, thuộc xã Nhơn Phú, huyện Măng Thít. Từ ngã ba này, một nhánh theo sông Cái Mới chảy ra Nhơn Phú rồi chảy vào rạch Cái Nhum. Một nhánh khác chảy xuống kinh Chủ Hạnh, Cầu Bò, chảy qua rạch Cây Sộp, rồi chảy vào xã Chánh Hội. Giữa hai xã Bình Phước và Chánh Hội vẫn còn một giồng đất cao, chạy từ mé sông Cầu Bò đến hương lộ giáp ranh giữa hai xã Bình Phước và Chánh Hội. Gò đất này có chiều dài trên một cây số và rộng khoảng vài chục thước và cao hơn mặt đất bình thường từ 5 tấc đến một thước tây. Đây là chứng tích của hiện tượng lấn biển từ hàng chục thế kỷ về trước. Trước năm

1975, nơi đây rất âm u rậm rạp với những bụi cây Trâm bầu, bướm gái, chòi mòi, và cỏ nôm, vân vân. Tuy nhiên, sau năm 1975, do nhu cầu canh tác, người ta đã cho san bằng khu giồng để lấy đất làm ruộng và làm rẫy. Hiện nay vùng đất này đã trở lại bình thường, nhưng địa danh Giồng Dài vẫn là tên của một ấp trong xã Bình Phước.

Dòng Măng Thít chảy đến Trà Luộc gặp sông Trà Ngoa. Trà Ngoa là một trong những con sông thiên nhiên lớn trong vùng, có chiều dài khoảng 20 cây số, rộng khoảng 40 mét và sâu khoảng 5 mét. Sông chảy về phía đông nam từ Mỹ Phú, nằm trên dòng Măng Thít khoảng 500 mét, tới chợ Trà Ngoa, thuộc xã Trà Côn, rồi rẽ ra làm nhiều nhánh chảy tới các vùng Tầm Vu, Mỹ An, Nhơn Bình, Vàm Vòng, Cầu Bò (Thới Hoà), Thầy Phó (Hựu Thành), rồi chảy xuống vùng Thạnh Phú, thuộc quận Cầu Kè. Sông tuy có chiều dài, nhưng nhiều chỗ sâu cạn không đồng đều, nên việc giao thông bằng đường thủy trên sông không mấy thuận tiện. Tuy nhiên, nhờ dòng sông này mà nước được mang từ dòng Măng Thít vào tưới tẩm cho cả một khu đồng ruộng bao la tại đây. Năm 1977, chính quyền địa phương cho nạo vét khúc sông từ Trà Ngoa xuống vùng Hậu Hiếu và Tân An thuộc huyện Càng Long, nhưng khúc sông từ Thới Hoà xuống Tân An vẫn còn cạn. Sau lần nạo vét năm 1977, nước các sông Tiền và Hậu Giang đã vào được đến tận những vùng sâu trong các huyện Vũng Liêm, Trà Ôn, Càng Long và Cầu Kè, nhờ đó mà cư dân hai bên bờ đã lên lập lập vườn cam, quýt và bưởi rất xanh tốt. Nói gì thì nói, mặc dầu được bao bọc bởi rất nhiều sông kinh rạch và đất đai rất phì nhiêu màu mỡ, nhưng đa phần nông dân vẫn là những người nghèo từ muôn thuở và bây giờ vẫn còn rất nghèo, không chừng còn nghèo hơn đời cha ông họ rất nhiều nữa là khác, có lẽ vì hoàn cảnh đa số những người trẻ đều bỏ quê ra thành làm công nhân, bỏ lại những người lớn tuổi không có khả năng canh tác nên có quá nhiều đồng ruộng bị bỏ hoang hay chỉ canh tác cầm chừng lấy lệ mà thôi.



Hình 1: Di tích Cửa Hữu thành Vĩnh Long

(Mãi cho tới ngày hôm nay vẫn chưa có tài liệu nào ghi lại về một cái thành mang tên Long Hồ mất đầu Dinh Long Hồ đã có từ năm 1732 đến năm 1779. Tuy nhiên, theo Quốc Sử Quán Triều Nguyễn và Gia Định Thành Thông Chí của Trịnh Hoài Đức, vào năm 1813, vua Gia Long sai quan Lưu Thủ Trấn Vĩnh Thanh là Lưu Phước Tường xây thành cho trấn Vĩnh Thanh. Ngôi thành này vẫn còn rất vững chắc và kiên cố cho đến khi Trần Vĩnh Long được đổi ra làm tỉnh Vĩnh Long vào năm 1832. Đến năm 1867, sau khi người Pháp chiếm thành Vĩnh Long lần thứ 2, họ đã cho triệt hạ ngôi thành này, đến khoảng năm 1877, di tích duy nhất còn lại là pháo đài Cửa Hữu như chúng ta thấy ngày nay).



Hình 2



Hình 2 & 3: Cầu Mới năm 1966.



Hình 4: Chợ Cái Nhum 2015.



Hình 5: Chợ Ba Kè 2018.



Hình 6: Chợ Nông Sản Cái Ngang 2018.



Hình 7: Chợ Nhà Đài 2018.



Hình 8



Hình 8 & 9: Đường vào Chợ Trà Ôn & Dưới mé sông Chợ Trà Ôn 2019.



Hình 10: Chợ Tam Bình 2019.



Hình 11: Chợ Vũng Liêm 2019.



Hình 12: Tượng đài 2 vị Lãnh Binh Lê Cần & Nguyễn Giao (giết chết tên chủ tỉnh đầu tiên tại Vĩnh Long là Salicetti vào năm 1867) tại ngã ba Vũng Liêm, hình chụp 2019.



Hình 13: Chợ Giồng Ké (xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm) 2019.

XV

Đường hàng tỉnh đi từ Vĩnh Long đến Chợ Lách dài trên 19 cây số nhưng phải qua phà Đình Khao. Từ thị xã Vĩnh Long đi qua cầu Thiềng Đức, đi thẳng khoảng gần 2 cây số nữa là tới phà Đình Khao. Tại đây có bến phà, mỗi lần có thể đưa khoảng 100 hành khách và chừng 5 hoặc 6 chiếc xe đồ qua bên kia bờ. Trên đường đi về Chợ Lách, hai bên đường là những vườn cây ăn trái xanh tươi, cho đủ loại trái cây quanh năm, mùa nào thức nấy, từ cam, xoài, quýt, ổi, mận, mít, đến chôm chôm, sầu riêng, vãn vãn. Chợ Lách nằm trọn trong cù lao Minh, đất đai màu mỡ do phù sa của hai con sông Cổ Chiên và Hàm Luông bồi đắp. Vì nằm trọn trong cù lao nên phương tiện giao thông hoàn toàn tùy thuộc vào sông rạch. Chính vì thế mà sau khi chiếm trọn miền Nam, người Pháp cho làm một con đường chạy từ đầu cù lao Minh xuống tận Thạnh Phú, chạy qua các vùng Chợ Lách, Mỏ Cày, và Đôn Nhơn. Từ năm 1955 đến năm 1963, xe đồ đi từ Vĩnh Long qua Chợ Lách, và ra biển Thạnh Phú vẫn còn chạy trên con đường này. Đến sau năm 1963, chiến tranh ngày càng khốc liệt hơn, con đường này bị đào bới và đặt mìn mỗi ngày, nên dân chúng trên cù lao Minh chỉ có thể đi chuyển bằng đường thủy mà thôi. Sau chiến tranh, ngày nay con đường này vẫn còn sử dụng trong giao thông đường bộ được.

Ngày trước cụ Trương Vĩnh Ký đã từng đem một số trái cây từ Mã Lai về trồng tại Chợ Lách như chôm chôm, sầu riêng, măng cụt, li cu ma, sa bô chê, vãn vãn. Bây giờ những thứ này đã trở thành đặc sản, chẳng những nổi tiếng của Chợ Lách, Vĩnh Long, mà còn nổi tiếng cho cả miền Nam. hàng năm cứ vào khoảng sau Tết âm lịch, nếu chúng ta đi từ bên kia phà Đình Khao tới Chợ Lách, chúng ta sẽ vô cùng thích thú trước hàng đồng hàng đồng trái cây được chất đầy trong các chợ dọc theo đường mà chúng đi qua như Phú Phụng, Vĩnh Bình, Sơn Định... Riêng tại Vĩnh bình có nhà của thầy giáo Bảo, một vị thầy kỳ cựu nhất của tỉnh Vĩnh Long mà nhiều thế hệ thanh niên học sinh đều là học trò của thầy. Trải qua biết bao cuộc chiến tranh máu lửa, Mỏ Cày và Thạnh Phú bị tàn phá khá nhiều, nhưng các vùng Chợ Lách và Cái Mơn ít bị tàn phá hơn. Đa số dân chúng trên cù lao Minh theo đạo Thiên Chúa, vì cù lao Minh nằm khuất bên trong xa tỉnh thành, nên thời trước các giáo sĩ Thiên Chúa thường hay lánh nạn về đây để rao giảng giáo lý Thiên Chúa. Dân Chợ Lách, nhứt là các bô lão thường hay nhắc đến hai vị Thánh tử vì đạo, đó là cha Lựu và cha Minh. Nói chung, từ sau ngày vua Thiệu Trị ban hành chiếu chỉ cấm đạo gắt gao, các giáo sĩ từ các vùng Bắc và Trung Kỳ đã có cụm về cù lao Minh để ẩn náo và giảng đạo, vì thế mà rất nhiều dân chúng ở đây theo đạo Thiên Chúa, nhất là các vùng Chợ Lách, Cái Mơn, Mỏ Cày, Phong Phú, Cái Nhum Rau Má, Mai Phốp, Cầu Ngang, Vĩnh Kim, Bằng Đa, vãn vãn. Từ những ngày xa xưa, Chợ Lách nổi tiếng sung túc và dân chúng ở đây ai ai cũng đều khá giả, nhưng bây giờ thì Chợ Lách cũng như bao nhiêu nơi khác trên khắp các miền đất nước, chỉ có dân buôn bán là tương đối dễ thở, còn công nhân và nông dân vẫn còn quá nghèo và đời sống của họ có lẽ cơ cực hơn bao giờ hết.

Đối diện với Cầu Tàu Vĩnh Long phía bên kia sông Tiền là cù lao An Thành, nổi dài xuống phía Đông Nam là vùng Bình Hoà Phước và Chợ Lách. Trước năm 1975, cù lao An Thành trực thuộc quận Châu Thành, nhưng sau năm 1975, chính quyền mới thành lập huyện Lồng Hồ và cù lao An Thành trực thuộc huyện này. Ngày nay, trong địa phận tỉnh Vĩnh Long, cù lao An Thành gồm 4 xã: Đồng Phú, Hoà Ninh, An Bình, và Bình Hoà Phước. Có thể nói đất đai vùng cù lao An thành màu mỡ nhất so với các vùng khác trong tỉnh Vĩnh Long. Về vị trí của cù lao An thành, phía Tây Bắc giáp với sông Tiền, phía Đông Bắc giáp với cù lao Tân Phong, phía Tây Nam và phía Nam giáp với sông Cổ Chiên, đối diện với thành phố Vĩnh Long. Ngoài 2 nhánh sông lớn bao bọc 3 phía, Cù lao An thành còn có rất nhiều kinh rạch, trong đó rạch Dinh là một trong

những con rạch thiên nhiên lâu đời nhất trên cù lao này. Rạch Dinh chảy từ chợ Cái Muối trong ấp Phú An 1, xã Bình Hoà Phước lên ấp Hoà Phú thuộc xã Hoà Ninh. Tuy nhiên, sau khi người Pháp cho đào kinh Mương Lộ, người ta chỉ còn gọi rạch Dinh từ khoảng chợ Cái Muối tới kinh Mương Lộ, dài chỉ khoảng chừng 2 cây số, còn đoạn rạch Dinh từ kinh Mương Lộ, nơi giáp nước giữa 2 xã Đồng Phú và Bình Hoà Phước, chảy về hướng Tây Bắc thì người ta gọi nó là rạch Đầu Đất. Bên cạnh rạch Dinh, kinh Mương Lộ là một thủy lộ rất quan trọng vì nó cắt ngang cù lao An Thành theo hướng Đông Bắc-Tây Nam. Kinh Mương Lộ được người Pháp khởi công đào vào năm 1911, một thủy lộ quan trọng nối liền sông Tiền với sông Cổ Chiên, chảy qua 2 xã Đồng Phú và Hoà Ninh. Cù lao An thành vốn là một trong những thắng cảnh của vùng đất Vĩnh Long với đồng ruộng bao la bạt ngàn, sông rạch hữu tình, vườn cây trĩu trái. Vừa đặt chân lên đất An Thành là thoáng thoáng khắp nơi mùi hương cam hương bưởi hay hương nhãn thật ngọt ngào. Những bài thơ khuyết danh không biết ai đó đã làm từ hồi nào, nhưng mãi cho tới ngày nay bài thơ này vẫn còn đọng đầy nghĩa tình của con dân xứ Vĩnh:

“Khách về nhớ mãi trong lòng,
Cù lao nhỏ nhỏ bên dòng Tiền Giang.
Bình Lương gió lộng về chiều,
Bến dò Tân Tạo có nhiều khách sang.
Đò dọc rồi lại đò ngang,
Đò qua chợ Vĩnh, đò sang An Bình.
Bình Lương là chốn náo nức,
An Bình là chỗ tình thương đậm đà.”

Về phía Đông-Đông Bắc của cù lao An Thành, bên kia sông Tiền nếu không có cù lao Tân Phong thì vùng sông nước này sẽ trở thành một thứ biển hồ vì nó quá rộng. Từ vài ngàn năm về trước, do sự đổi dòng nước chảy của sông Tiền, từ hướng Đông Bắc, lên đến đỉnh của cù lao An thành, nó lại đột ngột chuyển dòng và chảy thẳng xuống hướng Đông Nam nên sức chảy về hướng Đông rất yếu, từ đó phù sa tích tụ giữa dòng từ phía Cái Bè đến vài cây số về phía Nam, tạo nên một cù lao rộng lớn. Dưới thời Pháp thuộc và thời VNCH, cù lao Tân Phong trực thuộc quận Chợ Lách, tỉnh Vĩnh Long, nhưng ngày nay huyện Chợ Lách đã trực thuộc tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, thiết tưởng ở đây chúng ta cũng nên nói một chút về cái đặc biệt của cù lao này. Như trên đã nói, cù lao Tân Phong được thành lập do sự đột ngột đổi dòng của sông Tiền, nên phù sa tích tụ lại tạo thành một. Cái cồn cát thật lớn, nằm giữa dòng sông, dài khoảng 3 cây số, rộng chừng 1,5 cây số. Điểm đặc biệt của cù lao này là ổ gạo, từ xưa đến nay, đầu người dân ở đây mỗi năm mỗi bắt, nhưng số lượng ổ gạo tại đây ngày càng tăng chứ không thấy giảm. Cứ mỗi năm từ tháng 3 đến tháng 6, người dân Tân Phong đổ xô ra bãi để bắt ổ gạo, nhất là về ban đêm. Sau đó, họ đem đặc sản này quả Vĩnh Long, Cái Bè hay Mỹ Tho để tiêu thụ. Người dân ở đây bắt ổ gạo cũng có phương pháp dây chuyền hẳn hoi. Tốp lặn xuống đây ổ đa số là đàn ông thanh niên, nhóm này chỉ lặn và đẩy lấy lớp cát dưới lòng sông mà thôi; sau đó họ trôi lên và giao cái giỏ cát ấy lại cho tốp trên thuyền, đa số là đàn bà phụ nữ. Nhóm phụ nữ này đẩy lại lần nữa để chỉ bắt ổ mà thôi. Khi ổ gạo vào mùa, chỉ cần trông thấy cảnh người dân Tân Phong bắt ổ gạo mới biết được cuộc sống an lành của người dân cù lao, dầu cực khổ thế mấy ai cũng đều với cùng một vẻ mặt là hớn hờ và vui vẻ.

Như trên đã nói, sau năm 1975, chính quyền mới tách một số xã của các quận Tam Bình và Châu Thành ra để thành lập huyện Long Hồ. Về vị trí, huyện Long Hồ nằm ở cửa ngõ phía của Bắc tỉnh Vĩnh Long; về phía Đông giáp huyện Mang Thít và huyện Chợ Lách (ngày nay thuộc Bến Tre); về phía Tây giáp thành phố Vĩnh Long; phía Nam giáp huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp; về phía Bắc giáp huyện Cái Bè thuộc tỉnh Tiền Giang. Về lãnh thổ, huyện Long Hồ gồm một thị trấn Long Hồ và 14 xã: An Bình, Bình Hoà Phước, Đồng Phú, Hoà Ninh, Hoà Phú, Lộc Hoà, Long An, Long Phước, Phú Đức, Phước Hậu, Tân Hạnh, Thanh Đức, Thạnh Quới, và Phú Quới. Trong địa phận huyện Long Hồ có khu công nghiệp Hoà Phú rộng trên 130 mẫu đất, nằm

trong xã Hoà Phú. Nói là khu công nghiệp, kỳ thật đây không phải là khu sản xuất công nghiệp mà đa phần là những xí nghiệp gia công nhiều loại sản phẩm cho các công ty nước ngoài, mướn người Việt Nam, nhất là giới trẻ làm công nhân cho họ. Còn thì thể mạnh của những vùng đất trực thuộc huyện Long Hồ ngày nay là nông nghiệp, cây trồng chính là cây lúa nước và các loại hoa màu phụ như khoai, bắp, bí đỏ, bí đao, vân vân. Hiện nay, tại một số nơi trong huyện, người ta bắt đầu nuôi thêm các loại cá trong các ruộng lúa, các ao hồ, hoặc mương vườn.



Hình 1: Chùa Minh Hương năm 1920.



Hình 2: Một khu chợ Vĩnh Long 1950.



Hình 3: Garage Nguyễn Thành Điểm 1925.



Hình 4: Phố Chợ Vĩnh Long 1966.



Hình 5: Đoàn ca Tài Tử tại Cù lao An Thành 2018.



Hình 6: Căn nhà được xây cất toàn bằng cây dừa (An Thành) 2018.



Hình 7: Chợ Lách 2019.



Hình 8: Chợ Bình Minh 2011.



Hình 9: Dinh Quận Bình Minh 1965.

XVI

Từ ngã ba Cần Thơ đi theo quốc lộ 4 (nay là 1A), sau khi qua khỏi Bà Lang và Ba Càng, đi chừng 36 cây số chúng ta sẽ đến quận Bình Minh (Cái Vồn). Quận này đến nay vẫn còn sung túc nhờ ruộng vườn xanh tốt quanh năm cả cũng nhờ sinh hoạt nhộn nhịp của Bến Phà Hậu Giang, vì Cần Thơ là Tây đô của miền Tây, và lại trước khi có cầu Cần Thơ, muốn đi từ Sài Gòn về Cần Thơ thì phải qua Bắc Bình Minh nên sinh hoạt ở đây luôn nhộn nhịp, và bến phà này chỉ chấm dứt hoạt động khi cầu Cần Thơ khánh thành vào năm 2010. Bây giờ xin nói một chút chuyện xưa về các bến bắc. Tưởng cũng nên nhắc lại, phía bên Tiền Giang thì Bắc Cái Bè được người Phasap xây dựng từ lúc họ mới chiếm Vĩnh Long lần thứ nhất vào năm 1861, đến năm 1862, khi họ trao trả Vĩnh Long lại cho triều đình Huế thì ngưng hoạt động cho mãi đến cuối năm 1867 thì bắc Cái Bè mới tái hoạt động trở lại. Ban đầu bắc Cái Bè chỉ nhằm phục vụ cho việc chuyển quân lương cho quân đội Pháp. Sau đó họ mới cho dân sử dụng. Đến năm 1910, bắc Cái Bè đã được dời về Mỹ Thuận. Trong khi đó, bên phía Hậu Giang, trước năm 1914, tại Bình Minh chỉ có bến đò Cái Vồn đi Cần Thơ. Bến đò ngang này chỉ đưa người qua lại sông Hậu chứ không chở xe cộ. Đến khoảng đầu năm 1914, người Pháp bắt đầu đem những chiếc bắc 1, không có mui và chỉ chở được một vài chiếc xe nhỏ mà thôi. Mãi đến năm 1918, họ mới đưa thêm một số bắc 4, có mui, dầu trọng tải chỉ vài tấn, nhưng chở được nhiều xe hơn. Đến năm 1929 thì số lượng phà chở hành

khách và xe cộ của bắc Bình Minh được xem như gần bằng số lượng của phà Mỹ Thuận. Đến thời VNCH, khoảng năm 1957, chính phủ đặt mua thêm bên Đan Mạch và Hoà Lan những chiếc bắc 10, có trọng tải lên tới hàng trăm tấn. Từ đó, sinh hoạt của các Bình Minh trở nên rất nhộn nhịp, vì lúc đó đây là con đường huyết mạch đi từ Sài Á Gòn về các tỉnh miền Tây. Đến khoảng năm 1990, chính phủ Đan Mạch viện trợ thêm cho Bắc Bình Minh một số bắc có trọng tải 200 tấn.

Dưới thời Pháp thuộc, quận Bình Minh có tên là Cái Vồn, nằm dọc theo bờ sông Hậu với thật nhiều sông kinh rạch như rạch Trà Quơn, sông Cái Vồn, kinh Hộ Trự, kinh Xã Khánh, kinh Tổng Ngươn, kinh Mười Thới, kinh Đông Lợi, kinh Chú Cảnh, kinh Cái Vồn, kinh Tư Tãi, kinh Mới Mỹ Thuận, và kinh Phó Chất. Đặc biệt nhất là sông Cái Vồn, dài trên 4 cây số, rộng khoảng 75 mét, sâu khoảng 10 mét, chảy từ Hậu Giang vào đến ngã ba sông Mỹ Thuận và kinh Chà Và. Từ vàm Cái Vồn trên sông Hậu, sông có hình thể uốn khúc, phình ra thắt lại ở nhiều chỗ. Bên bờ phía Tây Bắc là thị trấn Cái Vồn, bờ phía Nam là các xã Mỹ Hoà (giáp với sông Hậu), Đông Bình, Đông Thành, và Đông Thạnh. Đoạn giữa sông từ Hậu Giang vào khoảng 3,5 cây số, có ngã tư, một nhánh chảy về phía Bắc, trở thành rạch Cái Vồn, chảy lên các vùng Thuận Tiến và Mỹ Thạnh. Đây là con đường thủy chính từ sông Hậu đến Cái Vồn, qua đến Tân Sa Đéc. Ngoài ra, quận Bình Minh còn một con sông khác cũng không kém phần quan trọng như sông Cái Vồn, đó là sông Tầm Vu. Sông Tầm Vu không dài lắm, chỉ khoảng độ 8 cây số, nhưng nó rất quan trọng vì nó nối liền sông Mỹ Thuận với các xã Thành Trung, Tân Thành, rồi chảy qua Sa Đéc tại vùng ngã năm Cây Mít. Sông có bề rộng khoảng 50 mét và sâu từ 4 đến 5 mét. Riêng đoạn từ cống số 9 đến ngã năm Cây Mít có hình thể rất thẳng, nên có người cho rằng đây là con kinh đào, nhưng đây đích thị là con sông tự nhiên, được nạo vét vào năm 1930. Trong quận Bình Minh còn có một con kinh rất quan trọng, đó là kinh Giáo Mạo, chảy từ kinh Chà Và đến xã Ngã Tư thuộc huyện Tam Bình. Tại ấp Thạnh An thuộc xã Đông Thạnh, huyện Bình Minh còn có một vùng đầm lầy, rộng trên 10 mẫu Tây, đó là bưng Đồng Đế. Sở dĩ có tên Bưng Đồng Đế vì đây là một vùng sinh lầy, mọc toàn là đề và lác, lúc nào cũng ngập nước rất sâu. Ngày nay, người ta đã lấy đất ở những chỗ cao san bằng vùng trũng này, nhưng dân địa phương vẫn gọi chỗ này là Bưng Đồng Đế. Sau năm 1975, sau khi tách một số xã của huyện Bình Minh ra để thành lập huyện Bình Tân thì huyện Bình Minh bị thu nhỏ lại. Về vị trí phía Bắc và phía Đông giáp huyện Bình Tân, phía Nam giáp huyện Trà Ôn, và phía Tây giáp thành phố Cần Thơ. Ngày nay thị xã Bình Minh gồm 3 phường: Cái Vồn, Đông Thuận và Thành Phước; cùng với 5 xã: Đông Bình, Đông Thành, Đông Thạnh, Mỹ Hoà và Thuận An.



Hình 1: Cầu Cần Thơ, hình 2018.



Hình 2: Mặc dầu đã có cầu Cần Thơ, nhưng những chiếc phà vẫn còn hoạt động giới hạn, hình 2017.



Hình 3 .



Hình 3 & 4: Thị trấn Tân Quới, quận Bình Tân.



Hình 5: Ruộng khoai lang Tân Lược, hình 2019.



Hình 6: Ruộng khoai lang Tân Lược, hình 2019.



Hình 7: Ruộng thanh long Tân Lược, hình 2019.



Hình 8: Chợ Quới Thiện, 2018.



Hình 9: Chợ Phú Quới (Bà Lang), 2019.



Hình 10: Chợ Bình Hoà Phước, huyện Long Hồ, 2018.

XVII

Quốc lộ 4 (nay là 1A) khi đến gần cầu bắc Cái Vồn thì có 3 ngã rẽ, ngã thứ nhất đi thẳng xuống bên bắc, ngã thứ nhì rẽ trái để đi vào chợ thị xã Cái Vồn, ngã rẽ thứ ba là rẽ phải đi dọc theo bờ sông Hậu để đi đến những vùng Tân Quới, Tân Lược... và qua tận xã Tân Hoà Bình của quận Lấp Vò thuộc tỉnh Sa Đéc. Tân Quới và Tân Lược ngày nay thuộc huyện Bình Tân, đây là những cánh đồng bao la bạt ngàn. Dân ở đây ngoài vụ lúa mùa, họ còn trồng rất nhiều khoai lang để chở về Sài Gòn bán. Khoai lang ở đây rất ngon và rất nổi tiếng. Ngoài ra, Tân Quới và Tân

Lược còn là những vùng nuôi gà nòi có tiếng không thua gì vùng Cao Lãnh của phía Đồng Tháp ngày nay. Tháng 7 năm 2007, chính quyền mới cho tách ra 11 xã với 81 ấp của huyện Bình Minh trước đây như Mỹ Thuận, Thành Lợi, Đông Thành, Thành Trung, Tân Quới (đô thị loại V), Tân Lược, Tân Bình, Tân Thành, Tân Hưng, Nguyễn Văn Thành, và Tân An Thạnh để thành lập huyện Bình Tân. Về vị trí địa lý của huyện mới Bình Tân, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp (vùng Sa Đéc), phía Tây giáp sông Hậu đối diện với thành phố Cần Thơ bên kia sông Hậu, phía Nam giáp thị xã Bình Minh, và phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp (vùng Lai Vung của Sa Đéc ngày trước). Coi như toàn bộ đất đai của huyện Bình Tân là các xã phía Bắc của huyện Bình Minh trước đây, với những cánh đồng trũng thấp chịu ảnh hưởng của mùa lũ hàng năm. Mỗi năm kể đến tháng 8 khi lũ bắt đầu kéo về thì các vùng này là những vùng bị ngập đầu tiên của tỉnh Vĩnh Long, nhất vào vào khoảng từ tháng 9 đến tháng 10, có năm kéo dài đến tháng 11. Nhờ đất đai bằng phẳng và hệ thống kinh đào chằng chịt từ thời Pháp thuộc nên ngày nay đất đai của vùng Bình Tân cũng tương đối khá màu mỡ. Sau mỗi mùa lúa vào khoảng cuối tháng 12, người dân trong vùng liền vỡ đất trồng ngay hoa màu phụ, nổi tiếng nhất là khoai lang, bắp, đậu, bí rợ, bí đao, mè, dưa hấu, vãn vãn.

Trong những cánh đồng ửng nước từ Tân Lược chạy dài đến Tân Phú bên Sa Đéc là nơi trú ngụ của vô số cá tôm, mùa nước nổi thì cá tôm từ hai nhánh sông Tiền Giang và Hậu Giang theo con nước lớn mà đi vào tận những cánh đồng trong sâu, đến khi nước rút thì chúng rút về các đìa, dân địa phương chỉ việc đợi cho nước rút thật cạn là họ bắt đầu tát đìa bắt cá. Cá ở đây tuy không nhiều như các vùng Châu Đốc, Long Xuyên hay Đồng Tháp, nhưng cũng nhiều đến độ ăn không hết, họ phải phơi khô hay làm mắm để dành ăn quanh năm. Dân vùng này thường có cụm về các chợ Tân Quới và Tân Lược để buôn bán và mua sắm, đa số theo đạo Phật hay Phật giáo Hoà Hảo, tánh tình rất thuần lương, hiền hậu và chơn chất.

Từ chợ Vĩnh Long đi theo liên tỉnh lộ Vĩnh Long-Trà Vinh khoảng chừng 9 cây số người ta sẽ gặp Ngã Tư An Đức, mà bây giờ được gọi là chợ huyện Long Hồ, nơi đây là điểm giao tiếp giữa sông Long Hồ và con rạch chảy từ Ba Càng và Cái Ngang qua. Chợ nằm ngay trên ngã tư sông và rất gần với liên tỉnh lộ Vĩnh Long-Trà Vinh, rất thuận tiện cho việc giao thông vận chuyển về cả hai mặt đường thủy và đường bộ. Theo lời các bô lão ở đây kể lại thì vào khoảng đầu thế kỷ thứ XX, khi phong trào Cần Vương và Văn Thân ở miền Trung thất bại, nhiều người từ các tỉnh Bình Trị Thiên đã chạy vào đây lập nghiệp. Ngày đó, chợ Ngã Tư An Đức có hai dãy phố lầu rất khang trang, nhà lồng chợ rất rộng rãi, buôn bán hết sức tấp nập. Khu Ngã Tư Long Hồ có nhà máy xay lúa, nhà máy cưa, trại đóng ghe, trại chăm lá... nằm dọc theo hai bên bờ sông Long Hồ. Tuy nhiên, sau đệ nhị thế chiến, khi quân Pháp tái chiếm Việt Nam thì chợ Ngã Tư Long Hồ bị chiến tranh phá hủy hoàn toàn, không còn dấu vết gì chứng tỏ nơi đó đã từng là một khu thị tứ sầm uất nữa. Sau chiến tranh, dân chúng lại có cụm về đây xây dựng lại ngôi chợ Ngã Tư mà chúng ta thấy ngày nay, cũng sầm uất náo nhiệt và buôn bán sung túc, nhưng trong lòng những người cố cựu ở đây không khỏi ngậm ngùi mỗi khi chạnh lòng nhớ lại hình xưa bóng cũ. Đi xa thêm khoảng 15 hay 16 cây số nữa về phía Nam trên liên tỉnh lộ số 7, ngày nay là quốc lộ 53, chúng ta sẽ gặp một khu thị tứ cũng náo nhiệt, có lẽ còn náo nhiệt hơn chợ Ngã Tư Long Hồ nữa, đó là chợ Long Hiệp. Chợ này có nhà lồng chợ rất lớn và dân chúng ở đây nhóm chợ suốt ngày. Chợ nhóm sáng, nhóm trưa, chiều và ngay cả buổi tối mà sinh hoạt ở đây cũng náo nhiệt như ban ngày. Từ ngã ba Long Hiệp, nếu rẽ phải và đi chừng 6 cây số trên hương lộ đi Tam Bình, ngày nay là tỉnh lộ 904, chúng ta sẽ gặp cầu Ba Kè, ngày trước là bắc kéo dây, và chợ Ba Kè cũng nằm cách cầu không xa. Thời chiến tranh, đất đai vùng này bị bỏ hoang nên nước phèn trào lên và ruộng rẫy thời đó không tốt cho mấy, nhưng sau này thì dân chúng hồi cư trở về chăm sóc lại ruộng đồng, nên hiện tại vùng này lúa cũng làm được hai mùa và thu hoạch cũng rất khả quan (thâu hoạch khoảng từ 20 đến 30 gạ một công), nhưng hình như tiền thuế đóng cho nhà nước và tiền phân phối cũng chiếm gần hai phần ba số thu hoạch, nên nông dân ở đây cũng nghèo lại hoàn nghèo.

Từ Ba Kè đi thêm khoảng 10 cây số nữa về hướng sông Hậu, chúng ta sẽ gặp chợ quận Tam Bình. Quận này ở xa tỉnh lỵ Vĩnh Long và nằm gần bờ sông Hậu Giang. Sau năm 1975, chính quyền mới cho đổi các quận ra làm huyện. Lúc đó huyện Tam Bình trực thuộc tỉnh Cửu Long. Đến ngày 26 tháng 12 năm 1991, tỉnh Cửu Long lại được tách ra làm 2 tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh, và huyện Tam Bình lại trực thuộc tỉnh Vĩnh Long. Về vị trí địa lý của huyện Tam Bình, phía Đông giáp 2 huyện Vũng Liêm và Măng Thít, phía Tây giáp huyện Bờm Tân và thị xã Bình Minh, phía Nam giáp huyện Trà Ôn và phía Bắc giáp huyện Long Hồ. Theo tập Bản Đồ Vĩnh Long năm 2004, huyện Tam Bình có thị trấn Tam Bình và 16 xã: Bình Ninh, Loan Mỹ, Ngải Tứ, Sông Phú, Phú Thịnh, Tân Lộc, Long Phú, Mỹ Thạnh Trung, Tường Lộc, Hoà Thạnh, Hoà Hiệp, Hoà Lộc, Mỹ Lộc, Phú Lộc, Hậu Lộc, và Tân Phú. Huyện Tam Bình có nhiều rạch ngòi và kinh xáng mát như rạch Bà Kè, rạch Cái Ngang, rạch Ba Càng, rạch Thủ Cù, rạch Cái Sơn, rạch Bằng Tăng, rạch Danh Tầm, rạch Ba Phố, rạch Sóc Tro, rạch An Hoà, rạch Xã Xi, rạch Phú Quới. Kinh thì có kinh Nicolai, kinh Bocquet, kinh Khru Văn Ba, kinh Cái Sơn, kinh Bình Phú, kinh Ông Vệ, kinh Sóc Tro, kinh Phó Chất, kinh Địa Thùng và kinh Chà Vả. Trong đó rạch Danh Tầm là một trong những thủy lộ rất quan trọng. Rạch Danh Tầm dài hơn 5 cây số, rộng khoảng 40 mét, và sâu khoảng 5 mét, bắt nguồn từ đầu kinh Ông Vệ, nằm trong xã Tân Lộc, chảy đến sông Cái Ngang bên xã Hậu Lộc. Xã Loan Mỹ, quận Tam Bình là nơi bắt nguồn của một con rạch khá rộng và khá dài, đó là rạch Sa Co. Rạch Sa Co bắt nguồn từ rạch Cà Ná trong xã Loan Mỹ, có bề rộng khoảng 20 mét, và sâu khoảng 4 mét, chảy khoảng 10 cây số qua xã Tường Lộc, giữa chợ Tam Bình và chợ cũ, đi vào địa phận ấp Tường Trí, xã Nhơn Bình của quận Trà Ôn, chảy song song với Xẻo Nhiên và kinh Đà Vách, nằm trong xã Hoà Bình thuộc quận Tam Bình, rồi tiếp tục chảy ngang qua Nghĩa Lộ thuộc xã Trà Côn, huyện Trà Ôn. Khi viên tỉnh trưởng Cần Thơ là Nicolas bắt đầu đào kinh xáng từ ngã ba Thầy Hạnh đến chợ cũ vào khoảng đầu thế kỷ thứ XX, rạch Sa Co bị cắt làm hai đoạn. Từ khi có kinh Nicolas, giao thông đường thủy từ trong các vùng nội địa tỉnh Vĩnh Long đến các vùng Hậu Giang được thuận lợi rất nhiều. Đến năm 1940, thực dân Pháp lại cho đào kinh Nhỏ, dài khoảng 3 cây số, từ vàm Trà Ngao (Trà Côn) qua Ấp Tường Trí bên xã Nhơn Bình, rạch Sa Co lại bị cắt ngang một đoạn nữa. Sau nhiều lần được nạo vét, ngày nay rạch Sa Co chảy thông với kinh Thầy Hạnh và kinh Nhỏ, mang nước tưới tẩm cho các ruộng đồng bao la cả vùng Loan Mỹ, Tường Lộc, Nhơn Bình và Trà Côn.

Tại chùa Ba Phố trong xã Loan Mỹ, hiện vẫn còn một. Cây sao đen có tuổi trên 700 năm. Cây cao khoảng 55 mét, tàng và nhánh có chu vi khoảng 700 mét, đường kính tại gốc hơn 2 mét. Đây là một trong những cây cổ thụ hiếm thấy trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và cần phải được bảo vệ bằng mọi cách như một di tích lịch sử thiên nhiên của Việt Nam. Vùng đất Tam Bình từ bao đời nay là một vùng đất trũng nước nên rất thích hợp cho các loại đưng, lác, và lục bình. Người dân ở đây cho biết, ngay từ thời cha ông họ đi mở cõi thì đây đã là một khu rậm rạp với trên bờ đưng lác mọc um tùm, còn dưới nước thì lục bình đầy sông. Ngày trước, trước khi vào mùa làm ruộng, người ta thường phác cỏ lác và bỏ đi, còn vớt lục bình lên để làm phân, chứ không biết làm gì khác. Ngày nay, để tận dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên, ngoài những lúc làm ruộng rẫy, người dân Tam Bình còn làm thêm nghề đan lác, đan thảm lục bình, vừa giúp được kinh tế gia đình, lại vừa không phí phạm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hiên. Đây là loại hình thủ công vừa tốt cho cảnh Quang, vừa tốt cho kinh tế mà cũng vừa tốt cho môi trường thiên nhiên nữa.



Hình 1: Chợ Loan Mỹ, huyện Tam Bình, hình 2019.



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 2-3-4-5: Tổ Đình Minh Đăng Quang tại Cái Ngang, huyện Tam Bình, từ ngoài cổng vào bên trong, hình 2019.



Hình 6: Hình các Phật tử chụp chung với Hoà Thượng Giác Giới tại Tổ Đình Minh Đăng Quang tại Cái Ngang, hình 2019.



Hình 7: Cây Sao trên 700 năm tại chùa Ba Phô, huyện Tam Bình, hình 2019.

***Cám ơn Anh bạn Nhanh Lê vừa cho biết cây sao 700 tuổi đã chết hồi năm 2021.



Hình 8: Cây Ngâu trên 300 năm tại chùa Ba Phố, Tam Bình, hình 2019.

XVIII

Trên dòng sông Hậu, giữa địa phận 2 huyện Bình Minh và Tam Bình đang nổi lên mộ cái cù lao mà dân chúng địa phương đặt tên cho nó là cù lao Bung. Đây là một cái cồn mới nổi, chưa có dân cư và chưa phát triển. Có lẽ vì vùng cồn mới nổi này hãy còn ngập nước và có nhiều đầm lầy, lại mọc nhiều lau sậy và cỏ lác giống như trong các bung biển nên người ta đặt tên cho nó như vậy. Có thể phải cần đến vài chục năm nữa thì vùng cù lao Bung này mới có dân cư khai phá và phát triển. Bên bờ rạch Sa Co người ta cất nhà cửa san sát nhau với những khu vườn cam, nhãn, quýt, mận, ổi, và xoài... sum suê tươi tốt. Bên cạnh lúa gạo, dân vùng Tam Bình còn trồng rất nhiều mía trên những vùng mà dân địa phương gọi là ruộng gò, vì trên những đám ruộng này việc canh tác lúa nước thì không ổn, nên tốt nhất là canh tác một thứ hoa màu phụ khác. Chính nhờ trồng nhiều mía, nên có thể nói Tam Bình là nơi sản xuất nhiều đường mía nhất trong tỉnh

Vĩnh Long. Nếu đi trên dòng kinh Măng Thít, gần đến Tam Bình chúng ta sẽ thấy hai bên bờ có rất nhiều lò đường mía, mà ngay cả đang ở trên ghe thuyền dưới sông vẫn có thể ngửi được mùi mía đường đang nấu. Nghe một số thân hữu trong vùng này kể lại nhất là trong giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1985, khi mà sự đi lại không được chính quyền mới cho phép, nên dân chúng Vĩnh Long không thể mua đường từ Hiệp Hoà và Quảng Ngãi được, nhờ vậy mà những lò đường mía trong xã Tường Trí, huyện Tam Bình lại bắt đầu phát lên.

Tại xã Mỹ Lộc có rạch Cái Lá, chảy từ sông Ba Càng (Song Phú), qua ấp 10 và ấp 9 của xã Mỹ Lộc, rồi chảy qua các xã Hậu Lộc, Hoà Lộc và Tường Lộc trước khi chảy ra sông Măng Thít. Ngoài ra, trong xã Mỹ Lộc còn có rạch Gổ, tiếp giáp với rạch Cái Lá, nơi tiếp giáp này là một khu rậm rạp mà cư dân địa phương gọi là “Hóc Bà Tùng” nằm trọn trong ấp 9 xã Mỹ Lộc, dài khoảng 4 cây số, rộng khoảng 25 mét, và sâu khoảng 4 mét, phần cuối ngọn giáp với xã Mỹ Thạnh Trung. Rạch Gổ vừa là giao thông đường thủy quan trọng cho cư dân trong xã Mỹ Lộc, mà nó còn đưa nước vào tưới tẩm đồng ruộng của toàn ấp 9 của xã Mỹ Lộc. Bên xã Mỹ Thạnh Trung có một dòng kinh quan trọng nối liền sông Cái Sơn Lớn (Song Phú) với các ấp Mỹ Trung 1, Mỹ Trung 2, ấp Cây Bàng và ấp Mỹ Thành, đó là kinh Địa Thùng. Kinh được đào từ thời lưu dân mới vào miền Nam khẩn hoang lập ấp, có lẽ từ đầu thế kỷ thứ XVIII, dài trên 3 cây số, rộng khoảng 5 mét, và sâu khoảng 4 mét. Sau năm 1975, dân địa phương đã nạo vét lại dòng kinh, hiện nay chiều rộng của nó hơn 10 mét, rất thuận tiện cho việc giao thông đường thủy từ Mỹ Thạnh Trung qua Ba Càng.

Trong chiến tranh, Tam Bình cũng đổ nát, nhưng bây giờ thì đã tái thiết tươm tất, tuy nhiên, dù đang sống trên một miền có nhiều rạch ngòi và đất đai phì nhiêu, nhưng cuộc sống của dân tình ở đây, nhất là nông dân cũng không được gọi là khá cho mấy. Chỉ những người buôn bán hay làm thương mại ở chợ mới có đời sống tương đối dễ chịu một chút, còn đa phần dân sống trong nông thôn vẫn còn nghèo nàn vất vả. Tại đây, những ai có đi làm thì trung bình mỗi năm có thể kiếm được từ 25 đến 30 triệu đồng tiền Việt Nam, khoảng 1.400 đô la Mỹ; còn những ai không đi làm thì không có lợi tức. Những người hơi lớn tuổi thì bảm lấy ruộng vườn nếu có để mà sống, còn những người không có ruộng vườn thì cuộc sống có phần vất vả hơn nhiều. Còn nói về nhân kiệt, thì làng Phú Hậu, huyện Tam Bình là nơi đã sản sinh ra Tôn Sư Minh Đăng Quang, vị Tổ sáng lập ra hệ phái Tăng Già Khất Sĩ Việt Nam, một hệ phái Phật giáo nổi tiếng về phạm hạnh tu tập và thuyết pháp giáo lý nhà Phật. Hiện tại hệ phái Phật giáo này rất nổi tiếng ở Việt Nam.

Hai quận Vũng Liêm và Trà Ôn cũng có nhiều kinh rạch không kém các vùng khác trong tỉnh. Riêng tại quận Vũng Liêm có một huyền thoại oai hùng về Vũng Linh hay địa danh mà bây giờ mình gọi là Vũng Liêm đó là cuộc kháng chiến oai hùng của hai ông Lê Cần và Nguyễn Giao đã giết chết tên chánh Tham Biện đầu tiên của Pháp tên là Alix Salicetti tại đây. Và tại Trà Ôn hãy còn di tích ngôi mã quan đàng cừu của quan Thống Chế Điều Bác Nguyễn văn Tồn. Từ Tam Bình, nếu đi dọc theo bờ sông Hậu Giang về phía Nam một khoảng chừng 10 cây số là chúng ta gặp quận Trà Ôn. Trà Ôn ngày xưa là tỉnh lỵ của tỉnh Tam Cần và có lúc Trà Ôn trực thuộc Cần Thơ, nên phổ xá ở đây lúc nào cũng sung túc. Trong thời chiến tranh, Trà Ôn trực thuộc tỉnh Trà Vinh, bây giờ Trà Ôn là huyện thuộc tỉnh Vĩnh Long. Trà Ôn nằm về phía Tây Nam của tỉnh Vĩnh Long, phía Bắc giáp huyện Tam Bình với dòng Măng Thít là ranh giới tự nhiên, phía Nam giáp huyện Cầu Kè của tỉnh Trà Vinh, phía Tây giáp với sông Hậu mà bên kia sông là địa phận của hai tỉnh Hậu Giang và Sóc Trăng, phía Đông giáp huyện Vũng Liêm. Trà Ôn cũng là đất của nhân kiệt, nơi đây đã sản sinh ra những tu sĩ Phật giáo nổi tiếng như ngài Thích Thiện Hoa và Thích Thanh Từ. Trà Ôn cũng chính là quê hương của cố nghệ sĩ cải lương lão thành Út Trà Ôn. Huyện Trà Ôn gồm thị trấn Trà Ôn và 13 xã: Hòa Bình, Hựu Thành (được xếp đô thị loại V), Lục Sĩ Thành, Nhơn Bình, Phú Thành, Tân Mỹ, Thiện Mỹ, Thới Hòa, Thuận Thới, Tích Thiện, Trà Côn, Vĩnh Xuân (đô thị loại V), và Xuân Hiệp. Ngày nay thị trấn Trà Ôn được chính quyền Cộng Sản xếp vào đô thị loại IV. Trong tương lai Trà Ôn sẽ được nâng lên thị xã và 2 xã Hựu Thành và

Vĩnh Xuân cũng sẽ được nâng lên làm thị trấn. Địa hình của toàn huyện Trà Ôn tương đối bằng phẳng, hơi cao về phía sông Hậu và sông Trà Ôn qua sông Măng Thít, rồi thấp dần về phía Đông Bắc, nhưng sự chênh lệch gần như không đáng kể. Cũng như những nơi khác trong tỉnh Vĩnh Long, nhờ là vùng sông nước nên dầu ở vùng nhiệt đới khí hậu Trà Ôn không oi bức như các vùng Sài Gòn, Gia Định hay Đồng Nai; nóng nhất vào khoảng tháng 4 với 36 độ C, và mát nhất vào khoảng tháng giêng với 28 độ C.



Hình 1: Chợ Tam Bình, 2019.



Hình 2: Tổ Đình Phước Hậu, Trà Ôn, 2019.

XIX

Ngoài con sông Mang Thít, Trà Ôn là một trong những quận có nhiều sông rạch nhất của tỉnh Vĩnh Long. Sông Mang Thít chảy từ vàm Mang Thít bên Cái Nhum, qua chợ Cái Nhum, Tân An Hội, Tân An Luông (Cầu Mới), Xuân Hiệp (Cái Cá), Tường Lộc, rồi cắt ngang sông Hòa Bình tại xã Nhơn Bình, cắt ngang sông Trà Ngao tại Mỹ Phú, rồi đổ ra sông Hậu tại vàm Trà Ôn. Từ vàm Trà Ôn đi về hướng hạ lưu sông Hậu chừng 3 cây số là rạch Bang Chang. Rạch nằm trong địa phận xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, chảy từ sông Hậu đến lộ 54. Tại khu vàm rạch, chiều rộng khoảng 30 mét và sâu khoảng 4 mét, nhưng càng đi vào nội địa rạch càng trở nên ngoằn ngoèo và nhỏ hẹp lại, nhưng cũng không khó giao thông, vì rạch vẫn sâu. Đây là một con rạch thiên nhiên, nhưng vào cuối thế kỷ thứ 19, có một ông bang người Hoa tên Trương văn Chiêng, đến vùng này

khai phá rừng để lấy củi. Ông đã cho nạo vét lại con rạch để thuận tiện cho việc đưa củi của ông ra sông Hậu. Từ đó về sau người ta đặt tên con rạch là rạch ‘Bang Chang’, gọi trại từ ‘Bang Chiêng’. Ở đây còn có ngôi chùa Bang Chang rất nổi tiếng, chùa còn có tên là chùa Phước Hậu. Chùa được ông Bang Chang xây cất vào đầu thế kỷ thứ XX; thoát tiên để cho bà vợ ông đến đây tịnh tu. Năm 1936, Hòa Thượng Khánh Anh, quê ở Quảng Ngãi vào đây cất lại ngôi chùa, rồi giao lại cho hai đệ tử là Hòa Thượng Thiện Hoa và Hòa Thượng Hoàn Tâm.

Tại xã Hòa Bình, giữa hai quận Trà Ôn và Vũng Liêm, có một vùng đầm lầy hoang vu, đó là vùng ‘Bưng Sầm’. Địa danh ‘Bưng Sầm’ đã có từ lâu đời, tương truyền khi đoàn quan quân của tướng Dương Ngạn Địch theo sông Cửa Tiểu đi vào khai phá vùng Đại Phố Mỹ Tho, đã có nhiều phụ nữ người Hoa mà người Việt Nam kêu là “sầm” theo chồng phiêu lưu vượt sông Cổ Chiên, rồi lần theo dòng Mang Thít, đến khai phá các vùng Nhơn Bình, Xuân Hiệp, Hòa Bình, Thới Hòa, Hựu Thành, và Bưng Trường... nên người ta đặt tên cho vùng này là “Bưng Sầm”. Vùng này đã nổi tiếng hoang vu với nhiều thú dữ kể từ thế kỷ thứ XVII, và cho mãi đến sau khi Pháp chiếm miền Nam, vùng ‘Bưng Sầm’ hãy còn là một hoang địa mênh mông, và mãi cho đến ngày nay, mặc dầu không còn hoang vu như trước đây nữa, nhưng vùng này vẫn còn rất nhiều cá tôm, rùa, rắn, cua đinh, còng đước, kỳ đà... Sông Hòa Bình là một trong những thủy lộ quan trọng trong vùng Cái Cá, Nhơn Bình, và Hòa Bình. Sông nối liền rạch Cái Cá với Hiệp Thuận, rồi chảy song song với sông Trà Ngao, xuống kinh Đập Danh và rạch Bưng Trường bên huyện Vũng Liêm. Về phía Nam sông Hòa Bình là sông Trà Ngao, chảy qua các vùng Mỹ Phú, Trà Ngao, Trà Sơn, rồi chảy song song với sông Hòa Bình, xuống kinh Đập Danh và rạch Bưng Trường (xã Hiếu Nghĩa) bên huyện Vũng Liêm. Về phía Nam của sông Trà Ngao là rạch rạch Trà Côn, chảy từ vàm Trà Côn (trên sông Mang Thít) đến Trà Côn, rồi gặp rạch Đập Đầu Trâu, hòa với rạch Trà Mòn bên sông Trà Ôn qua rồi chảy về hướng đông khoảng 2 cây số là tới ngọn Tầm Vu, ngọn rạch này trước kia được gọi là ngọn cùng. Rạch Trà Côn Rạch Đập Đầu Trâu còn có tên là rạch Đường Trâu Đi, vì theo các bộ lão trong vùng thì nó được thành hình từ con đường nước do trâu đi. Có người cho rằng, ngày trước người ta đắp đập giữ nước để bắt cá, nhưng bị trâu đi làm sạt lở mặt đập, nước tràn xuống chảy vào ruộng thành một con rạch nên gọi là rạch Đập Đầu Trâu. Con rạch này chảy từ rạch Trà Côn, tới đình Thuận Thới, nó chảy cong xuống phía Nam, gặp kinh Sài Gòn Mới, rồi nối với kinh Ba Cụt, chảy ngang qua quốc lộ 54. Ngoài sông Hòa Bình, xã Hòa Bình còn có nhiều kinh đào khác, trong đó kinh Đà Vách. Năm 1946, nhân dân trong vùng đã đào kinh Đà Vách, dài khoảng 1 cây số, rộng khoảng 3 mét, và sâu khoảng 3 mét, nối liền ngọn rạch Cai Trung qua ngọn rạch Sa Co. Tuy nhiên, sau nhiều lần được nạo vét, ngày nay kinh Đà Vách đã rộng và sâu hơn nhiều, nên sự đi lại bằng đường thủy rất thuận tiện. Đây chẳng những là một trong những đường thủy quan trọng cho việc dẫn thủy nhập điền trong vùng, mà còn là huyết lộ giao thông thủy trong xã Hòa Bình. Nối liền Trà Ôn với Cầu Kè và Tiểu Cần là quốc lộ 54. Cách Trà Ôn khoảng 1,5 cây số, trên khoảng quốc lộ 54, có một giồng đất cao, đó là ‘Giồng Thanh Bạch’. Giồng tọa lạc trong địa phận 2 ấp, ấp Giồng Thanh Bạch và ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ. Trên quốc lộ 54, trong địa phận xã Vĩnh Xuân, có một gò cát màu vàng đỏ, cao khoảng 2 mét, rộng trên 2.000 mét vuông, đó là ‘Giồng La Ghi’. Trên khu đất này không thể canh tác lúa, mà cũng không làm rẫy được, nên những lưu dân đi khẩn đất đành bỏ cho đất mọc lên những cây hoang, vì thế mà mãi đến thế kỷ thứ XX, vẫn còn rất nhiều những cây dầu cổ thụ tại đây. Vào khoảng thế kỷ thứ XVII, nhiều người Khmer theo chân người Minh Hương của nhóm Dương Ngạn Địch, từ vùng Mỹ Tho Đại Phố đi về vùng này khai hoang lập nghiệp. Ngày nay, giồng La Ghi đã trở thành trung tâm kinh tế xã hội của xã Vĩnh Xuân. Ngay đầu cầu đúc có chợ La Ghi rất sung túc. Đoạn giữa giồng Thanh Bạch và giồng La Ghi, dọc theo quốc lộ 54, có hai xóm nhà có tên rất lạ, đó là xóm ‘Nhà Đồng’ và xóm ‘Nhà Thí’. Hai xóm này cách nhau khoảng chừng nửa cây số. Ngày xưa khu xóm ‘Nhà Đồng’ là khu rừng rậm hoang vu, lưu dân đến đây khẩn đất chỉ cất vài ba căn chòi lá nhỏ, rồi sau đó dân chúng từ các nơi khác đổ xô về đây lập nghiệp. Ngày nay xóm Nhà Đồng đã là một khu xóm khang trang, cư dân đông đúc,

ruộng vườn tươi tốt, với đủ thứ các loại cây ăn trái như cam, quýt, xoài, mận, ổi, dừa, nhãn, vãn vãn, không còn có vẻ gì là đồng không mông quạnh nữa, nhưng cư dân trong vùng vẫn quen gọi khu này là khu xóm ‘Nhà Đồng’. Về phía bắc của quốc lộ 54, có một con đường mòn đi về hướng xã Tân Mỹ và Trà Côn, vào khoảng năm 1920, có Thầy Ban Hinh, một phú hộ ở Vĩnh Xuân, đã dựng lên ngay tại ngã ba lộ đá một căn nhà lợp ngói rất khang trang, bên trong để vài bộ ván, và ngoài hiên nhà có một hàng lu chứa nước mưa, cho những ai lỡ đường có thể ghé lại nghỉ ngơi, nên dân trong vùng đặt tên cho nó là ‘Nhà Thí’. Tuy ngày nay khu ‘Nhà Thí’ không còn nữa, nhưng người dân trong vùng vẫn gọi vùng ngã ba này là ‘Ngã Ba Nhà Thí’. Từ thời mở cõi đến nay, trải qua nhiều thế hệ sinh sống trên vùng đất này, con người Trà Ôn đã để lại không biết bao nhiêu là những câu hò về nói lên cảnh đẹp và sự trù phú của quê hương mình như:

“Đất Trà Ôn tiếng đồn con cá cháy,
Đất Vĩnh Trị nổi tiếng nem ngon...”

Hay:

“Quê em Bưng Sầm đẹp giàu,
Chim bay đầy đồng, cá lội đầy bưng.
Củ co bông súng rau rừng,
Quê hương mến khách tao phùng là đây...”



*Hình 1: Đình Long Thanh, phường 5, TPVL.
Đây là một trong những ngôi đình cổ nhất của vùng Đất Phương Nam,
được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ thứ XVIII, Hình chụp 2015.*



Hình 2: Đồng lúa chín vàng trong vùng Bưng Sầm (xã Hoà Bình), hình 2019.



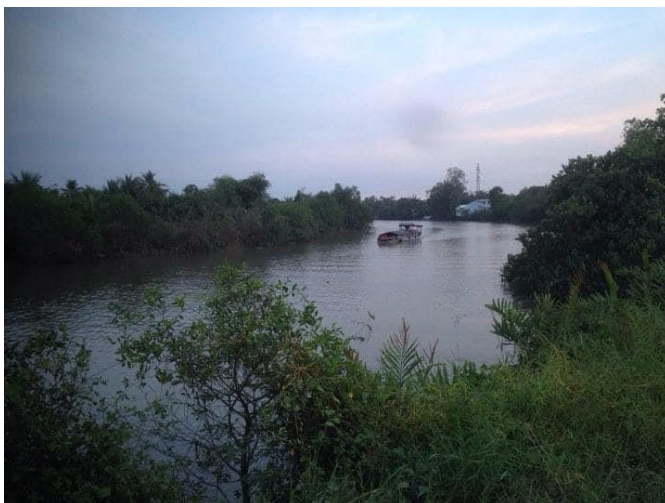
Hình 3: Vùng sông nước Trà Ôn 1920.



Hình 4



*Hình 4-5: Chợ Nổi Trà Ôn nay không còn nữa, thay vào bằng chợ đầu mối Sóc Tro, hình chụp 2019.
**Cảm ơn Anh bạn Nhanh Lê (quê ở Tam Bình) vừa cho biết Chợ đầu mối Sóc Tro nay đã dời về Vàm Trà Ôn.*



Hình 6



Hình 6-7: Sông nước và đồng ruộng vùng giữa Tâm Bình & Trà Ôn, hình 2015.

XX

Giữa đường Trà Ôn đi Cầu Kè, có một ngôi mộ cổ, đó là một của quan Điều Bát Nguyễn văn Tồn. Ông là người gốc Khmer, tục danh là ‘Yuôn’, quê quán tại xã Bình Phú, nay thuộc quận Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Khi Nguyễn Ánh về đóng quân tại vùng Nước Xoáy, nằm trong địa phận xã Tân Hiệp, thị xã Sa Đéc ngày nay, để chống cự với quân Tây Sơn, ông Tồn đã đến xin tòng quân. Nguyễn Ánh sai ông đi chiêu mộ một toán quân người Khmer và phong cho ông chức Điều Bát, cai quản toán quân này. Sau nhiều chiến công, ông được phong tới chức Thượng Hộ Quân Thống Chế. Ông đã từng được vua Gia Long bổ nhậm về làm quan tại phủ Trà Vang (Trà Vinh ngày nay) khi tại đây có một nhóm người Khmer nổi loạn. Nhờ tài khéo cai trị nên ông đã sớm bình định được vùng Trà Vang. Ngày nay, ngôi miếu thờ và lăng mộ của quan ‘Điều Bát’ lúc nào cũng khói hương nghi ngút.

Giữa dòng sông Hậu, bên kia Trà Ôn là ‘Cù Lao Mây’, có diện tích trên 1.000 mẫu tây. Theo truyền thuyết dân gian địa phương tại đây kể lại, những năm giữa thế kỷ thứ XVIII, trong khi Nguyễn Ánh đang xuôi dòng Hậu Giang để trốn chạy nghĩa binh Tây Sơn, thì ông gặp một cù lao lớn ở giữa dòng sông, nên ông đã cho thuyền ghé lại và thấy đây là nơi trú ẩn khá an toàn vì khắp nơi đều có cây cối um tùm, quân Tây Sơn khó lòng phát hiện được. Nguyễn Ánh bèn đặt tên cho

cù lao là Vân Châu, vì nhìn từ xa thì cù lao này trông giống như một áng mây, nên từ đó dân trên cù lao gọi tên nôm na là cù lao Mây. Dưới thời vua Tự Đức, năm 1852, cù lao Mây gồm ba làng: Phú Mỹ, Hậu Thạnh, và Long Hưng. Dưới thời Pháp thuộc, cù lao Mây thuộc huyện Cái Răng, tỉnh Cần Thơ. Khoảng thập niên 1930, làng Long Hưng được sáp nhập vào hai làng kia với tên mới là Phú Mỹ Long và Hậu Thạnh Hưng. Năm 1867 khi người Pháp chiếm Nam Kỳ, họ cho cù lao Mây trực thuộc quận Cái Răng, Cần Thơ. Lúc đó cù lao Mây vẫn có 3 làng: Phú Mỹ, Hậu Thạnh, và Long Hưng, mỗi làng đều có một ngôi đình, và cả ngôi đình này đều được vua Tự Đức sắc phong Thành Hoàng Bổn Cảnh cũng vào năm 1852. Có điều đặc biệt là mỗi ấp trong các làng trên cù lao Mây đều có mang một chữ của tên làng như làng Phú Mỹ gồm các ấp Phú Sung, Phú Thạnh, Phú Xuân, Phú Lợi... Làng Long Hưng gồm các ấp Long Phú, Phú Hưng, Long Thạnh... Làng Hậu Thạnh gồm các ấp Tân Thạnh, An Thạnh, Mỹ Thạnh... Năm 1900, người Pháp cho đào một con kênh cắt ngang cù lao Mây để vừa thuận tiện trong việc giao thông đường thủy mà cũng vừa tốt cho việc dẫn thủy nhập điền. Đến năm 1930, người Pháp chia cù lao Mây ra làm 2 làng: Phú Mỹ Long và Hậu Thạnh Hưng, nghĩa là một phần của làng Long Hưng sáp nhập vào làng Phú Mỹ và phần còn lại sáp nhập vào làng Hậu Thạnh, lúc này cù lao Mây vẫn trực thuộc quận Cái Răng, tỉnh Cần Thơ. Đến năm 1940, người Pháp lại cho nhập hai làng của cù lao Mây lại thành làng Thạnh Mỹ Hưng (ghép 3 chữ cái của 3 làng cũ trước đây) và được sáp nhập vào quận Trà Ôn, thuộc tỉnh Vĩnh Bình. Năm 1946, phong trào Thanh Niên Tiền Phong đặt tên cho làng này là Lục Sĩ Thành, tên của một thanh niên hy sinh trong công cuộc đánh Pháp.

Sau năm 1975, các xã được đổi tên làm Phú Thành và Lục Sĩ Thành, thuộc huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ngày nay, cù lao Mây gồm 2 xã: Xã Lục Sĩ Thành gồm các ấp Tân Thạnh, Long Thạnh, Long Hưng, An Thạnh, Mỹ Thạnh A, Mỹ Thạnh B (nằm về phía hạ lưu sông Hậu); sau này chia ra thêm các ấp Kinh Đào, Kinh Ngang, Tân An. Xã Phú Thành gồm các ấp Phú Sung, Phú Thạnh, Phú Xuân, Phú Long, Phú Hưng (nằm ở thượng nguồn sông Hậu); sau này chia thêm ấp Mái Dầm. Giáp với xã Lục Sĩ Thành là khu Chợ Nổi Trà Ôn nổi tiếng khắp miền Nam với ghe thuyền tới lui mua bán tấp nập; hàng hóa của chợ nổi gồm những sản vật của vùng sông nước như trái cây, nông sản và thủy sản. Tưởng cũng nên nhắc lại, theo lời các bậc kỳ lão địa phương, ngay từ thời cha ông ta mới mở cõi về vùng Đất Phương Nam thì cù lao này đã nổi tiếng là nơi có nhiều châu chấu phá hại mùa màng nhất vùng. Ngày đó cha ông ta không có cách chi tiêu trừ hết được đám châu chấu này nên họ đã tương kế tựu kế, bày ra món ăn châu chấu rang, ăn cũng giống như tép rang, nhưng có phần ngon hơn nếu chúng ta rang châu chấu với lá chanh. Thế là từ đó về sau này người dân địa phương rủ nhau tìm bắt châu chấu để làm món châu chấu rang, vừa giảm bớt được sự tổn hại về mùa màng mà lại vừa có món ăn khoái khẩu. Bây giờ thì hình như món châu chấu rang lá chanh đã trở thành một trong những món đặc sản ngon nhất của vùng cù lao Mây. Trên các sông rạch ở cù lao Mây có loài cá chấy có thịt rất ngon, nhưng lại có rất nhiều xương nhỏ, nếu ăn không khéo dễ bị mắc xương. Ngoài ra, cù lao Mây còn rất nổi tiếng với món bánh tráng đủ loại, từ bánh tráng nem, đến bánh tráng nhúng và bánh tráng ngọt. Bánh tráng ở đây có hương vị rất đặc biệt lại vừa thơm ngon và rất dẻo dai chứ không bỏ khi được nhúng nước để cuốn. Chỉ một chiếc bánh tráng nhỏ mà sau khi nhúng sơ trong nước có thể cuốn trong đó nào nem nướng, rau sống, bún... mà chiếc cuốn vẫn còn y nguyên không bị rách, hay thật! Nguyên liệu được dùng để làm bánh tráng chỉ thuần là bột gạo chứ không để thêm bất cứ thứ gì khác mà lại có thể tạo ra những chiếc bánh tráng vừa ngon, vừa đủ dinh dưỡng, lại có phần tốt hơn cho những người có bệnh tiêu đường.

Ngay tại Ngã ba Long Hiệp, trên Liên Tỉnh Lộ số 7, ngày nay là quốc lộ 53, nếu rẽ phải là đi về hướng Ba Kè và Tam Bình, nhưng nếu tiếp tục đi thẳng chừng 6 hay 7 cây số nữa chúng ta sẽ gặp một cây cầu khá dài bắc ngang qua kinh Măng Thít. Đây là cầu Tân An Luông, nhưng người dân ở đây quen gọi là Cầu Mới. Ngay bên phải dưới chân cầu, về hướng Trà Vinh là chợ Tân An Luông, nhưng dân ở đây cũng gọi là chợ Cầu Mới. Đây là ngôi chợ rất sung túc về mọi mặt, vì chợ nằm giữa đường đi Vĩnh Long-Trà Vinh, nên rất nhiều bạn hàng buôn bán nhỏ từ Trà Vinh

hay các quận thuộc Trà Vinh chỉ lên Cầu mới bỏ hàng đem về bán lại, chứ không lên Vĩnh Long, vì ở đây giá hàng bán sỉ cũng tương đương với Vĩnh Long mà thôi. Cách chợ Tân An Luông, tức chợ Cầu Mới, khoảng 1 cây số về hướng đông nam, có một vùng đất rộng khoảng vài trăm mẫu, nổi cao hơn mặt đất bình thường có tên là Gò Ân. Tương truyền vào năm 1787, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn đánh bại nên phải chạy trốn về đây. Tại đây ông được một vị phú hào tên Nguyễn văn Mậu tận tình che dấu và giúp đỡ trong suốt 3 tháng trời tại vùng đất gò nầy. Sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã đặt tên cho vùng đất nầy là ‘Gò Ân’, có nghĩa là gò ân nghĩa của nhà vua. Đến thế kỷ thứ XX, dân chúng về đây lập nghiệp ngày càng đông đúc, nên người ta phải san bằng cái gò nầy ra để lấy đất canh tác. Hiện nay vùng nầy chỉ còn có 3 cái gò nhỏ, mỗi gò rộng khoảng chừng một mẫu tây mà thôi.



Hình 1



Hình 1-2: Bến Phà Trà Ôn-Lục Sĩ Thành, 2019.



Hình 3



*Hình 3-4: Cổng bên ngoài và bên trong của đền thờ quan
Thống Ché Diêm Bất Nguyễn Văn Tôn, một người Khmer có tước danh là Youn,
đi theo Nguyễn Anh chống lại nghĩa binh Tây Sơn, hình chụp 2019.*



Hình 5: Cầu Bung Truong, 2019.



Hình 6: Cầu Nhà Đài, 2019.



Hình 7: Chợ Hiếu Phụng (chợ mới) buổi trưa, 2019.



Hình 8: Chợ Hiếu Phụng (cầu Vĩ), họp chợ buổi sáng 2015.

XXI

Nếu chúng ta tiếp tục đi trên Liên Tỉnh Lộ số 7, nay là quốc lộ 53, về hướng Trà Vinh chừng 10 cây số nữa sẽ đến ngã ba Vũng Liêm, quẹo trái và đi chừng vài ba cây số nữa là tới chợ quận Vũng Liêm. Vũng Liêm là một trong những vùng đất đã được khai phá từ thời các chúa Nguyễn mới mở cõi về phương Nam. Nguyên vào năm 1731, một người Lào tên là Sa Tốt đem quân binh Chân Lạp vào cướp phá đất Gia Định, chúa Ninh Vương Nguyễn Phúc Trú liền cho quân chiếm đóng vùng Định Tường và Long Hồ (tức Vĩnh Long ngày nay) nhằm tái lập trật tự. Sau đó, vua Miên là Nặc Tha dâng đất Tầm Bào (Long Hồ) và Mỹ Tho cho Trần Đại Định, lập nên Dinh Long Hồ, đất Vũng Liêm cũng được khai phá từ đó. Năm 1732, nó có tên là Vĩnh Trị; đến năm 1872, nó được đổi tên làm Vũng Linh; sau cùng vào năm 1930, nó được đổi làm Vũng Liêm. Trong thời chiến tranh, từ năm 1958 đến năm 1971, quận Vũng Liêm thuộc tỉnh Trà Vinh; nhưng từ năm 1972 đến năm 1975, Vũng Liêm lại thuộc về Vĩnh Long. Từ năm 1976 đến năm 1992, Vũng Liêm trực thuộc tỉnh Cửu Long. Sau tháng 5 năm 1992, sau khi hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh tách rời, Vũng Liêm lại trực thuộc tỉnh Vĩnh Long. Về vị trí, phía Đông giáp với sông Cổ Chiên bên kia bờ sông là tỉnh Bến Tre, phía Tây giáp huyện Trà Ôn, phía Nam giáp huyện Càng Long của tỉnh Trà Vinh, phía Bắc giáp sông Mang Thít. Về mặt hành chánh, huyện Vũng Liêm gồm có thị trấn Vũng Liêm và 19 xã: Hiếu Nghĩa, Hiếu Nhơn, Hiếu Phụng, Hiếu Thành, Hiếu Thuận, Quới An, Quới Thiện, Tân An Luông, Tân Quới Trung, Thanh Bình, Trung An, Trung Chánh, Trung Hiệp, Trung Hiếu, Trung Ngãi, Trung Nghĩa, Trung Thành, Trung Thành Đông, và Trung Thành Tây.

Cũng như các vùng khác trong tỉnh Vĩnh Long, Vũng Liêm cũng có khá nhiều sông ngòi, rất thuận tiện cho việc dẫn thủy nhập điền và giao thông đường thủy. Về phía đông thì Vũng Liêm có sông Cổ Chiên, còn về phía bắc thì có sông Mang Thít; đây là hai tuyến giao thông thủy nổi liền miền Tây với Sài Gòn. Đa số đất đai trong huyện Vũng Liêm là ruộng vườn, nên huyện này là một trong những huyện sản xuất lúa gạo hảo hạng trong tỉnh Vĩnh Long. Trên đường từ ngã ba Vũng Liêm đến Giồng Ké (Trung Ngãi), hai bên đường thỉnh thoảng chúng ta thấy những chùa Miên, và lác đác đó đây những giồng đất trồng dưa hấu. Đất giồng là loại đất bồi của các vùng biển xưa do sóng biển xô cát vào bờ mà tạo thành, nên những giồng này được tạo nên bởi phù sa cát, xốp, nhưng bên dưới chân lại giữ nước, không nhiễm phèn, nên rất thích hợp cho những loại dây bầu, bí, khoai, dưa... Có lẽ chính vì vậy người miền quê của chúng ta có một đôi câu ca dao rất có ý nghĩa về từng vùng đất nơi mình đã từng sinh sống như:

“Gió đưa gió đẩy, về rẫy ăn còng,
Về sông ăn cá, về giồng ăn dưa.”

Dầu không ngon như dưa hấu Trà Bang ở Trà Vinh, dưa hấu Vũng Liêm cũng thuộc loại ngon trong tỉnh Vĩnh Long. Thường thì sau mùa lúa, nông dân Vũng Liêm lại vỡ đất lên thành từng liếp để trồng dưa hấu, xa xa người ta đào một cái giếng, rồi dùng hệ thống dây có ròng rọc để kéo nước giếng lên tưới dưa. Có nhiều lần người viết tập sách này có dịp đi ngang qua vùng rẫy dưa thấy những người nông dân tưới dưa bằng phương cách cổ truyền, hai tay xách hai thùng nước để tưới... mà lòng cảm thấy chùn xuống, ước gì đất nước tôi cũng được như các xứ Âu Mỹ, với hệ thống tưới nước tự động cho dân tôi đỡ khổ đỡ cực.

Một trong những con sông lớn trong huyện Vũng Liêm là sông Vũng Liêm, chảy từ vàm Vũng Liêm (bên dòng Cổ Chiên), qua khỏi chợ quận Vũng Liêm khoảng một cây số thì nó chia làm nhiều nhánh nhỏ, trong đó có một nhánh chảy đến Múríp Sát, nhánh khác chảy xuống Trung Hiếu (sông Mai Phốp). Trên đường từ vàm sông Vũng Liêm, tức là cửa sông Vũng Liêm chảy ra sông Cổ Chiên, có một ngôi chùa Miên tên là Vat Kompong Rolem, tọa lạc trong làng Phong Thới, về sau này được đổi tên thành làng Trung Thành, tổng Bình Trung. Tuy nhiên, trải qua bao cuộc bể dâu ngôi chùa đã hoang phế chỉ còn lại những chiếc tháp đổ và phía sau có ngôi miếu thờ

Ông Tà (Neác Tà). Năm 1985, lúc người viết tập sách này cùng anh Hứa Hoàn và một số anh em Vĩnh Long khác đang ở tại trại Ty Nam Bataan, Phi Luật Tân, trong những buổi trà mạn đàm về “Quê Hương Vĩnh Long”, chúng tôi có nói về ngôi chùa Miên Vat Kompong này và anh Hứa Hoàn có kể thêm cho tôi nghe nhiều chuyện mà người Pháp đã từng làm khắp nơi trong xứ Nam Kỳ là chuyện phá chùa để xây nhà thờ Thiên Chúa. Chẳng hạn như để xây nhà thờ ở Tân Định, người Pháp cũng phá một ngôi chùa cổ, để xây dựng nhà thờ Thái Hà ngoài Bắc, người Pháp cũng phá sập và san bằng một ngôi chùa; ở Vũng Liêm cũng vậy, để xây dựng nhà thờ Mai Phốp, xã Trung Hiếu, năm 1923, người Pháp cũng xây trên nền một ngôi chùa cổ của người Khmer bị chiến tranh do người Pháp gây ra mà chưa kịp trùng tu. Lịch sử đã qua đi, ở đây chỉ nhắc lại để thấy được dã tâm chia rẽ và gây hận thù giữa các tôn giáo của chính quyền thực dân Pháp, chứ không hề mãi mãi có ý trách cứ gì những tín hữu Thiên Chúa giáo.

Sông Mai Phốp dài khoảng 8 cây số, rộng khoảng từ 15 đến 20 mét, và sâu khoảng 3 mét, chảy qua các xã Trung Hiệp, Trung Hiếu, và Trung An, rồi sau đó chảy vào địa phận huyện Càng Long. Phải nói dòng sông Mai Phốp là một trong những dòng sông đẹp trong trí nhớ của tôi. Hồi nhỏ có lần tôi được theo ông Ngoại về Mai Phốp để ông tôi thăm viếng một người bạn, lúc đó tôi chỉ vào khoảng bảy tám tuổi gì đó thôi, nhưng tôi vẫn nhớ rất rõ về chiều cả một cánh đồng mà đối với tôi thời đó phải nói là bao la bát ngát, nhưng vô cùng êm ả và thanh bình, tôi không biết có bao nhiêu là cánh cò bay trắng đồng. Ngày đó tôi đâu có biết câu hò điệu hát gì nên khi nghe các thanh niên thanh nữ trong làng hò đối đáp với nhau tôi liền hỏi ông ngoại: “Sao ở đây người ta nói chuyện với nhau nhiều quá mà không thấy ai hết vậy ông ngoại?” Ông ngoại tôi nhìn tôi cười nói: “Ồ quê là vậy đó con, vui lắm!!!”



Hình 1: Tượng hai vị lãnh binh Lê Cán và Nguyễn Giao tại ngã ba Vũng Liêm, hình 2019.



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 2-3-4-5-6: Khu mộ gia đình bà Châu thị Vĩnh Tế
(phu nhân quan Bảo Hộ Thoại Ngọc Hầu)
ở Cù Lao Dài, Vũng Liêm, hình chụp 2019.



Hình 7: Chợ Vũng Liêm, hình 2019.



Hình 8: Bến phà Quới An đi từ địa phận Cái Nhum qua Vũng Liêm, hình 2019.



Hình 9: Bên trong chợ Cầu Mới (Tân An Luông), hình 2019.

XXII

Sau khi sông Mai Phốp chảy vào địa phận xã Trung An, đến ngã tư nối với các con sông khác, sông Mây Túc và sông Ngã Hậu. Vũng Liêm còn có một dòng sông mang tên ‘Ruột Ngựa’. Người ta thường nói ‘thẳng như ruột ngựa’, nhưng sông ‘Ruột Ngựa’ tại Vũng Liêm không thẳng, mà trái lại nó ngoằn ngoèo trong cánh đồng ấp Bình Phụng, thuộc xã Trung Hiệp. Sông Ruột Ngựa chảy từ sông Vũng Liêm tại xã Trung Hiệp và chảy đến xã Trung Hiếu là chấm dứt. Sông có chiều dài khoảng 8 cây số, rộng 30 mét, và sâu khoảng 4 mét, tuy nhiên, càng về hướng Trung Hiếu, dòng sông càng nhỏ và cạn dần. Ngoài ra, tại xã Hiếu Nhơn, huyện Vũng Liêm, còn có sông Nhà Đài, khúc sông mang tên ‘Nhà Đài’ chỉ dài khoảng trên 3 cây số, bắt nguồn từ rạch Bưng Trường, chảy đến Ngã Tư Nhỏ, rộng khoảng 10 mét, và sâu khoảng 4 mét. Khoảng năm 1900, người Pháp xây dựng tại đây một nhà ‘thủy văn’ để quan sát và theo dõi hiện tượng thủy văn và khí tượng trong vùng, nên dân chúng đặt tên cho chợ này là chợ Nhà Đài, và tên con sông là sông Nhà Đài. Vì nhu cầu đi lại bằng đường thủy, nên người dân trong vùng tiếp tục nạo vét con sông, và ngày nay sông có chiều rộng khoảng 20 mét, và sâu khoảng 5 mét, vừa dẫn thủy nhập điền, vừa rất thuận tiện cho giao thông bằng đường thủy. Tại huyện Vũng Liêm, vùng gần giáp ranh với huyện cầu Kè (thuộc tỉnh Trà Vinh), còn có rạch Bưng Trường, con rạch này rất dài, chảy từ sông Hậu (bên phía quận Cầu Kè), đến Vĩnh Thanh (thuộc Trà Ôn), rồi qua Hiếu Trung, Hiếu Xuân, và Ngã Phú, rồi tiếp tục chảy qua các xã Hiếu Thuận và Hiếu Phụng (Cầu Vĩ) thuộc quận Vũng Liêm, chảy ngang qua quốc lộ 53, sau đó chảy vòng lên Bờ Sao, và đổ vào dòng Mang Thít trong địa phận xã Tân An Luông. Sau khi chảy qua xã Hiếu Nhơn, rạch Bưng Trường bắt đầu chảy vào địa phận xã Hiếu Thuận, giữa Hiếu Thuận và Trung Hiếu là một vùng đầm lầy có chiều dài gần 2 cây số, nhưng chiều rộng chỉ vào khoảng từ 15 đến 20 mét mà thôi. Bưng Trường bắt đầu từ rạch Bưng Trường chạy qua cánh đồng ấp Quang Mỹ, xuống ấp An

Thành Tây, thuộc xã Trung Hiếu. Sau năm 1975, người ta đắp bờ bao ngăn, vừa ngăn nước tràn vào lúc mùa mưa, vừa cho nước rút bớt đi vào mùa nắng, nên bây giờ cư dân trong vùng Bưng Trường có thể làm lúa sạ với năng suất khá cao. Tại ấp An Điền I, cách chợ xã Trung Hiếu khoảng 1,5 cây số về hướng đông nam, có một gò đất cao được trồng rất nhiều cây dương, nên dân địa phương gọi là ‘Gò Dương Nhỏ’. Gò này nằm về phía tây của vùng ‘Đìa Chảo’, có diện tích khoảng 2.000 mét vuông, thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Chủ Hai. Tại ấp An Lạc Đông, cách chợ xã Trung Hiếu khoảng 2 cây số về hướng đông nam, có một gò đất cao khác lớn hơn, cũng được trồng rất nhiều cây dương, nên dân địa phương gọi là ‘Gò Dương Lớn’. Gò này có diện tích khoảng 4.000 mét vuông, nằm về phía tây của ‘Đìa Chảo’ thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Năm Chủ Chức (Nguyễn văn Chức). Do địa thế đất quá cao, không thể làm ruộng, mà cũng không thể làm rẫy được, nên người ta chỉ trồng những cây dương cổ thụ thật lớn, và làm nghĩa địa cho dòng họ mà thôi. Trên đường quốc lộ 53 đi từ xã Trung Hiếu đến ngã ba Vũng Liêm, đến ấp Trung Điền, cách chợ xã Trung Hiếu chừng 3 cây số, về phía Nam quốc lộ, có một vùng trũng khá lớn mà dân địa phương gọi là ‘Đìa Chảo’. Đây là một vùng trũng khá lớn, có diện tích khoảng 60 mẫu. Theo dân địa phương, đất này từ trước đến nay không canh tác được, vì thế đất trũng và bị úng phèn rất nặng, nên dầu có canh tác lúa sạ, năng suất cũng không cao. Tại xã Trung Ngãi có sông Giồng Ké, một trong những con sông chính của vùng đất này, vì nó vừa là thủy lộ giao thông, mà cũng vừa dẫn thủy nhập điền vào tưới tắm cho ruộng vườn cả vùng Trung Ngãi. Sông Giồng Ké dài khoảng 6 cây số, từ vàm Ngã Bát đến ngã ba Phú Nhuận, rồi sau đó chảy vào các rạch nhỏ như rạch Rừng, rạch Phú Tiên, rạch Cầu Vòng, kinh Ông Râu, kinh Nhà Tròn, kinh Ông Bốn, kinh Lộ Quẹo, vân vân. Đầu thế kỷ thứ 20, người Pháp cho nạo vét dòng sông này để lấy đất lên đắp con lộ số 7, và bắc cầu sắt, gọi là cầu Giồng Ké. Từ ngã ba Vũng Liêm (An Nhơn), theo quốc lộ 53 khoảng 4 cây số về hướng Trà Vinh, là rạch Cầu Vòng. Rạch bắt nguồn từ sông Giồng Ké đến bưng Ông Hồ, cắt ngang qua quốc lộ 53, dài khoảng 1 cây số, rộng khoảng 4 mét, sâu khoảng 2 mét.

Nói về Vũng Liêm mà không nói tới cù lao Dài là một điều thiếu sót lớn. Để đến được cù lao Dài, người ta có thể đi đò ở bến Vũng Liêm hoặc qua ngã phà Quới An đi Quới Thiện. Phà Quới An nhỏ, trước năm 1975 chỉ có vài chiếc bắc 4 loại nhỏ, nhưng sau khi cầu Mỹ Thuận được xây dựng thì chính quyền cho tăng cường tại đây được một chiếc bắc 10. Ai có một lần đi qua phà Quới An đều có cùng một cảm giác đây là một bến phà nhỏ trông rất dễ thương, người qua phà cũng không hối hả như những nơi khác. Sở dĩ có tên cù lao Dài là vì chiều dài của nó có trên 20 cây số, nó còn có tên là cù lao Năm Thôn, vì trên cù lao này có 5 thôn do chính quan Trấn Thủ Vĩnh Thanh Thoại Ngọc Hầu đứng ra chỉ huy khai phá hồi tiền bán thế kỷ thứ XIX, nghĩa là cách nay khoảng gần 200 năm. Đó là các thôn Phú Thái, Phước Khánh, Thái Bình, Thanh Lương, và Bình Thạnh. Về sau này 5 thôn nhập lại thành xã Quới Thiện. Cù lao Dài nằm giữa dòng sông Cổ Chiên; con sông nằm phía giáp ranh với Vũng Liêm có tên là sông Cổ Chiên, còn con sông bên phía giáp ranh với quận Đôn Nhơn của Bến Tre có tên là sông Bang Tra. Trong Gia Định Thành Thông Chí, Trịnh Hoài Đức có ghi chép về cù lao Dài như sau: “Cù lao dài ở hạ lưu sông Long Hồ, tức sông Cổ Chiên, vòng quanh 30 dặm. Năm thôn đó là Phú Thái, Phước Khánh, Thái Bình, Thanh Lương, và Bình Thạnh. Vườn tược nhà cửa sạch sẽ, phong thủy tốt tươi: thủy maidom ngọc, hương toán đeo vàng (?), có thể tự hào là nơi giàu có, no đủ và yên ổn.” Năm 1889, người Pháp cho đổi tên các thôn Phú Thái và Thái Bình để làm thôn Phú Thới và Thới Bình theo yêu cầu của vua Thành Thái vì kỵ húy. Phải nói trên cù lao Dài này còn rất nhiều nơi vẫn còn giữ được nét đẹp hoang sơ của thời ông cha ta đi mở cõi về Đất Phương Nam. Trong suốt chiều dài 20 cây số từ Bắc chí Nam, đi đâu đến đâu người ta cũng thấy được vẻ mộc mạc của thôn quê với những vườn cây trái luôn trĩu cành và văng vẳng giọng hò tiếng hát của thanh niên thanh nữ trong thôn. Vừa bước chân xuống phà để đi vào một con đường trên cù lao là người ta có thể cảm nhận được mùi hương thoang thoảng của những sầu riêng những mít hay nhãn. Đến khi vào tới vườn cây ăn trái, không cần biết mình là ai, chủ vườn cũng đem đủ thứ trái cây ra mời khách.

Ngoài những đặc sản sầu riêng và mít, cù lao Dài còn rất nổi tiếng với những loại trái cây khác như bưởi, chôm chôm, măng cụt, xoài, mận... Nghe các bô lão trên cù lao Dài kể lại ông bà của những thế hệ trước thường nói thuở xưa cù lao Dài hay bị ngập lụt, nhưng khi người Pháp chiếm Vĩnh Long, họ bắt đầu cho đắp những bờ bao, nhất là từ khi có tên Tây Taillefer về đây khẩn đất, hẳn đã bắt tá điền phải đắp rất nhiều đê bao, nhất là đê bao bọc quan 300 mẫu đất của hắn, nên từ đó đất đai cù lao ít bị ngập nước, và cù lao Dài trở thành vùng đất sản xuất nông nghiệp trù phú nhất của quận Vũng Liêm. Ngày nay, trên khắp cù lao Dài người ta lập những vườn chuyên canh về sầu riêng, măng cụt, bòn bon, chôm chôm, xoài, vãn vãn. Chính vì vậy mà mũi dùi kinh tế ở đây là sản xuất nông nghiệp và trái cây. Ngoài ra, những ngư dân trên cù lao Dài còn đánh bắt cá tôm trên sông Cổ Chiên và đào ao nuôi cá da trơn và tôm càng xanh nước ngọt. Bên cạnh đó, một số nơi ở phần cuối cù lao như Bình Thủy và Thông Lưu thuộc xã Thanh Bình, bà con nông dân vẫn còn trồng cây lát để dệt chiếu và se lỏi lát. Hầu như nhà nào trong ấp Bình Thủy cũng làm nghề dệt chiếu và có máy se lỏi lát. Đặc biệt khi nói về món ăn chơi trên cù lao Dài người ta phải kể đến món bánh xèo chay và mặn; món bánh xèo chay được chiên với nấm rơm hay nấm môi để ăn với rất nhiều loại rau tại địa phương như lá cách, lá lóp, đọt cát lồi, lá điều, đọt xoài non... có hương vị thật đặc sắc; còn về món bánh xèo mặn thì được chiên với những con hến của dòng sông Cổ Chiên có màu trắng tinh ngọt lịm khiến cho người ta phải nhớ mãi khi đã một lần được ăn. Ngoài ra, nói về món ăn trên cù lao Dài thì phải kể đến món canh chua nấu bằng trái bần nấu cá lóc hay cá tra, hoặc canh chua chay cũng rất ngon, vị chua của trái bần thật thanh... Khi đã thắm mệt sau một cuộc vui chơi điền dã, người ta có thể ghé lại uống trà hay cà phê hoặc nước dừa giải khát tại các quán bên đường với phong cảnh vừa hoang sơ vừa yên bình. Phải nói cù lao Dài là một trong những vùng đất xanh, thật xanh của tỉnh Vĩnh Long! Hiện nay trên cù lao Dài vẫn còn lăng mộ của Thoại Ngọc Hầu là bà Nguyễn Thị Tuyết, và khu lăng mộ của cha mẹ vợ Thoại Ngọc Hầu là ông Châu Vĩnh Huy và bà Đỗ Thị Toán, đã được chính ông Thoại Ngọc Hầu xây dựng trong khi ông đang tại chức Trấn Thủ trấn Vĩnh Thanh.

Dưới thời thực dân Pháp, chỗ đất nào mà họ muốn lấy thì người dân thấp cổ bé miệng không tài nào giữ nổi. Sự cướp đất của thực dân Pháp trên vùng đất cù lao Dài không chỉ thuần là cướp đất mà còn là cướp công cướp sức của nông dân vùng này. Tưởng cũng nên nhắc lại, tên Taillefer là một viên sĩ quan đã từng tham dự trận đánh nghĩa binh Trương Định, nên y biết có một số nghĩa binh trốn về vùng cù lao Dài khẩn đất làm ruộng. Lợi dụng cơ hội này Taillefer liền xin với chính quyền để khẩn 300 mẫu đất hoang trên cù lao Dài. Phải nói trước khi cấp đất cho Taillefer, thực dân cũng có niêm yết tại Mỹ Tho khoảng nửa tháng, nhưng không thấy có ai tranh cản nên họ bèn cấp. Thử hỏi làm sao có người nào lại dám đứng ra tranh tụng với một viên sĩ quan người Pháp, cho dù đó chính là đất của họ đi nữa. Đó là cái giá mà người dân sống trong một nước mất tự chủ phải trả. Từ sau khi được cấp đất, ngay lập tức Taillefer biến vùng đất cù lao Dài thành ra một lãnh địa kiểu phong kiến Âu Châu, mà ông ta là một lãnh chúa. Tất cả những người làm việc trong điền của ông được xem như là những tá điền theo kiểu nông nô thời trung cổ. Những nông dân có ruộng đất quanh vùng đất mà Taillefer được cấp cũng bị y ép phải làm giấy tờ cầm cố đi phần đất của mình, nếu không sẽ không được toàn mạng. Sau đó Taillefer cho gom hết những người ở trong điền ông vào ở trong một khu riêng biệt và phải làm việc tập thể, cứ mỗi sáng sớm đánh kiếng cho tá điền ra đồng làm việc, chiều lại thì đánh kiếng cho họ trở về tắm rửa ăn uống. Thật tình mà nói, theo lời kể của một số bô lão địa phương có cha mẹ bị bắt buộc làm tá điền cho tên Tây Taillefer thì người Việt Nam trong điền ai cũng căm thù tiếng keng, vì chính tiếng keng này đã trói buộc cuộc đời họ không khác nào là những tên tù. Bây giờ người viết tập sách này chỉ muốn nhắc lại để cho mọi người cùng nhớ rằng “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, hãy làm bất cứ thứ gì mình có thể làm được để thực sự có được nền độc lập, có được sự tự do dân chủ và quyền làm một con người thật là người! Chứ quyết không làm nô lệ theo kiểu nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi. Mong lắm thay!!!



Hình 1: Ngã ba Vũng Liêm (ngã ba An Nhơn), hình 2019.



Hình 2: Đình Bình Phụng tại Vũng Liêm, gần quốc lộ 53, hình 2019.



Hình 3: Một con đường quê trong xã Trung Hiếu, Vũng Liêm, hình 2019.



Hình 4



Hình 4 & 5: Trường Tiểu Học Thanh Bình C và Trung Học Trung Hiếu, Vũng Liêm, hình 2019.



Hình 6: Bia tường niệm 2 vị Lãnh Bình Lê Cán và Nguyễn Giao đã hy sinh vì Tổ Quốc khi bày trận giết chết tên chủ tỉnh người Pháp Salicetti vào năm 1867 ngay tại Cầu Vòng, tức là ngay chỗ đặt bia tường niệm, hình 2019.



Hình 7: Dốc cầu Mới, phía bên chợ Tân An Luông, hình 2019.



Hình 8: Cầu Mới và những sinh hoạt dưới sông, hình 2019.



Hình 9: Dưới mé sông chợ Cầu Mới, hình 2019.



Hình 10: Chùa Bửu An, gần chợ Cầu Mới, gần ngã ba đi Xuân Hiệp (Cả Cá), hình 2019.

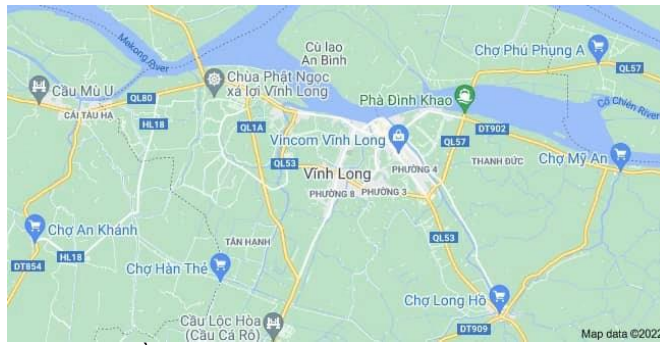
XXIII

Về giao thông đường sông thì Vĩnh Long là một trong những tỉnh miền Nam dùng đường sông nhiều nhất. Ghe và đò máy chuyên chở hàng hóa từ Vĩnh Long đi Sài Gòn hay từ Vĩnh Long đi về miền Hậu Giang qua các ngõ sông Cổ Chiên, Long Hồ và các kinh đào, đặc biệt là kinh Măng Thít cắt ngang Vĩnh Long từ Cái Nhum qua Trà Ôn. Về thảo mộc thì Vĩnh Long cũng như hầu hết các tỉnh khác ở Nam kỳ với cây trái bốn mùa, dù không nổi tiếng như Bình Dương hay Cái Mơn, Chợ Lách (bây giờ thuộc tỉnh Bến Tre), nhưng Vĩnh Long là một trong những nơi có nhiều vườn cây ăn trái nhứt của Nam Kỳ Lục Tỉnh khi xưa và ngay cả hiện tại. Vĩnh Long nổi tiếng về xoài, mận, chôm chôm, cam, quýt, bưởi, chuối, chanh, dâu, măng cụt, vú sữa, cóc, vãn vãn.

Ngoài ra, Vĩnh Long cũng còn là một trong những vựa lúa lớn của miền Nam. Đa số dân Vĩnh Long theo nghề nông (khoảng trên 70%). Thời đệ nhất Cộng Hòa, nhờ chánh quyền xây dựng hai con đập An Đức (Ngã Tư Long Hồ) và An Trường (Bình Minh) nên hàng ngàn mẫu đất hoang úng phèn được khai thác đúng mức. Thời Việt Nam Cộng Hòa, Vĩnh Long có gần 250.000 mẫu ruộng đang khai thác và mỗi năm sản xuất trên 900.000 tấn lúa. Ngoài ra, dân Vĩnh Long còn trồng thơm, củ sắn, các loại đậu, khoai mỡ, khoai mì, bí, bắp, khoai lang, dưa các loại, cải, cũng như các loại hoa. Dân Vĩnh Long còn trồng các loại cây sản xuất khác như gòn, dừa, mía, bó (đay), thuốc lá, trầu, cau, và ca cao. Về chăn nuôi thì ngoài gia cầm gà vịt ra, dân trong tỉnh còn nuôi trâu, bò, heo dư dùng trong tỉnh và đưa lên thành phố. Về ngư nghiệp, tuy không sánh bằng các tỉnh khác như Châu Đốc, Long Xuyên, Cà Mau hay Rạch Giá, nhưng Vĩnh Long cũng là một trong những tỉnh có thể tự cung cấp cá mắm cho dân chúng trong tỉnh, lắm khi còn chở đi thành phố nữa, vì như trên đã nói Vĩnh Long có một hệ thống mạng nhện sông, kinh và rạch bủa giăng khắp nơi. Theo thống kê thời Việt Nam Cộng Hòa thì từ năm 1958 đến 1974, Vĩnh Long có trên 5.000 ngư phủ sống dọc trên các sông Cổ Chiên và Long Hồ, cũng như những kinh rạch khác. Sông nước Vĩnh Long luôn có rất nhiều tôm cá, đặc biệt là vào mùa nước lớn từ tháng 8 đến tháng 10. Nghề xúc ốc gạo tại các cồn Tân Phong, Vĩnh Bình, Phú Phụng cũng rất thịnh

hành. Vào những năm sau 1954, đồng bào di cư từ miền Bắc vào Vĩnh Long, một số tập trung gần Văn Thánh Miếu, đa phần làm nghề hạ bạc, nhưng về sau này ai cũng khá giả nên họ lên bờ xây dựng khu kỹ nghệ đồ gỗ ngay cạnh Văn Thánh Miếu, chuyên đóng bàn ăn và tủ “guard-manger”. Ngày xưa khi chưa có cầu Mỹ Thuận thì phà Mỹ Thuận đã gần trăm năm nay nổi tiếng về buôn bán những thứ trái cây cũng như thức ăn cho các xe khách chờ qua bắc, như là các loại chim le le, thẳng chà, ốc cao, võ vẽ, mỏ nhát, gà nước, vân vân. Vì không có rừng núi nên Vĩnh Long không có lâm sản và khoáng sản. Về kỹ nghệ, Vĩnh Long hiện có rất nhiều nhà máy xay lúa, hăng làm nước đá, và nhà máy phát điện kể cả nhà máy điện tỉnh Vĩnh Long. Ngoài ra, Vĩnh Long còn có rất nhiều lò đường, trại cưa cây, hăng nước mắm, hăng cà rem, lò gạch, lò làm bánh mì, lò làm tàu hủ, lò tương, lò làm nước tương, lò chao, trại mộc, xưởng dệt vải, nhà in, vân vân. Thường thì các hăng xưởng này nằm dọc theo các bờ sông, kinh hay rạch. Trước năm 1975, Vĩnh Long có một nhà máy lọc nước. Bây giờ dân số đã tăng lên gấp bội, thế nhưng cũng chỉ có một nhà máy lọc nước đó mà thôi. Dọc theo bờ sông Tiền Giang từ Châu Đốc đổ xuống hiện có những bến bắc Cao Lãnh và bắc Cổ Chiên. Tuy nhiên, trước khi xây cầu Mỹ Thuận thì bến bắc Mỹ Thuận là bến bắc nổi tiếng nhất của Nam Kỳ. Ngày đó bắc Mỹ Thuận là bến phà huyết mạch nối liền quốc lộ 4 từ Sài Gòn về các tỉnh miền Tây. Nay thì người Úc đã xây tặng dân ta chiếc cầu thật đẹp thay thế cho bến bắc Mỹ Thuận. Đa phần ai nấy cũng hân hoan đón nhận chiếc cầu của thế kỷ, nhưng cũng có không ít người buồn, đó là những cư dân sống trong khu vực bến bắc ngày trước, họ là những người buôn thúng bán bưng dọc theo hai bên bến bắc. Từ ngày có chiếc cầu thông thương nhanh lẹ, đâu còn cảnh xe chờ qua bắc để dân vùng này có dịp mua bán như xưa.

Về văn hóa giáo dục, dù Vĩnh Long không còn là trung tâm của miền Tây nữa, cũng không có trường Đại học như Cần Thơ, nhưng có thể nói Vĩnh Long là vùng đất của các nhà mô phạm. Trước năm 1975, ngay tại thị xã Vĩnh Long có hai trường trung học công lập, một trường bán công, hai trường trung học tư thực, một trường trung học kỹ thuật và một trường sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học. Trường trung học Tổng Phước Hiệp nằm trên đường Gia Long được thành lập năm 1949, vào những năm 1974 và 1975, trường trung học Tổng Phước Hiệp có sĩ số học sinh gần 5.000 và được xếp vào trường có sĩ số học sinh lớn vào hàng thứ nhì của Việt Nam Cộng Hòa. Trường Trung học Bán Công Nguyễn Thông nằm trên đường Nguyễn Bình Khiêm, được thành lập năm 1961, lấy cơ sở cũ của trường Tổng Phước Hiệp. Trường Sư Phạm và Trung Học Kỹ Thuật nằm trong khu Văn Hóa trên đại lộ Nguyễn Huệ. Trường Trung học Tư Thực Long Hồ mở vào năm 1951, chỉ sau trường Tổng Phước Hiệp mà thôi. Trường Trung học Tư Thực Nguyễn Trường Tộ nằm sát bên khu nhà thờ cũ cũng được thành lập năm 1952. Về sau này tại các quận như Tam Bình, Chợ Lách, Trà Ôn, Vũng Liêm, Bình Minh và Cái Nhum đều có trường trung học riêng cho quận mình. Riêng tại Chợ Lách thì có hai trường trung học là Thánh Lự và Chợ Lách. Sau năm 1975 thì chánh quyền mới cho mở ra rất nhiều trường trung học phổ thông cấp I, cấp II và cấp III ở ngay cả xã phường, con số trường lớp thì nhiều mà vấn đề giáo dục của Việt Nam ngày càng trở nên thâm trọng chứ không còn như trước kia nữa. Học sinh nào không có tiền đóng cho cái gọi là “niên liễm” hay gì gì đó là không được đến lớp. Còn thầy cô giáo thì với đồng lương chết đói nên phải mang bánh kẹo vào lớp bán cho học sinh. Thậm chí có thầy còn phải chạy xe “ôm” sau giờ dạy học. Nghe nói bây giờ lương bổng của thầy cô giáo đã có phần đỡ hơn, nhưng đã quá muộn rồi quý vị ơi! Thầy cô giáo trong xã hội này cũng đã quen với kiểu cách kiếm tiền ngoài giờ dạy học nên họ mở những lớp gọi là “học thêm,” nếu em nào ghi tên học để được bài tú thì thi đậu, ví bằng nhà nghèo không đi học thêm được thì dù có giỏi cách mấy cũng làm ‘bù kiệm’. Thật là tội nghiệp cho một xã hội, một đất nước đã có một thời “Tôn sư trọng đạo” như đất nước Việt Nam. Về y tế thì trước năm 1975, Vĩnh Long có nhà thương Nguyễn Trung Trực, cơ sở phòng ốc đã quá cũ kỹ, tất cả đều trên trăm năm. Chính vì thế mà chính quyền mới cũng đã xây cất một bệnh viện lớn ngay gần cầu Ông Me để thay thế cho bệnh viện cũ.



Hình 1: Bản Đồ giao thông thủy bộ tỉnh Vĩnh Long, hình Internet 2022.



Hình 2



Hình 3



Hình 2-3-4: Một số hình ảnh giao thông bằng đường sông tại Vĩnh Long, hình 2015.



Hình 5



Hình 5-6: Những chiếc xe anh hùng tại Vĩnh Long đang lội nước, hình 2017.



Hình 7: Hình ảnh khu Chợ Nổi Trà Ôn năm 2011, nay không còn nữa.



Hình 8



Hình 8-9: Cổng trước và cổng bên hông bệnh viện Đa Khoa tỉnh Vĩnh Long, hình 2017.



Hình 10: Bệnh viện Đa Khoa TP Vĩnh Long tại Phường 9, hình 2019.

XXIV

Thay Lời Kết (1)

Ông bà cha mẹ tôi được sinh ra từ miền Núi Ấn Sông Trà của vùng xứ Quảng vô cùng xinh đẹp của đất nước, vì hoàn cảnh mà trên một trăm năm trước, ông bà nội ngoại của tôi đã phải thiên di về Đất Phương Nam tìm đất sống. Và họ đã định cư tại vùng đất nằm giữa hai con sông lớn: Tiền Giang và Hậu Giang, đất Vĩnh Long. Với tôi, Vĩnh Long chẳng những là nơi mà tôi đã sinh ra và lớn lên bên dòng sông Long Hồ hiền hòa với ruộng vườn cây trái xanh tốt quanh năm, mà Vĩnh Long còn là nơi đã cho tôi đọng đầy những kỷ niệm của thời thơ ấu. Nơi mà mẹ đã mớm cho tôi từng giọt sữa đầu đời. Nơi tôi đã ăn học suốt thời Tiểu và Trung học. Đó là nơi mà tôi đã vẫy vùng trong tình cha nghĩa mẹ, tình làng nước, tình quê hương trong suốt đoạn đời thơ ấu. Mặc dù quê hương tôi không có những con đại lộ thẳng tắp, hay những con lộ rộng thênh thang với hàng me rợp bóng như đại lộ Lê Thánh Tôn ở Sài Gòn, cũng không có những đồi núi thơ mộng như Đà Lạt hay bãi biển xinh đẹp như Nha Trang, Vũng Tàu, nhưng tôi thương quá những con hương lộ đá xanh đá đỏ, thương quá những con đê bờ ruộng, thương quá sông nước Vĩnh Long, thương quá những thôn nghèo đậm bạc với những xóm nhà lá đơn sơ mộc mạc, nơi ập ủ quá nhiều kỷ niệm thân thương của một thời cắp sách đến trường. Làm sao tôi quên được những đêm trăng sáng thả lưới trên dòng sông Long Hồ hay bữa đăng trong những con rạch quanh vùng? Làm sao tôi quên được những buổi sáng mù sương trên mặt sông? Làm sao tôi quên được những hình ảnh thân thương của mái trường xưa, mái trường Tổng Phước Hiệp, nơi mà các thầy cô đã hun đúc cho tôi thành người. Làm sao tôi quên được người dân xứ Vĩnh hiền hòa của tôi? Giờ đây dù xa quê vạn dặm nhưng lúc nào hình bóng Vĩnh Long cũng ở trong tôi bằng tất cả tấm lòng mến yêu trân quý. Tôi không biết địa danh Vĩnh Long hay Long Hồ đã có tự bao giờ trong dòng lịch sử Nam Tiến của dân tộc Việt Nam, nhưng với tôi hai chữ Vĩnh Long hay Long Hồ lúc nào cũng thân thương, thân thương tự trong máu huyết, thân thương lưu truyền từ đời ông, đời cha cho mãi đến đời tôi. Tuy Vĩnh Long không phồn hoa đô hội như Cần Thơ, Mỹ Tho hay Sài Gòn, nhưng với tôi Vĩnh Long đẹp lắm. Vĩnh Long là nơi đưa tôi vào đời, nuôi tôi khôn lớn và chấp cho tôi đôi cánh để tôi bay lượn trên khắp các miền thế giới. Thực tình mà nói, tôi đã đi qua nhiều vùng với đủ đầy vẻ đẹp thiên nhiên hay nhân tạo như Grand Canyon ở Arizona, Yosemite ở Bắc California, Yellowstone Park, Nam Vang, Bangkok, Singapore, Bataan (Philippines), núi Phú Sĩ ở Tokyo, Washington D.C., Tân Đê Li, Ma Ni La, Toronto (Canada), Melbourne, Sydney, Perth, Darwin, Nam Úc, Brisbane, vân vân, nhưng có lẽ chưa có nơi nào gây

được cho tôi cảm xúc rộn ràng như Vĩnh Long, vì Vĩnh Long là quê hương đã gắn bó với tôi từ những sông rạch quen thuộc, đến những con đường nắng bụi mưa lầy. Dù sông Long Hồ không đẹp và nổi tiếng như dòng Danube bên trời Âu hay dòng Potomac bên Mỹ, nhưng sao với tôi không có một con sông nào khác có thể thay thế nó được. Có lẽ trong tâm tư tình cảm sâu thẳm nhất của một con người thì tôi vẫn là một đứa con trai nhà quê của xứ Giàng, sinh ra và lớn lên bên những thôn xóm đơn sơ mộc mạc, bên những cánh đồng quyện mùi bùn pha lẫn mùi lúa chín mới gặt. Dù xa quê vạn dặm, quãng đời thơ ấu nơi đất Vĩnh lúc nào cũng đậm nét trong tôi. Ngày trước, mỗi lần được phép về nhà, chỉ vừa tới bến phà Mỹ Thuận thôi là lòng tôi đã cảm thấy lâng lâng một niềm cảm xúc khó tả. Cho tới bây giờ đã hơn 40 năm kể từ ngày tôi rời xa mái trường Tổng Phước Hiệp thân thương nơi đất Vĩnh, thế mà tôi cứ nghe văng vẳng đâu đây tiếng trống quen thuộc và thân thương của bác Năm Trăn.

Trải qua bao cuộc bể dâu bể, quê hương Vĩnh Long cũng thăng trầm theo vận nước nổi trôi. Thiết nghĩ là người Việt Nam, dù ở chân trời góc bể nào của địa cầu này, hẳn đã từng nghe tiếng bến đò Mỹ Thuận nếu đã có lần xuôi ngược về miền Hậu Giang. Chắc hẳn cảm giác rộn rã lâng lâng khi bước xuống phà Mỹ Thuận hẳn còn âm ỉ đâu đây. Bây giờ thì bến phà Mỹ Thuận đã đi vào dĩ vãng để thay vào bằng chiếc cầu tân kỳ mà người Úc đã xây tặng cho dân ta hồi năm 2000. Dù bến phà Mỹ Thuận không còn, nhưng tôi tin chắc rằng người dân xứ Vĩnh, mỗi khi đi xa về đến cửa ngõ Mỹ Thuận, chắc ai ai cũng cảm thấy lòng lâng lâng xúc cảm, vì Mỹ Thuận bây giờ không còn là một danh từ riêng nữa, mà người dân miền Nam chúng ta nhắc tới Mỹ Thuận như nhắc tới một địa danh nơi có đủ đầy các loại hoa quả miền Nam cũng như những thức ăn đặc sản của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngày trước khi chánh quyền cũ dự tính xây cầu Mỹ Thuận, ai cũng nôn nao chờ đợi, những tưởng chiếc cầu ấy sẽ đem thêm sắc màu cho vùng địa đầu của tỉnh Vĩnh Long. Nhưng bây giờ khi cầu đã xây, xe cộ đã lưu thông nhanh lẹ, cảnh quang có tươi sáng đẹp đẽ hay không thì còn tùy ở nhãn quan của mỗi người. Tuy nhiên, trước mắt là dân chúng ở đây, vốn dĩ đã đói nghèo, nay lại có thêm một lớp người đói nghèo hơn vì họ không còn biết phải nương tựa vào đâu nữa. Thật là buồn ngùi quá cho quê hương Việt Nam! Dù trải qua bao cuộc bể dâu, dù con người và hoàn cảnh có thay đổi thế nào đi nữa thì dòng Cửu Long vẫn chảy và chảy bất tận như tự thủa nào và non nước ta vẫn còn đó chứng kiến những thăng trầm qua bao thế hệ. Vĩnh Long quê tôi vẫn hiền hòa giữa hai dòng sông Tiền và sông Hậu. Người Vĩnh Long luôn đơn sơ bình dị, nhưng luôn cần cù lam lũ với ruộng đồng quê hương. Bây giờ đã nghìn trùng xa cách quê hương, nhưng làm sao tôi quên được tiếng gà gáy lúc rạng đông, tiếng mẹ ru con giữa những buổi trưa hè oi ả, tiếng gió đưa cành trúc xạc xào, tiếng chim gọi đàn lúc bóng chiều tàn. Làm sao tôi quên được những con đê bờ ruộng thân yêu với những buổi trưa hè cùng các bạn đi câu cá rô. Làm sao tôi quên được những chiều trên đồng ruộng quê hương, những mái tranh nghèo dọc theo hai bờ lộ, những cánh cò lặn dăng đó đây trên bầu trời, hương đồng cỏ nội thoang thoảng một mùi lúa chín quyện lẫn với mùi phân trâu hăng hắc tạo ra một mùi thật là quê hương mà có lẽ tôi sẽ không tìm được ở bất cứ đâu. Làm sao tôi quên được những đêm nơi miền thôn dã Vĩnh Long thật huyền diệu với ánh trăng sáng mượt tỏa khắp như dòng sữa quê hương đang chảy đều khắp không trung, như hứa hẹn mang lại một ngày mai tươi đẹp. Đêm lặng thính với đó đây tiếng côn trùng tình tứ bên những con đê hay bờ ruộng, thỉnh thoảng một làn gió nhẹ làm sạt xào bờ cây khóm trúc và đưa nhẹ hương cam hương bưởi vào sương đêm tĩnh mịch. Làm sao Vĩnh Long có thể xóa nhòa được trong tâm khảm tôi vì suốt thời thơ ấu tôi đã gắn liền với ruộng đồng, sông rạch thân yêu của quê hương xứ Vĩnh. Làm sao tôi quên được quê hương nghèo nàn nhưng chính nơi đó đã cho tôi sức phấn đấu vươn lên để nhìn đời. Những năm sau này vì chiến chinh triền miên nên tôi ít có dịp về Vĩnh Long, rồi dòng đời thay đổi đổi thay, tôi trôi dạt đến tận vùng Bắc Mỹ. Bây giờ đã hơn 30 năm rời xa đất Vĩnh, nhưng mỗi lần hồi tưởng lại Vĩnh Long năm xưa và Vĩnh Long bây giờ khiến tôi buồn ngùi chua xót cho quê tôi nước tôi.



Hình 1: Vàm sông Long Hồ, 1895, ảnh Salles Andre.



Hình 2: Sông Long Hồ năm 1895, ảnh Salles Andre.



Hình 3: Những khu nhà ven sông Long Hồ 1895, ảnh Salles Andre.



Hình 4: Khu Chợ Vĩnh Long, 1920.



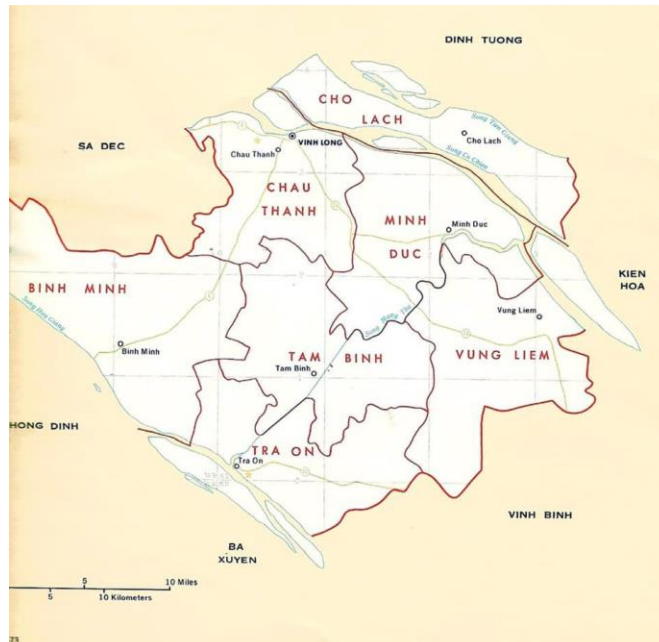
Hình 5: Quán Ba Vị, ngã ba Cần Thơ, 1973, ảnh William Jones.



Hình 6: Xe Lôi của một cư dân xóm Kho Dầu Cũ năm 1971, ảnh William Jones.



Hình 7: Quang cảnh Bungalow năm 1969, sau Tết Mậu Thân với những vết đạn loang lổ trên tường, ảnh Rick Haffey.



Hình 8: Bản đồ địa giới tỉnh Vĩnh Long năm 1973.



Hình 9: Nhà máy Tin Thành trên đại lộ Gia Long, 1965, ảnh Bruce Hill.



Hình 10: Rạch Cai Cá năm 1955.

XXV

Thay Lời Kết (2)

Năm 2008, sau bao năm xa cách quê hương, tôi đã trở về thăm lại Vĩnh Long, gặp lại bà con thân thuộc mà lòng mừng mừng tủi tủi, nhìn những khuôn mặt khắc khổ và mỗi một của những người thân mà lòng tôi bỗng se thắt quặn đau. Ôi thương quá Vĩnh Long, ôi thương quá những kỷ niệm đầu yêu của một thời hoàng kim nơi đất Vĩnh. Ôi thương quá quê hương đất Vĩnh thân yêu mà một lần rất quen thuộc với tôi, nhưng lần trở về này sao tôi cảm thấy quá xa lạ, xa lạ như một người ngoại quốc tới đây vắng cảnh. Đâu rồi những con đê bờ ruộng năm xưa? Đâu rồi những ruộng vườn xanh ngát tỏa bóng trên kinh rạch thân yêu? Đâu rồi những khóm trúc bụi chuối sau hè? Đâu rồi những giàn thiên lý năm xưa? Tôi như người đang lạc lõng ngay trên đất nước quê hương của chính tôi. Tất cả những dấu vết thân yêu năm cũ đã tan biến vào hư không. Vĩnh Long quê tôi ngày xưa trù phú và sung túc lắm mà, sao bây giờ dân tình lại xơ xác đến như thế này? Người dân xứ Vĩnh năm xưa đầy sinh khí, sao bây giờ lại gầy guộc và tàn tạ đến như thế này? Tôi sững sờ và chóng mặt trước những đổi thay tạc nhập hôm nay. Người dân xứ Vĩnh năm xưa đâu cần chi phải bon chen mà vẫn có miếng cơm manh áo, còn bây giờ dù đã phải tất bật bon chen xuôi ngược, mà vẫn không đủ ăn. Nhìn những người dân qua lại với vẻ mặt xơ xác, tôi thấy lòng buồn man mác. Người giàu thì quá giàu và có khi làm giàu một cách bất thường, trong khi người nghèo thì quá nghèo, cũng nghèo một cách bất thường. Công ăn việc làm thì không có, mà người ta cứ rong rong nói toàn là chuyện trên trời dưới đất không thôi. Đa phần thanh thiếu niên, dù có học đi nữa cũng phải đi làm thuê làm mướn độ nhật, chứ không cách chi có thể tìm được một nghề tương xứng với sở học của mình. Còn “con ông cháu cha” dù học hành chẳng ra gì nhưng lúc nào thời nào cũng phê phỡn, ăn trên ngồi trước. Ngoài đường phố thì đa phần trẻ em ở cái tuổi đáng lý phải được đi học, thì chúng lại tay xách tay ôm những món hàng đi rao bán, có đứa thì ôm bao đi bán bánh mì, có đứa thì đội mâm bán các loại bánh, có đứa thì bán vé số. Các em bán bất cứ thứ gì có thể bán được để sinh sống, thậm chí có một số trẻ nhỏ phải bỏ học đi làm thuê làm mướn để kiếm tiền nuôi mẹ nuôi cha đau yếu bệnh hoạn. Tội quá cho dân tôi nước tôi, tội quá cho tuổi trẻ Việt Nam trong thời buổi u tối hôm nay. Thương quá những người thân phải sống đời cơ cực cùng khổ ngay trên quê hương trù phú của chính mình. Thương quá cho bằng

hữu thân yêu phải sống cho qua cuộc đời trớ trêu đã biến họ từ chân giày qua chân đất, từ tay cầm viết qua tay cầm cuốc. Thương quá những đồng đội thân yêu một thời bảo vệ lý tưởng tự do, dân chủ và nhân quyền cho vùng Đất Phương Nam, giờ phải vất vưởng nơi đầu đường xó chợ để tìm miếng cơm thừa cá cặn sống cho qua một kiếp con người. Thương quá quê hương yêu dấu một thời là xứ của trai thanh gái lịch, nhưng bây giờ chỉ còn trơ lại những khuôn mặt sạm nắng, hốc hác và đờ đẫn với những vết hằn khắc khổ và u uẩn, những ánh mắt mệt mỏi, nhật nhòa vì sức tàn phá của thời gian và của chính con người. Thương quá những ánh mắt tự ty mặt cảm của những khuôn mặt một thời vang bóng. Thương quá quê tôi và dân tôi với cuộc sống không có ngày mai. Thương quá một thời vàng son vang bóng đã đi qua. Nhiều khi tôi tự hỏi không biết tại sao dân tôi nước tôi lại ra nông nổi, cứ mãi chịu cảnh tai trời, ách nước, họa người như thế này? Hết thảm họa chiến tranh, rồi tới lũ lụt, lũ lụt chưa xong là tới bệnh tật, rồi hạn hán, rồi nạn bè phái tham nhũng. Bây giờ ngồi đây ôn lại những thăng trầm của đất nước quê hương, nhiều khi tôi cảm thấy những gì đã xảy ra cho dân tôi nước tôi quả là phi lý, phi lý đến độ nhiều khi chính mình cũng không tin những gì đã xảy ra. Nhưng thôi, luật vô thường còn tàn phá ngay cả thiên hà vũ trụ thì huống gì một đất nước nhỏ bé như đất nước tôi! Chỉ có một điều tôi không hiểu nổi là tại sao đất nước tôi lại sản sinh ra chỉ một lớp người ngu xuẩn u mê, đã xô đẩy cả vận mệnh đất nước và dân tộc vào một cuộc chiến chỉ có tàn phá và chết chóc, chỉ nhằm phục vụ cho lợi ích của một loại chủ nghĩa không tưởng, còn quê hương thì bom cày đạn xối và dân tộc thì đẩy dụa trong hận thù triền miên mà hậu quả vẫn còn âm ỉ cho mãi tới hôm nay.

Sau lần về thăm ấy, tôi lặng lẽ bước đi mà lòng như chùng xuống với những suy nghĩ miên man về những cảnh khốn cùng của dân tôi nước tôi. Một nơi đã từng nổi tiếng là trai thanh gái lịch mà bây giờ cả trai lẫn gái đều xác xơ hốc hác như thế này hay sao? Một nơi nổi tiếng là một trong những vùng trù phú nhứt của đồng bằng sông Cửu Long mà bây giờ dân tình bệ rạc như thế này sao? Mãi suy nghĩ miên man, mà xe đã ra khỏi cầu Bắc Mỹ Thuận hồi nào tôi cũng không hay. Ngồi trên xe với đủ đầy những người thân thương mà sao tôi lại cảm thấy mình như một khách lữ hành cô đơn, nhìn cảnh vật hai bên đường trong cảnh hoàng hôn vào mùa lúa chín, hương thơm lúa mới thoang thoảng làm tôi chạnh nghĩ cũng con đường này, cũng con người này mà bốn mươi năm về trước và bốn mươi năm về sau lại như một trời cách biệt thế này? Thôi thì cũng mong cho gió vô thường sớm thổi qua những làng quê năm cũ để chúng tôi quay về tìm lại những dấu vết xa xưa của một thời hoàng kim đã qua. Mong lắm thay!!!



Hình 1: Khu phố chợ Vĩnh Long, 1920.



Hình 2: Khu người Hoa bán cháo và hủ tiếu trong chợ Vĩnh Long, 1920.



Hình 3: Nhà Lồng Chợ Vĩnh Long, 1920.



Hình 4: Khu Giang Cảng Vĩnh Long được chụp từ máy bay trực thăng, 1973.



*Hình 5: Đại lộ Nguyễn Huệ (ngã ba Cần Thơ)
chụp từ máy bay trực thăng, 1973.*



Hình 6: Phi trường Vĩnh Long chụp từ máy bay trực thăng, 1973.



Hình 7: Cảnh sông Long Hồ được chụp từ máy bay trực thăng, 1973.



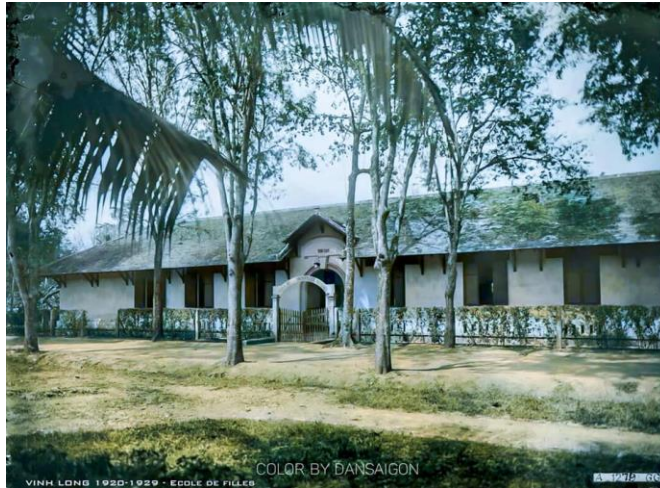
Hình 8: Quốc lộ 4 (nay là quốc lộ 1A) được chụp từ máy bay trực thăng, 1973.



Hình 9: Ty Quan Thuế Vĩnh Long, 1920.



Hình 10: Dinh Công Sứ Pháp tại Vĩnh Long, 1920.



Hình 11: Trường Nữ Tiểu Học Vĩnh Long, 1920.



Hình 12: Khu phố chợ dọc theo đại lộ Gia Long, 1967.

